

TẠP CHÍ

SỐ 392

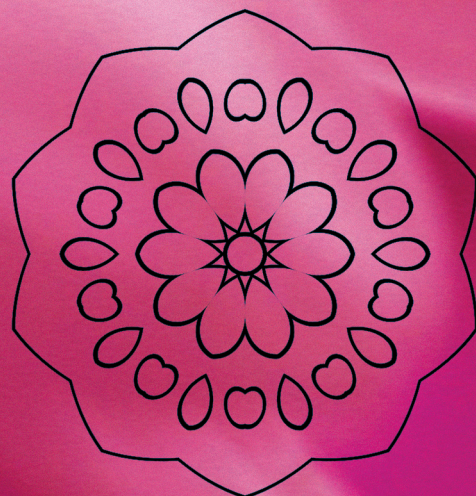
# VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

## DUY TRÌ MẠNG MẠCH

TIẾP TỤC PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG  
GẮN BÓ ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC,  
“HỘ QUỐC AN DÂN” CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO  
VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI



DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN MẠNG MẠCH  
ĐẠO THIÊN VIỆT NAM



TỶ NI TẠNG TRỤ  
PHẬT PHÁP CỬU TRỤ

---

## PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT  
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**  
**TT. Thích Phước Nghiêm**

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**  
**Mai Phương Nam**  
**Châu Quốc Hùng**  
**Quách Minh Triết**

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**  
**0944 020 802**

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**  
Liên hệ **0886 424 842**



### Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969  
Email: toasoanvhp@gmail.com  
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

### Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản: 0071001053555  
Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang  
Q. Tân Phú, TP. HCM



## CHỦ ĐỀ: DUY TRÌ MẠNG MẠCH

- 6 Duy trì và phát triển mạng mạch đạo Thiên Việt Nam (TT. Thích Phước Đạt)
- 10 Vai trò người Thầy trong trọng trách duy trì mạng mạch Phật pháp (ĐĐ. Thích Trung Thiện)
- 16 Ý nghĩa “Truyền đăng tục diệm” theo tinh thần Luật tạng (Tỳ kheo Thích Từ Thông)
- 22 Duy trì mạng mạch Phật giáo là sứ mệnh của người con Phật (SC. Thích Nữ Huệ Giác)
- 28 Giới luật và mạng mạch Phật giáo (SC. Thích Nữ Tuệ Phương)
- 34 Duy trì mạng mạch Phật pháp với trí tuệ (SC. Thích Nữ Huệ Cảnh)

## PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 42 Tiếp tục phát huy truyền thống gắn bó đồng hành cùng dân tộc, “Hộ quốc An dân” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới (TS. Nguyễn Văn Thanh)
- 50 Thế giới quan Phật giáo thời Lý-Trần (SC. Thích Nữ Huệ Nhật)

## PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

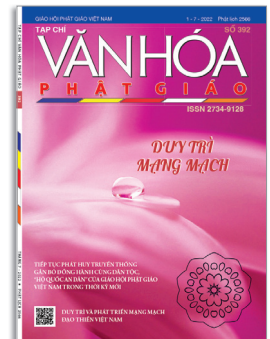
- 62 Phát đại tâm và lý tưởng nhập thế của người xuất gia (Lạc Nhiên)
- 68 Giá trị nội dung của thơ văn trên báo chí Phật giáo trước 1945 (Dương Thụy)

## PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 78 Năm pháp đối trị bất thiện tầm qua bài Kinh An trú tâm (Vitakkasanthāna Sutta) (SC. Thích Nữ Huệ Quang)
- 84 Nền tảng xây dựng quan điểm tánh Không của Bồ tát Long Thọ và đối tượng phê phán của Trung Quán Luận (ĐĐ. Thích Tịnh Đạo)

## GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Anna Huỳnh Trần  
Thiết kế: Phương Nam

# HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT  
GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH  
LẦN THỨ X,  
NHIỆM KỲ 2022-2027**



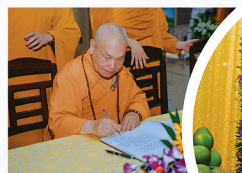
**ĐẠI GIỚI ĐÀN  
THIỆN AN  
PL.2566 - DL.2022  
TẠI BÌNH DƯƠNG**

## ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO NHIỆM KỲ 2022-2027 CÁC TỈNH: THÁI NGUYÊN, HÀ GIANG, BẮC GIANG VÀ LONG AN





**TÂN BAN TRỊ SỰ GHPGVN TP.HCM NHIỆM KỲ X ĐẾN VĂN PHÒNG THÀNH ỦY ĐỂ THĂM VÀ CẢM ƠN CHÍNH QUYỀN TP.HCM**



**TRUNG ƯƠNG GHPGVN VIẾNG TANG TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH GIÁC LAI TẠI TỊNH XÁ TRUNG TÂM**

**MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI TIÊU BIỂU**



# THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Con đường giải thoát duy nhất của người xuất gia không gì khác hơn là Giới-Định-Tuệ. Đây không chỉ là chỗ nương tựa, là người dẫn đường, là bậc thầy của người xuất gia mà còn là nền tảng cho sự tồn tại của Phật pháp. Trong đó, Giới luật là bước đi đầu tiên, căn bản, là thang hướng đến Niết bàn an lạc, là kim chỉ nam trong đời sống.

Giới hạnh của người tu liên quan mật thiết đến thịnh suy của Phật pháp, như lời Đức Phật dạy khi sắp nhập Niết bàn: *“Này các Tỳ kheo, sau khi ta diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới, như mù tối mà được mắt sáng, nghèo nàn mà được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu ta ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy”* (kinh Di giáo).

Nỗ lực tinh tấn không ngừng trau dồi giới đức, vì Giới là cội gốc Bồ đề, là ngọc anh lạc đề trang nghiêm pháp thân, là tấm phao đưa người qua bể khổ sinh tử và duy trì mạng mạch. Dù ở đâu, khi nào, nếu Giới còn được hành trì nghiêm túc thì chánh pháp sẽ mãi mãi trường tồn. Nhân tháng An cư kiết hạ, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin gửi đến quý độc giả số báo 392 với chủ đề *“Duy trì mạng mạch”*, để cùng bàn luận về tầm quan trọng của tinh nghiêm Giới luật.

Để chánh pháp tồn tại lâu dài và truyền bá rộng rãi, các sứ giả Như Lai không chỉ tự mình tinh nghiêm Giới luật, lấy giới làm mạch sống tu hành, mà còn phải biết tùy theo căn cơ thời đại và hoàn cảnh để áp dụng linh động Giới luật, miễn sao không hại đến mục đích giải thoát. Như lời Đức Phật dạy trong *Ngũ phần luật* quyển 22: *“Tuy điều giới ta chế nhưng phương khác chẳng cho là thanh tịnh đều chẳng nên dùng. Tuy chẳng phải điều ta chế nhưng phương khác cần phải làm thì chẳng được chẳng làm”*.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





**DUY TRÌ**  
MẠNG MẠCH

**DUY TRÌ VÀ  
PHÁT TRIỂN  
MẠNG MẠCH  
ĐẠO THIÊN  
VIỆT NAM**

**TT. Thích Phước Đạt\***







“Ở trong nhà thì hiếu thảo với mẹ cha,  
ra ngoài xã hội thì giúp nước hộ dân, khi  
ngồi một mình thì phải biết tu thân”.

**K**ể từ khi truyền bá vào Việt Nam, thực hành nếp sống đạo Thiên đã trở thành con đường để Phật giáo hòa nhập vào đời sống thực tiễn. Đạo Thiên được Thiền sư Mâu Tử diễn giải ở trong điều 4 của *Lý học luận* như sau: “*Ở trong nhà thì hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài xã hội thì giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình thì phải biết tu thân*”. Chính nếp sống đạo Thiên này khi đi vào hiện thực cuộc sống của từng người dân Việt đã góp phần cùng cả dân tộc làm nên chiến công hiển hách, chấm dứt 1.000 năm phong kiến Trung Quốc đô hộ, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông vào thời Lý - Trần, thiết lập một thời đại hòa bình và hội nhập toàn cầu từ cột mốc đại thắng mùa Xuân 1975, Bắc Nam sum họp một nhà. Như thế, đạo Phật Việt Nam với cốt tủy là đạo Thiên đã trở thành hệ tư tưởng soi sáng cho con đường sống đạo của mỗi người Phật tử Việt Nam kể từ khi mạch thiền khai mở.

Theo *Việt Nam Phật giáo sử luận*, vào thế kỷ thứ II sau Công nguyên, khi đạo Phật đã dần thể nhập và lan tỏa ở Giao Châu, Luy Lâu đã trở thành trung tâm học thuật và tín ngưỡng của nước ta, là nơi chụ Tểng khắp nơi trong và ngoài nước hội tụ dịch kinh, giảng dạy, truyền bá chánh pháp để duy trì, phát triển mạng mạch Phật pháp. Từ đó, số lượng người phát tâm xuất gia, thọ giới, sống theo đạo Thiên ngày càng tăng. Sự kiện ấy được *Việt Nam Phật giáo Sử luận* tổng kết, ghi nhận thành quả ban đầu rất ấn tượng: “*Những kinh điển đầu tiên được phiên dịch hay tuyển dịch tại Giao Chỉ như kinh Tứ Thập Nhị Chương đã nhắm tới đối tượng người xuất gia hơn là người tại gia. Chúng ta đã biết Tểng đoàn Giao Chỉ vào thời Mâu Tử đã có hơn 500 vị, trong khi ở Trung Quốc mãi đến thế kỷ thứ ba mới có Tểng đoàn. Giáo lý truyền dịch trong kinh Tứ Thập Nhị Chương, phần lớn là để dành cho giới Tểng sĩ*” [1].

## DUY TRÌ MẠNG MẠCH

Vào thế kỷ thứ III sau Công nguyên, Thiền sư Khương Tăng Hội trên nền tảng đạo Phật bước đầu thể nhập triết lý Thiền từ kinh điển và sự hành trì các Thiền sư. Ngài chính thức dịch kinh và mở lớp dạy pháp thiền tại Luy Lâu, đặt nền tảng cho Thiền học Việt Nam, từ đó mạch thiền lan tỏa trong đời sống tu học ở nước ta. Điều này minh chứng, Thiền sư Khương Tăng Hội là người đặt nền tảng, khai mở mạch thiền ở nước ta vào thế kỷ III trên nền tảng mạng mạch Phật giáo từ thời Mâu Tử. *An ban thủ ý* và *Lục độ tập kinh* là hai bản kinh cơ bản dạy đạo Thiền ở nước ta bấy giờ, hẳn nhiên có tác động lưu truyền từ đó về sau, không chỉ xiển dương Thiền học mà còn làm cho đạo Thiền đi vào đời sống thực trong tiến trình tu tập, hướng tâm đến sự giải thoát.

Thế nên, khi đề cập đến vai trò của Thiền sư Khương Tăng Hội trong việc truyền thừa mạng mạch thiền ở nước ta, Thiền sư Thích Nhất Hạnh nhận định Ngài Khương Tăng Hội đã thiết lập một Thiền phái nội sinh hồi thế kỷ thứ III và có truyền thừa đến thế kỷ XIII, với đại diện tiêu biểu được nhắc đến là Thiền sư Lô Lô Hà Trạch: *“Truyền thống của thầy Khương Tăng Hội thành lập đã trở nên một thiền phái vững mạnh, tồn tại tới đời Lý và sau đó đến đời Trần mới hòa nhập vào cùng các Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Thảo Đường... vào Thiền phái Trúc Lâm.*



Ngày nay, trong xu hướng phát triển và toàn cầu hóa, đạo Thiền nước ta đã hội nhập toàn cầu, đem lại an lạc, hạnh phúc cho mọi người.

*Sách Thiền uyển tập anh có cho biết là đại diện Tăng Hội là Thiền sư Lô Lô Hà Trạch” [2].*

Điểm đáng nói, sau thời Khương Tăng Hội, các Thiền phái lần lượt được khai sáng và truyền thừa ở nước ta. Cụ thể, vào thế kỷ VI, Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi ra đời tại chùa Pháp Vân và truyền thừa qua 19 thế hệ. Đến thế kỷ IX, Thiền phái Vô Ngôn Thông ra đời tại chùa Kiến Sơ và truyền thừa đến 17 thế hệ. Thế kỷ XI, Thiền phái Thảo Đường ra đời trong hoàng cung, truyền thừa được 6 thế hệ. Đến thế XIII, cả ba thiền phái này đều sáp nhập vào dòng thiền Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông khai sáng.

Đại diện cho các thiền phái này là những tên tuổi lớn, như: Thiền sư Vạn Hạnh - người có công khai sáng vương triều Lý, Thiền sư Viên Thông, Minh Không, Thông Biện, Mãn Giác, Cảm Thành, Thiệu Hội, Từ Đạo Hạnh, Thường Chiếu... Tất cả đều là những người trực tiếp tham gia chính sự, xây dựng và phát triển vương triều, thực thi chính sách hợp lòng dân, hình thành và phát triển văn hóa, văn minh Đại Việt ở thời Lý - Trần. Điều này giúp mạng mạch thiền tuôn chảy, góp phần làm vẻ vang lịch sử dân tộc, mở ra thời đại độc lập tự chủ và hưng thịnh giá trị văn hóa Việt. Đồng thời, đưa nhà Lý trở thành vương triều xứng danh thuần từ nhất trong lịch sử phong kiến nước ta.

Sang thế kỷ XIII, thiền phái Trúc Lâm được Phật hoàng Trần Nhân Tông khai sáng đã khẳng định vai trò và vị thế của đạo Thiền trong lịch sử Thiền tông Việt Nam. Nổi bật hơn cả là tinh thần Việt hóa thiền tông, khẳng định ý thức độc lập tự chủ dân tộc không chỉ trên biên cương lãnh thổ mà còn ở mọi phương diện kinh tế - chính trị - văn hóa - giáo dục và cả tín ngưỡng tâm linh. Dưới sự lãnh đạo của Tam tổ Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang, Thiền phái Trúc Lâm đã được các ngài tiếp tăng độ chúng, truyền thừa qua bao thế hệ và đưa đạo Thiền thâm nhập đời sống thực tiễn với tinh thần nhập thế, tùy duyên vui với đạo, hòa quang đồng trần, góp phần làm nên nước Đại Việt hùng cường. Hệ quả, những Phật tử Việt Nam không phân biệt thành phần xuất gia hay tại gia đã cùng sống đạo Thiền, yêu đạo chính là yêu nước, nối kết yêu thương, đặt sự tồn vong của quốc gia trong sự tồn vong của đạo. Đó cũng là câu trả lời cho câu hỏi vì sao Phật giáo thời Lý-Trần là Phật giáo thế sự, định hình cho tư tưởng



Vào thế kỷ thứ III sau Công nguyên, Thiền sư Khương Tăng Hội trên nền tảng đạo Phật bước đầu thể nhập triết lý Thiền từ kinh điển và sự hành trì của các Thiền sư.

sống đạo bằng *triết lý thiền hành động* để những người Phật tử làm nên kỳ tích rực rỡ trong lịch sử dân tộc và lịch sử Thiền tông nước nhà.

Sang thời Hậu Lê - Nguyễn, với sự thể nhập hai dòng thiền mới vào nước ta, các Tổ sư đã nỗ lực truyền thừa và Việt hóa dòng Thiền phái Tào Động, Lâm Tế để đáp ứng nhu cầu lịch sử. Các vị Tổ sư: Thủy Nguyệt, Nguyên Thiệu, Liễu Quán, Hưng Liên... đã truyền đăng tục diệm, xây dựng niềm tin bất động đối với chánh pháp, kết nối lòng yêu thương, hiểu biết của đạo lý từ bi và trí tuệ, góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết dân tộc, kết thúc nội chiến Đàng Trong - Đàng Ngoài. Qua đó, đưa đạo pháp trường tồn trong tinh thần tu đạo, hành đạo và chứng đạo ngay giữa hiện thực cuộc đời đầy biến động.

Dù có những thăng trầm cùng với biến động của lịch sử dân tộc, nhưng ngọn đèn Thiền của Phật tổ

vẫn luôn được tiếp nối và ngày càng tỏ rạng hơn. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, các Thiền sư đã cùng đồng bào Phật tử tu học góp phần đồng hành với dân tộc đấu tranh thống nhất nước nhà vào năm 1975. Chính Thiền sư Hòa thượng Thích Trí Thủ từng nói: *“Những gì tôi làm cho dân tộc chính là làm cho đạo pháp, những gì làm cho đạo pháp chính là cho dân tộc”*. Vào năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, đạo Thiền tiếp tục phát triển trong lòng dân tộc Việt qua sự thống nhất các tổ chức hệ phái. Những ví dụ điển hình minh chứng cho điều đó có thể kể đến như: Sự phục hưng và phát triển mạnh mẽ của Thiền phái Trúc Lâm do Thiền sư Thanh Từ giáo hoá; Thiền Như Lai được Hòa thượng Thích Minh Châu giảng dạy và thực tập trong các thiền đường, tự viện cho Tăng Ni, Phật tử kể từ khi Ngài khai sáng Viện Đại học Vạn Hạnh vào năm 1964 (tiền thân của Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh), và Thiền chánh niệm do Thiền sư Nhất Hạnh chủ trương đã lan tỏa khắp muôn nơi...

Có thể nói, những sinh hoạt Thiền của Tăng, Ni và Phật tử trong cả nước từ khởi nguyên Thiền học đến nay đã tạo nên sắc thái đặc trưng của đạo Thiền Việt Nam, không lẫn lộn với sắc thái Thiền nào khác ở các nước xung quanh. Ngày nay, trong xu hướng phát triển và toàn cầu hóa, đạo Thiền nước ta đã hội nhập toàn cầu, đem lại an lạc, hạnh phúc cho mọi người. Việc thực hành Thiền định giúp con người có khả năng đối diện, giải quyết, vượt qua những khổ đau trong đời hay xung đột về bản ngã, chuyển hoá nội tâm trong đời sống thực tiễn với những khát vọng về một thế giới thái bình văn minh cùng các giá trị sống hữu ích. Như thế, từ khi khai mở ở buổi đầu Phật giáo du nhập vào nước ta, tự thân mạch thiền đã truyền thừa, duy trì, phát triển xuyên suốt hơn 26 thế kỷ và tiếp tục lưu chảy trong tương lai. Có thể nói, với những giá trị tốt đẹp vốn có, đạo Thiền Việt Nam sẽ tiếp tục hiện thực hóa vị thế Phật quốc hiện hữu trong tiến trình đất nước ta hội nhập và phát triển.

#### **Chú thích:**

\* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Nguyễn Lang (1986), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tr.50.

[2] Thích Nhất Hạnh (2000), *Thiền sư Tăng Hội*, Nxb. An Tiêm, tr.11.

# VAI TRÒ NGƯỜI THẦY TRONG TRỌNG TRÁCH DUY TRÌ MẠNG MẠCH PHẬT PHÁP

ĐD. Thích Trung Thiện\*





Trong *Yết ma yếu chỉ* nói rằng: “Làm bậc thầy thấu nhận đệ tử mà không biết giáo dục là một trọng tội.”

## DẪN NHẬP

Đức Thế Tôn đã Niết bàn hơn 26 thế kỷ, song giáo pháp của Ngài vẫn tỏ rạng khắp năm châu, suối nguồn chánh pháp được khơi dậy từ ngàn xưa nhưng vẫn chảy với thời gian bất tận. Được như thế là nhờ những vị Thánh tăng, Tổ sư qua từng thời kỳ mang trách nhiệm quan tâm đến việc gìn giữ, truyền bá lời Phật dạy. Ngày nay, thừa hưởng ân đức cao sâu của chư vị Tổ sư, là sứ giả Như Lai, chúng ta phải ý thức được bổn phận và trách nhiệm của bản thân trong trọng trách duy trì và phát huy suối nguồn chánh pháp đó, ngõ hầu báo Phật ân đức và không phụ chí xuất gia.

## TIẾP TĂNG ĐỘ CHÚNG LÀ SỨ MỆNH QUAN TRỌNG

Có thể nói, việc tiếp Tăng độ chúng là một trong những sứ mệnh quan trọng để duy trì mạng mạch Phật pháp. Vai trò của người thầy trong việc nuôi chúng, dạy điều, hướng dẫn môn sinh phải được quan tâm, đầu tư hơn hết. Bởi người đệ tử chính là sự tiếp nối, là hình bóng của vị thầy mà nói rộng hơn là sự truyền thừa, truyền đăng tục diệm, kế tục mạng mạch chánh pháp. Chính những đệ tử hiện tại là những vị thầy tương lai và là những người lãnh

đạo, phát triển đạo pháp sau này. Rõ ràng, sự giáo dưỡng đệ tử và vai trò của người thầy là nền tảng căn bản trong sứ mệnh duy trì mạng mạch mà Đức Thế Tôn đã khai mở, chư vị Tổ sư đã truyền thừa.

Phật pháp muốn xương minh, phát triển vững chãi không thể không có sự tham gia của các Tăng Ni tài đức. Một người xuất gia đóng góp thiết thực cho sự hưng thịnh của đạo pháp không những thông hiểu căn bản về giáo lý, hành trì mà còn phải có giới đức, hạnh kiem. Có hiểu biết mới có thể trao truyền kiến thức, hướng dẫn đệ tử tu học theo đúng chánh pháp; có giới hạnh mới có thể nhiếp phục đệ tử, trở thành chỗ nương tựa vững chắc, quy ngưỡng cho đệ tử. Ngoài ra những hành động, cử chỉ, lời nói đều phải chuẩn mực và oai nghi bởi đó là bài pháp thiết thực nhất, là hình ảnh tuyệt vời để đệ tử học tập và kính ngưỡng. Đặc biệt, tất cả phải được soi chiếu bởi từ bi và trí tuệ.

Tuy nhiên, để đào tạo ra một tu sĩ như vậy cần cả một quá trình đầu tư, chú trọng ngay từ buổi đầu tiên bước chân vào chùa, nương thầy, nương chúng tu học. *Tre già măng mọc*, không ai có thể đảm bảo đạo pháp sẽ đi về đâu khi người sau không tiếp nối,



Có thể nói, việc tiếp Tăng đồ chúng là một trong những sự mệnh quan trọng để duy trì mạng mạch Phật pháp.

kế thừa được những bước chân của người đi trước và lịch sử đã cho thấy điều này. Chúng ta đều biết, Phật giáo từng suy vi trên chính quê hương Ấn Độ do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, trong đó có việc truyền trao gia tài Phật học từ thế hệ trước cho thế hệ sau bị ngắt quãng.

### LỜI PHẬT DẠY VỀ NGƯỜI THẦY

Nhìn về quá khứ để đánh thức thực tại, bài học lịch sử vẫn còn đó để cảnh tỉnh chúng ta. Ngay chính trong thời Đức Phật, vấn đề quan tâm đến đời sống sinh hoạt tu tập của những vị xuất gia nhỏ tuổi đã được Đức Phật quan tâm. Điển hình là câu chuyện của ngài La-hâu-la (Rāhula) trong kinh *Tiểu Bộ*, *Chuyện tiền thân Tipallatthamiga* [1].

La-hâu-la xuất gia trở thành vị Sa-di năm 7 tuổi, lúc Đức Phật về thăm Kapilavatthu lần đầu tiên sau khi giác ngộ. Với tính ham học, La-hâu-la luôn mong muốn nhận được sự chỉ dẫn từ những người thầy của mình. Mỗi sáng, vị Sa-di nhỏ tuổi thức dậy thật sớm, bốc một nắm cát trên tay và nói: *“Hy vọng ngày hôm nay, tôi sẽ được những vị thầy cho nhiều lời dạy như những hạt cát trong lòng bàn tay này”* [2]. Hạnh vâng lời, sự ưa thích học hỏi đó của La-hâu-la được các vị Tỳ-kheo khen ngợi, thương mến nên tiếp đón tôn giả vào phòng của mình. Nhưng khi Đức Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được ngủ cùng người chưa thọ đại giới, các Tỳ-kheo sợ vi phạm nên không cho La-hâu-la ngủ chung và bảo cậu đi tìm chỗ khác để ngủ. La-hâu-la không đến chỗ Đức Phật là thân phụ của mình, cũng không đến chỗ Xá-lợi-phất là Giáo thọ sư của mình hay đến chỗ ngài Đại Mục-kiền-liên là bậc Sư trưởng của mình mà lại đi vào phòng vệ sinh của Thế Tôn. *“Vì các Tỳ-kheo bảo tìm lấy chỗ ở, chỉ vì tôn trọng lời khuyên bảo, vì muốn học tập nên trú chỗ ấy”* không chút phàn nàn, đòi hỏi. Khi Đức Phật hỏi nguyên do ngủ trong nhà vệ sinh, La-hâu-la trả lời: *“Vì nghĩ rằng đây là chỗ không va chạm một ai, nên con nằm ở đây”*. Nghe câu trả lời đầy khiêm cung, kham nhẫn như vậy, Đức Phật xúc động mạnh vì chánh pháp và nhắc nhở các bậc Trưởng lão phải quan tâm đến những người trẻ mới xuất gia: *“Này Xá-lợi-phất, nếu các ông vứt bỏ La-hâu-la như vậy, thì đối với các lớp trẻ mới xuất gia, có gì các ông không làm được? Nếu sự việc là vậy, những ai xuất gia trong giáo pháp này sẽ không ở lại”*. Sau đó, Ngài chế định vị Tỳ-kheo, cho người chưa thọ đại



Khi xuất gia hẳn đã có duyên với Phật pháp và hữu duyên với người thầy, cho nên, bằng cách này hay cách khác, người thầy cần giữ lòng bao dung, kham nhẫn để hướng dẫn đệ tử thay đổi tâm tính, thuần hoá trong chốn thiên môn.

giới ở chung một hay hai ngày; đến ngày thứ ba, cho họ ở ngoài, sau khi biết chỗ ở của họ.

Qua đó cho thấy, Đức Phật rất quan tâm đến đời sống sinh hoạt, tu tập của những vị xuất gia trẻ chưa thọ đại giới. Đồng thời, Ngài cũng đưa ra những tiêu chuẩn và nhiệm vụ cần có của một người thầy khi nuôi dạy và truyền thụ giới pháp cho chúng đệ tử.

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, Đức Phật chỉ ra mười tiêu chuẩn của một người thầy đúng nghĩa khi muốn truyền trao giới pháp hay nhận nuôi dạy Sa-di. Đó là: “*Vị Tỳ-kheo đó có giới, sống được chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha; đầy đủ uy nghi chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp; là người nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất chứa điều đã được nghe... khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết; Vị ấy có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng; có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến tịnh chỉ bất mãn; có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; có khả năng phân biệt chỉ trích tà kiến*

*khởi lên; có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ”* [3]. Những tiêu chuẩn, tư cách của một vị thầy cũng được nói đến trong các bộ luật với hai khía cạnh là “*Tư cách lý tưởng và Tư cách chung*”.

Về tư cách lý tưởng, trong *Tứ Phần luật* (34, tr.806b) nêu rõ, nếu chưa thành tựu năm pháp sau thì chưa thể truyền cụ túc cho người. Năm pháp đó là:

1. *Giới chưa thành tựu;*
2. *Định chưa thành tựu;*
3. *Tuệ chưa thành tựu;*
4. *Giải thoát chưa thành tựu;*
5. *Giải thoát tri kiến chưa thành tựu.*

Còn *Thập tụng* (21, tr.149b) nêu rõ thành tựu 5 pháp: *tín, giới, đa văn, xả, tuệ*.

Về tư cách chung, *Tăng kỳ luật* (28, tr.457c) nêu rõ người thầy phải thành tựu 10 pháp mới được độ người xuất gia, thọ cụ túc. Đó là:

1. *Trì giới;*
2. *Học rộng A-tì-đàm;*

3. Học rộng Tì-ni;
  4. Học giới;
  5. Học định;
  6. Học tuệ;
  7. Biết rõ pháp xuất tội;
  8. Đủ khả năng chăm sóc người bệnh;
  9. Có khả năng giải quyết những khó khăn cho đệ tử;
  10. Tuổi đủ 10 hạ.
- Bàn về tư cách người thầy, còn được ghi chép rõ ràng trong các bộ luật khác nhưng tựu trung có năm điều chủ yếu:
1. Tuổi đạo phải đủ mười hạ.
  2. Phải biết rõ các trường hợp trì và phạm, khinh và trọng về giới luật.
  3. Kiến thức phải rộng rãi.
  4. Có đủ khả năng giải quyết những tâm tư khúc mắc của đệ tử.
  5. Có khả năng đoạn trừ tà kiến cho đệ tử.

Qua những gì trích dẫn, cho thấy làm một người thầy tiếp Tăng độ chúng không dễ dàng chút nào mà phải hội đủ nhiều tiêu chuẩn. Trong đó, yếu tố đề cập trước hết là phải có sự hành trì giới luật, tức những nguyên tắc căn bản về chuẩn mực đạo đức, oai nghi tế hạnh, mọi cử chỉ đều là mô phạm cho người đệ tử. Song song với giới luật là sự hiểu biết, tri thức rộng rãi và chuyên sâu để có thể giải quyết những tâm tư khúc mắc của đệ tử, “huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo bảo trì; dạy cho bảo trì những gì mình được khéo bảo trì; dạy cho thuần thực các nghề nghiệp; khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc; bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt” [4].

Hơn thế, theo lời Phật dạy, một người thầy đúng nghĩa phải có chất liệu của tình yêu thương trong việc nuôi dưỡng, chỉ dạy đệ tử. Điều này được diễn tả cụ thể trong *Ưu-bà-tắc giới kinh*, phẩm *Thâu phục đệ tử*. Ở đây, Đức Phật khuyên dạy những phương cách nuôi dạy, nhiếp phục đệ tử với tâm thế: “Một lòng dạy dỗ, xem họ như đứa con một của mình, mà không cầu sự trả ơn, không vì tiếng tăm, không vì lợi dưỡng, cũng không cầu sự vui cho chính mình”.

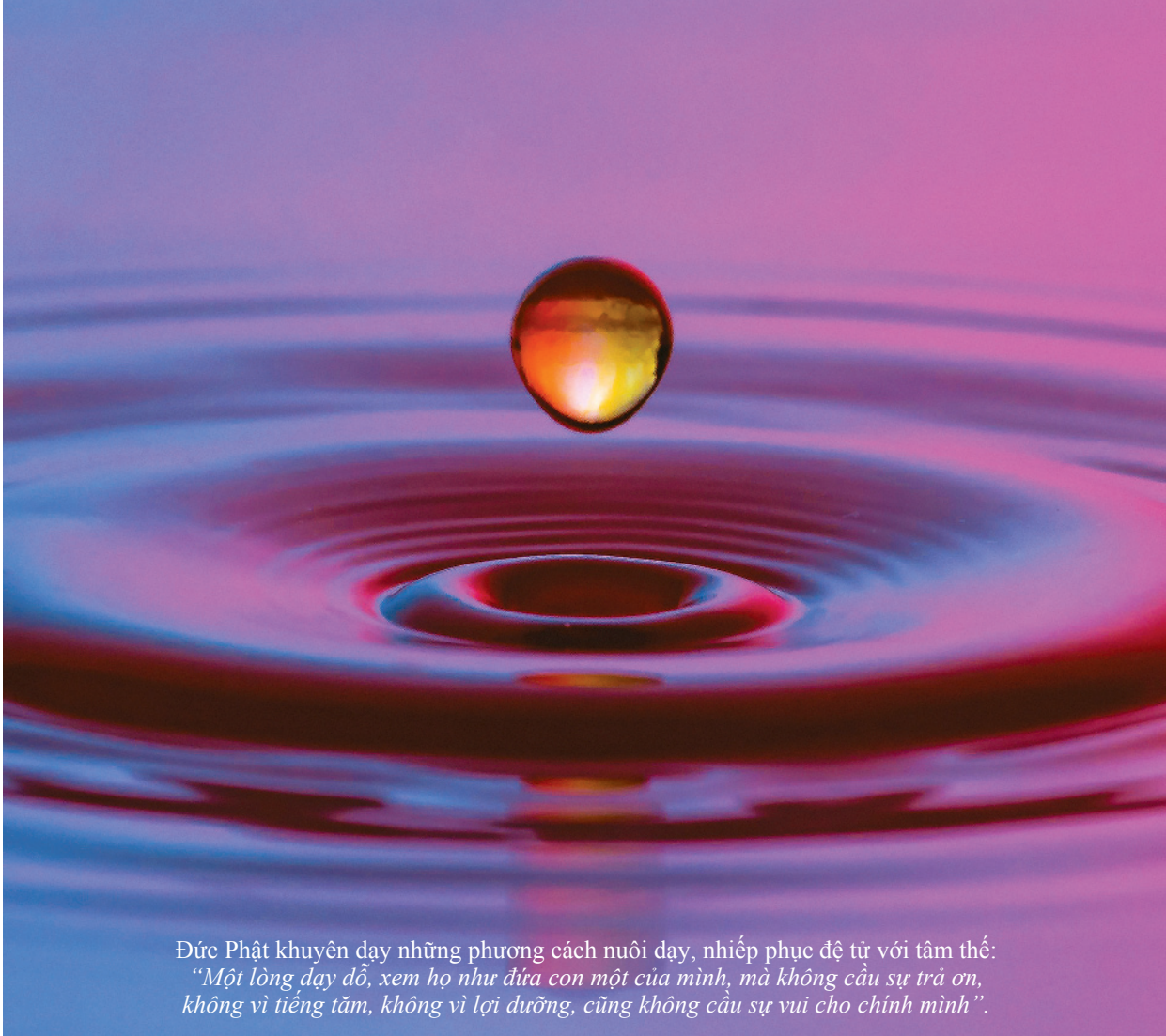
Một người xuất gia theo một vị thầy để học đạo có thể với nhiều lý tưởng khác nhau, nhưng đều mang trong mình một nhân duyên với Phật pháp, nhân duyên với bản thân vị thầy đó. Cho nên, người thầy

khi đã nhận vị đệ tử đó phải hết lòng dạy bảo, giúp đệ tử hiểu rõ đúng sai, chánh tà, thực hành và nếm được một phần hương vị an lạc chốn thiền môn. Đức Phật dùng hình ảnh so sánh: “*Xem họ như đứa con của mình*”. Nếu ở thế gian, cha mẹ là những người cho họ sắc thân trần tục, thì ở cửa không môn, những vị thầy là “*cha, mẹ*” mở đường, khai thị cho họ biết được chánh pháp. Cao quý thiêng liêng hơn nữa, người thầy dạy bảo cho đệ tử bằng tất cả khả năng của mình “*mà không cầu sự trả ơn, không vì tiếng tăm, không vì lợi dưỡng, cũng không cầu sự vui cho chính mình*”. Một sự chỉ dạy vô ngã, không mong cầu, vị kỷ. Từ đó, vị trí của người thầy trở nên thiêng liêng và thánh thiện trong lòng đệ tử.

Bên cạnh những tiêu chuẩn để hoàn thiện một người thầy mẫu mực, đúng nghĩa, Đức Phật còn chỉ dạy những người thầy cần phải sử dụng nhiều phương cách tùy căn cơ, hiểu rõ tâm sinh lý của đệ tử, “*phải nên tùy lúc mà dạy dỗ khuyên răn. Khéo biết căn cơ của đệ tử là lợi căn, trung căn hay độn căn. Dạy đệ tử độn căn làm cho họ sinh lòng tin đối với Phật pháp, đối với người trung căn, dạy dỗ làm cho họ thuần thực, đối với người lợi căn, dạy dỗ làm cho họ được giải thoát*”. Người thầy không những phải có trách nhiệm truyền trao, hướng dẫn đệ tử tu học mà còn chú trọng chăm sóc đời sống sinh hoạt. “*Khi đệ tử bệnh phải chăm sóc cho họ, mà không sinh tâm chán ghét*”. Không phải vị đệ tử nào cũng nghe lời, cũng bắt đầu với lý tưởng tìm cầu giải thoát, mà đâu đó có những vị xuất gia nhưng tâm trí còn lăm bụi trần phàm tục. Tuy nhiên, khi xuất gia hẳn đã có duyên với Phật pháp và hữu duyên với người thầy, cho nên, bằng cách này hay cách khác, người thầy cần giữ lòng bao dung, kham nhẫn để hướng dẫn đệ tử thay đổi tâm tính, thuần hoá trong chốn thiền môn.

*Ưu bà tắc giới kinh* có nói rõ: “*Chẳng thà thọ ác giới, trong một ngày giết vô lượng chúng sinh, quyết không nuôi dưỡng đệ tử ác mà mình không thể dạy dỗ. Vì sao? Phạm giới ác, chỉ liên hệ đến thân mình, còn nuôi đệ tử ác mà không dạy dỗ, có thể khiến cho vô lượng chúng sinh làm ác, có thể làm chúng sinh hủy báng vô lượng pháp lành vi diệu, phá hòa hợp tăng, làm cho nhiều chúng sinh phạm tội ngũ nghịch. Do đó, còn ác liệt hơn tội ác luật nghi*”. Từ đó cũng cho thấy, sự giáo dục phẩm cách đạo đức của người xuất gia là trách nhiệm trọng đại, gian truân của những người thầy. Trong *Yết ma yếu chỉ*





Đức Phật khuyên dạy những phương cách nuôi dạy, nhiếp phục đệ tử với tâm thế:  
“Một lòng dạy dỗ, xem họ như đứa con một của mình, mà không cầu sự trả ơn,  
không vì tiếng tăm, không vì lợi dưỡng, cũng không cầu sự vui cho chính mình”.

nói rằng: “Làm bậc thầy thấu nhận đệ tử mà không biết giáo dục là một trọng tội” [5]. Khi thấu nhận một đệ tử, người thầy phải có trách nhiệm chỉ dạy người đệ tử đó. Nhận đệ tử nhưng không hướng dẫn đệ tử tu học, thực hành đời sống tâm linh hướng đến giải thoát là một tội nặng. Bởi vị đệ tử ấy sau này là sự tiếp nối, kế thừa của mình hoằng bá Phật pháp. Nhưng nếu tri thức và nền tảng đạo đức không có thì quả là một mối nguy hại cho Phật pháp.

Như vậy, về khía cạnh vật chất, người làm thầy phải có khả năng cung cấp các phương tiện sống cho đệ tử theo tiêu chuẩn thiểu dục tri túc của người xuất gia, quan tâm chỗ ăn chỗ ngủ, không gian học tập và sức khỏe cho đệ tử. Nhưng quan trọng hơn cả là những đức tính thuộc khía cạnh về tinh thần. Người thầy phải đủ khả năng hướng dẫn đệ tử hành trì giới luật, học kinh điển, có đủ kinh nghiệm để giải quyết những tâm tư khúc mắc của đệ tử. Trách nhiệm làm thầy ở đây cũng như trách nhiệm làm cha. Nhưng bổn phận làm cha phần lớn tập trung vào việc nuôi dưỡng lớn sắc thân, còn bổn phận làm thầy là phải nuôi lớn pháp thân của đệ tử, cho nên bổn phận đó còn trọng đại hơn cả người cha nữa.

**Tóm lại**, vai trò của người thầy hết sức quan trọng và thiêng liêng, mang tính kế thừa, truyền tục cũng như sứ mệnh duy trì mạng mạch Phật pháp. Để phát huy tốt vai trò đó, người thầy trước hết phải ý thức được vị trí và trách nhiệm của mình để không ngừng trau dồi hiểu biết, tiêu chuẩn và trách nhiệm trong việc tiếp Tăng độ chúng, nuôi dạy chúng đệ. Được như vậy, suối nguồn Phật pháp sẽ mãi tuôn chảy, lan rộng trong nhân gian.

#### **Chú thích và tài liệu tham khảo:**

\* ĐĐ. Thích Trung Thiện - Học viên Cao học Phật học khóa V, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh

[1] HT. Thích Minh Châu dịch, Kinh *Tiểu Bộ III, Chuyện tiền thân Tipallatthamiga*, tr. 88.

[2] “*May I have today as many words of counsel from my teachers as there are here grains of sand*”, G. P Malalasekera, Dictionary of Pali proper names, VoL.II, Rāhula, tr. 737, according to Anguttaratthakatha volume I.

[3] HT. Thích Minh Châu dịch (1997), Kinh *Tăng Chi Bộ 4, chương X Mười Pháp IV. Phẩm Upāli và Ananda*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr. 337-338.

[4] HT. Thích Minh Châu dịch (2013), Kinh *Trường Bộ, 31. Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 628.

[5] HT. Trí Thủ giảng thuật, *Yết ma yếu chỉ - Tư cách làm thầy*, Ban Tu thư Phật học Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức, tr.82.

# Ý NGHĨA “TRUYỀN ĐĂNG TỤC DIỆM” THEO TINH THẦN LUẬT TẠNG

**ĐĐ. Thích Từ Thông**



“*N*hững người tốt là những người biết ơn và nhớ ơn đã thọ”[1] (Đức Phật). Rời mái ấm thân thương, xa vòng tay ấm áp của cha mẹ, những người con mang trong mình lòng nhiệt huyết với lý tưởng và mục tiêu cao thượng, chọn sống đời phạm hạnh, quyết lòng theo thầy học đạo, noi gương theo công hạnh của Đức Phật cùng với chư vị Tổ đức. Hình ảnh người thầy và học trò từ lâu đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng, cao quý, sự tiếp nối giữa thầy và trò trong Phật giáo không chỉ giới hạn trong phạm vi kiến thức mà nó còn thấm đượm tình đạo vị, hướng đến giải thoát làm mục tiêu duy nhất. Do đó, trong bài viết này chúng ta sẽ tìm hiểu về ý nghĩa truyền thừa cao đẹp này thông qua tinh thần của luật tạng (Vinaya).



Với vai trò quan trọng và ý nghĩa thiêng liêng của người thầy có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong mạng mạch Phật pháp nơi thế gian này.

## 1. KHỞI ĐẦU CỦA SỰ TRUYỀN THỪA

Kể từ khi Phật giáo bắt đầu xuất hiện tại Ấn Độ cách đây hơn 2.500 năm, cho đến thời điểm hiện tại đạo Phật vẫn còn nguyên vẹn các giá trị đạo đức nhân bản và lý tưởng giải thoát cao đẹp mà nó mang đến cho nhân loại. Theo dòng diễn biến của tiến trình vận động phát triển lịch sử, Phật giáo cũng tùy thuận với sự biến thiên thăng trầm thịnh suy của thời cuộc. Sự kiện quan trọng nhất, đánh dấu sự khởi đầu việc chính thức “*Truyền thừa Chánh pháp*” nơi thế gian này. Đó chính là thời điểm Đức Phật tuyên thuyết bài pháp sơ khởi cho năm vị đạo sĩ Kiều-trần-như. Sau khi bài kinh “*Chuyển pháp luân*” lần đầu tiên được Đức Phật tuyên thuyết, đạo sĩ Koṇḍañña đã chứng được Thánh quả và được gọi là Aññakoṇḍañña [2]. Đến bài pháp thứ hai, thời điểm mà bậc Đạo Sư tuyên thuyết “*Kinh vô ngã tướng*” bốn vị đạo sĩ còn lại, cũng lần lượt chứng thánh vị, lúc bấy giờ trên trái đất có sự hiện diện của sáu vị thánh A-la-hán [3].

Mahāvaga ghi nhận, chính bởi sự liễu ngộ giáo pháp và chứng thánh quả dưới sự hướng dẫn trực tiếp từ Đức Phật, mà nhóm năm vị đạo sĩ này về bản

chất đã được đầy đủ về “*giới thể và giới tướng của một vị Tỳ kheo*” và đã đạt đến mục đích giải thoát, chấm dứt hoàn toàn mọi khổ đau. Qua sự kiện trên, chúng ta nhận thấy, thời điểm có đầy đủ sự hiện diện của Đức Phật (Phật bảo), giáo pháp được tuyên thuyết (Pháp bảo) và có mặt năm vị Tỳ kheo A-la-hán (Tăng bảo). Đây là một trong những sự kiện quan trọng, đánh dấu sự hình thành nên Ba ngôi báu cao quý (Phật, Pháp, Tăng) bắt đầu hiện hữu trên cõi đời này. Nếu xét về phương diện khởi nguyên của sự truyền thừa Chánh pháp, thì sự kiện này làm tiền đề cho việc duy trì và truyền bá mạng mạch Phật pháp nơi thế gian.

Tuy nhiên, căn cứ theo Luật tạng thì điểm cần lưu ý ở đây là vào 12 năm đầu tiên khi Tăng đoàn đã được thành lập, trong khoảng thời gian đó, giới luật chưa được Đức Phật chế định, “Chánh pháp” được hiểu với ý nghĩa bao gồm cả giáo pháp cùng với các quy tắc sống cao thượng (Luật). Những vị thánh đệ tử truyền bá Chánh pháp với ý nghĩa bao gồm cả sự truyền trao giáo pháp cao thượng từ Đức Phật cùng với những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm tu tập

trên nền tảng vô ngã, vị tha, với mong muốn đem lại sự an lạc lợi ích cho số đông và đặt mục tiêu giải thoát làm cứu cánh.

### 2. Ý NGHĨA “NGƯỜI THẦY” TRONG ĐẠO PHẬT

Sau khi chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đức Phật đã dành hai mươi một ngày tận hưởng trọn vẹn niềm an lạc của hương vị giải thoát (bảy ngày dưới gốc cây Bồ-đề, bảy ngày dưới gốc Mucalinda, bảy ngày dưới gốc Rājāyatana). Một trong những ý nghĩ suy tầm đầu tiên của Đức Phật, Ngài nghĩ rằng: *“Pháp này đã được ta chứng ngộ là (Pháp) thâm sâu, khó lĩnh hội, khó nhận thức, thanh tịnh, cao quý, vượt trên lý luận, tinh tế, nên được hiểu biết bởi các bậc trí. Hơn nữa, chúng sanh đời này có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục, đối với chúng sanh có sự thỏa thích trong ngũ dục, ... thì vấn đề này khó lĩnh hội tức là quy luật nhân quả và sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện; ... sự yên lặng của tất cả các Hành, sự dứt bỏ tất cả gốc rễ của sự tái sanh, sự diệt tận ái, sự không còn dục tình, sự tịch diệt, Niết bàn. Nếu ta thuyết giảng Pháp và những người khác không hiểu được ta, điều ấy sẽ đem lại cho ta sự mệt mỏi và sự phiền toái”* [4].

Sau đó, Phạm Thiên Sahampati biết được suy tầm này của Phật, ông nghĩ: *“N hư thế này thì thế gian bị tiêu diệt! N hư thế này thì thế gian bị hủy hoại! Bởi vì tâm của Đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Biến Tri thiên về (khuy nh hướng) không ra sức nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp”* [5]. Phạm Thiên đi đến Đức Phật và cầu xin Ngài hãy chuyển vận bánh xe pháp nơi thế gian, bởi vì trong đời có những hạng người sanh lên ít bị ô nhiễm sẽ là những người hiểu được giáo pháp, nhưng do việc không nghe giáo pháp sẽ bị thoái hóa và là một sự tổn thất lớn cho chư Thiên và loài người.

Sự kiện Phạm Thiên cầu thỉnh Đức Phật thuyết pháp không chỉ dừng lại ở các yếu tố mang tính chất huyền thoại, nhưng ẩn ý đằng sau nó là một tầng triết lý sâu sắc. Điều này ngụ ý sẽ có một nền giáo pháp mới thay thế cho hệ thống tư tưởng triết học Ấn Độ thời bấy giờ, bởi Phạm Thiên Sahampati được xem là vị thần linh tối cao trong hệ thống tín ngưỡng Bà-la-môn giáo nay đã đến quy y, kính ngưỡng giáo pháp với Đức Thế Tôn.



Với tuệ giác của bậc giác ngộ, Đức Phật đã quán sát thế gian, hình ảnh những hoa sen đang vươn mình lên trong bùn nhơ nước đục, gọi cho Ngài những ẩn tượng sâu sắc về những khả năng tiềm ẩn trong mỗi chúng sanh.

Với tuệ giác của bậc giác ngộ, Đức Phật đã quán sát thế gian, hình ảnh những hoa sen đang vươn mình lên trong bùn nhơ nước đục, gọi cho Ngài những ẩn tượng sâu sắc về những khả năng tiềm ẩn trong mỗi chúng sanh. Đối tượng quan trọng nhất mà Đức Phật đang hướng đến ở đây chính là con người, mặc dù có sự khác biệt ở nhiều mặt nhưng bản chất của sự giác ngộ là một chất liệu có sẵn trong mỗi con người. Điều quan trọng là ai sẽ là người đánh thức những nguồn năng lượng tiềm ẩn, phát triển và vận dụng nó hướng đến cái vĩ đại nhất (giác ngộ)?

Đó chính là những *“bậc thầy tâm linh”*, mà Đức Phật là một bậc thầy tôn kính nhất trong thế gian không có người vượt qua, bên cạnh đó thì những vị Thánh đệ tử, các vị Tỳ kheo có trí tuệ và giới đức được Đức Phật giao phó sứ mệnh cao thượng này. Khi Tăng đoàn ngày một lớn mạnh về số lượng, quy mô và mở rộng các trú xứ hành đạo. Việc tiếp nhận và huấn luyện các vị sơ cơ xuất gia theo đúng với mục tiêu và giá trị cao đẹp mà đời sống phạm hạnh hướng đến. Do đó mà Đức Phật đã cho phép các vị cư sĩ xuất gia thọ giới Tỳ kheo mà không cần sự hiện diện chứng minh của Đức Phật. Ngoài ra, những vị tân Tỳ kheo này cần phải được đặt dưới sự bảo hộ và giáo dưỡng của một vị “Hòa thượng” hay “thầy tế độ”, kể từ đây mối quan hệ giữa thầy - trò trong Phật pháp ngày càng trở nên rõ ràng và thiêng liêng hơn.



Đức Phật đã chế định: “*Này các Tỳ kheo, ta cho phép vị thầy tế độ. Này các tỳ kheo, vị thầy tế độ sẽ gọi lên ở người đệ tử tâm của người con và người đệ tử sẽ gọi lên ở vị thầy tế độ tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau có sự kính trọng, có sự vâng lời, có sự tiếp xúc với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này*”.

### 3. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ THIÊNG LIÊNG CỦA NGƯỜI THẦY

Sau khi được Đức Phật cho phép, các vị Tỳ kheo có trí tuệ và giới đức thu nhận và truyền giới Cụ-túc cho các cư sĩ có ý muốn xuất gia trở thành Sa-môn theo quy tắc: “*Tam ngữ thọ giới*”, tức là người muốn xuất gia tự đọc lên ba lần: “*Con xin đến nương tựa Phật. Con xin đến nương tựa Pháp. Con xin đến nương tựa Tăng...*”. Tuy nhiên, những vị tân học Tỳ kheo này chưa nhận được sự quan tâm dạy dỗ theo đúng chuẩn mực của một vị Sa-môn Thích tử. Điều này đã khiến cho dân chúng phàn nàn và chê trách: “*Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khát thực, và khi dân chúng đang ăn các vị lại đưa bình bát đã mở ra ở phía trên thức ăn loại mềm (của dân chúng), các vị lại đưa bình bát đã mở ra ở phía trên thức ăn loại cứng, các vị lại đưa bình bát đã mở ra ở phía trên thức ăn có hương vị, các vị lại đưa bình bát đã mở ra ở phía trên thức uống, các vị tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực, các vị sống (thường xuyên) gây nên sự nóng nực, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vậy?*” [6].

Sau khi nhận được sự phản ánh từ dân chúng; các vị Tỳ kheo ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai điều này và sau đó bạch sự việc này

lên Đức Phật. Đức Thế Tôn đã triệu tập hội chúng Tỳ kheo, sau khi xác nhận vấn đề này, Ngài ân cần dạy bảo khích lệ với những pháp thoại liên hệ đến đời sống phạm hạnh và nghiêm khắc phê bình những hành động chưa đúng đắn của các vị tân học đó. Nhân sự kiện này, Đức Phật đã chế định: “*Này các Tỳ kheo, ta cho phép vị thầy tế độ. Này các Tỳ kheo, vị thầy tế độ sẽ gọi lên ở người đệ tử tâm của người con và người đệ tử sẽ gọi lên ở vị thầy tế độ tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau có sự kính trọng, có sự vâng lời, có sự tiếp xúc với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này*” [7].

Từ Phần Luật thì ghi: “*Từ nay về sau cho phép cầu thỉnh Hòa thượng. Hòa thượng chăm sóc đệ tử với tâm ý đó là con. Đệ tử chăm sóc Hòa thượng với tâm ý đó là cha. Trên dưới kính trọng lẫn nhau, chăm sóc cho nhau. Có như vậy Chánh pháp mới được lâu bền, mới được lợi ích rộng lớn*” [8].

Danh từ “Hòa thượng” (和尚) [9] tương đương với “thầy tế độ” (upādhyāya; upajjhāya) là danh xưng dành cho những bậc tôn đức trưởng thượng có đầy đủ giới hạnh và trí tuệ, đặc biệt nhất là khả năng khích lệ, đánh thức những yếu tố giác ngộ, những “*hạt giống Bồ-đề tâm*” của người học trò. Từ *upādhyāya* trong Phạn ngữ, được hiểu là sự kết hợp của “*upā*” có nghĩa là gần, bên cạnh và “*dhyāya*” có nghĩa là

*đọc*; *upādhyāya* nghĩa là sự gần gũi, thân cận một bậc thầy tâm linh để học hỏi và đọc tụng hành trì các giáo pháp. Ngài Kumarajiva, dịch từ này sang Hán văn là “*lực sinh*” (力生), nghĩa là người mà các học trò nương náu và học hỏi kinh nghiệm hay giáo lý; là người có khả năng làm sanh khởi các sức mạnh đạo đức, thiên định và trí tuệ của người học trò.

Cũng chính vì vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn và đào tạo những thế hệ kế thừa gia tài pháp bảo, mà về sau luật chế định về việc nương nhờ của người có ý định xuất gia đối với vị Hòa thượng (thầy tế độ). Người đệ tử đó phải tự phát nguyện ý muốn xuất gia trở thành Tỳ kheo trước sự chứng minh của Tăng đoàn, việc xuất gia và trở thành thành viên của Tăng đoàn được xác định thông qua sự biểu quyết (bạch tứ yết-ma) của hội đồng các vị tôn đức thanh tịnh, với số lượng tối thiểu là từ năm vị trở lên. Ngoài ra, vị đệ tử này phải thực hiện các bốn phận và nhiệm vụ đối với người thầy, thân tâm cung kính thầy như cung kính Phật. Bởi vì nhờ người thầy dìu dắt mà người học trò mới thoát ra khỏi những phiền não trần lao và khai mở con mắt trí tuệ, ơn đức ấy thật bao la vô cùng tận. “On thầy” được xem là một trong bốn ân đức cao tột mà mỗi người con Phật cần phải luôn tâm niệm, lấy đó làm động lực tinh tấn cho sự nghiệp tu hành của mình để đáp đền những công ơn sâu dày đó.

Với vai trò quan trọng và ý nghĩa thiêng liêng của người thầy có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của mạng mạch Phật pháp nơi thế gian này. Do đó, chức năng và nhiệm vụ của người thầy luôn được quan tâm xem xét, để xứng đáng đúng với chuẩn mực của người thầy. Điển hình, theo luật Phật quy định, vị Hòa thượng (thầy tế độ) phải từ mười hạ trở lên, ngoài ra vị ấy là một vị có giới hạnh không bị khiếm khuyết, là vị có trí tuệ rộng lớn,...

Trong kinh *Tăng chi bộ*, khi đề cập đến mười tiêu chuẩn của một vị Hòa thượng truyền trao Cụ túc giới là: [10]

- 1) Là vị có giới đức, sống chế ngự theo giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp.
- 2) Là người nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe.
- 3) Cả hai Giới bổn được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết.

- 4) Có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng.
- 5) Có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn.
- 6) Có khả năng đoạn trừ đúng pháp các pháp ác khởi lên.
- 7) Có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên.
- 8) Có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới.
- 9) Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm.
- 10) Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ.

Do đó, tiêu chuẩn để trở thành một vị thầy tế độ (Hòa thượng) cần phải đạt được những thành tựu trong sự tu tập thực hành giáo pháp, dày dặn những kinh nghiệm trong lộ trình giác ngộ, có được như vậy, vị ấy mới có thể dễ dàng cảm hóa và truyền trao những kinh nghiệm và năng lượng tích cực đến với người học trò.

#### 4. TIẾP LỬA VÀ DUY TRÌ NGỌN ĐÈN CHÁNH PHÁP NƠI THẾ GIẠN

Nếu như vai trò của Hòa thượng được xem là nhịp cầu nối giữa người đệ tử sơ cơ đến với đạo, thì Luật tạng còn ghi nhận thêm về vai trò và tầm quan trọng của một vị “*Giáo thọ A-xà-lê*” (vị thầy dạy về giáo pháp). Đây chính là những bậc Tôn sư khả kính, truyền trao cả kiến thức cùng với những kỹ năng thực hành giáo pháp, đem đến niềm hỷ lạc trong chánh pháp đối với những người học trò. Đồng hành với sự nghiệp tiếp tăng độ chúng của người thầy tế độ, Đức Phật còn cho phép những vị tân học Tỳ kheo được nương nhờ nơi một hay nhiều vị thầy dạy học: “*Này các Tỳ kheo, ta cho phép vị thầy dạy học. Này các Tỳ kheo, vị thầy dạy học sẽ gọi lên ở người học trò tâm của người con và người học trò sẽ gọi lên ở vị thầy dạy học tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau có nhiều kính trọng, có sự vâng lời, có sự tiếp xúc với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này*” [11].

*Thầy dạy học* hay *A-xà-lê* (阿闍梨), Phạn ngữ là *ācārya* (Pāli: *ācariya*), các từ tương đương như: Quỹ phạm sư, Giáo thọ sư, ... với ý nghĩa là một bậc thầy có nề nếp, kỷ cương, phép tắc, là một người gương mẫu đối với học trò, vì thế còn được gọi là Đạo sư. Tại Ấn độ cổ xưa, *Ācārya* vốn là người thầy trong Bà-la-môn giáo dạy dỗ học trò về các quy củ và lễ nghi tế tự được ghi trong *kinh Phê-đà*, danh từ này về sau được Phật giáo thu dụng, ngay từ thời Phật cũng đã được sử dụng một cách phổ biến cho đến tận ngày nay.



Mahāvaga ghi nhận, chính bởi sự liễu ngộ giáo pháp và chứng thánh quả dưới sự hướng dẫn trực tiếp từ Đức Phật, mà nhóm năm vị đạo sĩ này về bản chất đã được đầy đủ về “giới thể và giới tướng của một vị tỷ kheo”

Căn cứ theo *Tứ Phần luật*, *Ngũ Phần luật* và *Thập tụng luật* chia A-xà-lê thành năm loại: [12]

- 1) Xuất gia A-xà-lê, khi thụ giới, là thầy trao mười giới, vì thế còn gọi là Thập giới A-xà-lê.
- 2) Thọ giới A-xà-lê, vị thầy truyền giới Cụ túc, cũng được gọi là Yết-ma A-xà-lê.
- 3) Giáo thọ A-xà-lê, là thầy dạy bảo uy nghi, vì thế cũng gọi là Uy nghi A-xà-lê.
- 4) Thọ kinh A-xà-lê, là thầy chỉ dạy ý nghĩa và phép đọc tụng kinh điển. *Thập tụng luật* thì gọi là Thọ pháp A-xà-lê.
- 5) Y chỉ A-xà-lê, là thầy cùng ở với các Tỷ kheo và chỉ bảo về bốn uy nghi đi, đứng, ngồi, nằm; hoặc là thầy mà tỷ kheo chỉ nương nhờ theo học trong một đêm, cũng có thể gọi là Y chỉ A-xà-lê.

Qua đó, chúng ta nhận thấy nhiệm vụ và vai trò của Hòa thượng và A-xà-lê vô cùng lớn lao, thiêng liêng. Do đó, *Bồ tát giới nghĩa* số tôn vinh địa vị của Hòa thượng và A-xà-lê vào tám mảnh ruộng phước đức to lớn cho chúng sanh gieo trồng [13]. Ngoài ra, trong bài kinh *Vô Minh*, Đức Phật xác nhận: *Thức ăn của mình giải thoát là bảy giác chi; thức ăn của bảy giác chi là bốn niệm xứ; thức ăn của bốn niệm xứ là ba thiện hành; thức ăn của ba thiện hành là các căn được chế ngự; thức ăn của các căn được chế ngự là chánh niệm tỉnh giác; thức ăn của chánh niệm tỉnh giác là như lý tác ý; thức ăn của như lý tác ý là lòng tin; thức ăn của lòng tin là nghe Diệu pháp; thức ăn của nghe Diệu pháp là giao thiệp với bậc chân nhân (sappurisasamseva)* [14]. Đây là toàn bộ thức ăn của

minh giải thoát và dẫn đến sự viên mãn của nó, tức là đạt đến sự viên mãn của đời sống phạm hạnh.

Chúng ta nhận thấy con đường đưa đến chấm dứt vô minh, có sự khởi nguồn từ việc thân cận và gần gũi với các bậc thầy có giới đức, tâm đức và tuệ đức. Chính nhờ sự nương nhờ, học hỏi từ những bậc thầy trí tuệ này mà chúng ta nhận được nhiều lợi lạc, hạnh phúc. Trong *Đại trí độ luận* ghi rằng: *người muốn xuất gia phải nương tựa vào Hòa thượng và A-xà-lê, cung kính như cha mẹ, vì họ đã trao cho ta giới thân huệ mạng, là những vị có khả năng dẫn dắt chúng ta ra khỏi sanh tử luân hồi* [15].

## 5. KẾT LUẬN

Ý nghĩa của sự truyền thừa theo tinh thần của Luật tạng không gì khác đó chính là sự truyền thừa và tiếp nối ngọn đèn Chánh pháp nơi thế gian này. Đền đáp công ơn của Đức Phật, các bậc thầy chính là nỗ lực thực hành ba điều cốt lõi của Phật giáo, tức là Đạo đức (Giới) - Thiền định (Định) - Trí tuệ (Tuệ). Hãy là những người tiếp lửa tâm linh từ các bậc thầy tôn kính, tiếp nối và truyền trao ngọn lửa ấy mãi mãi được hiện hữu nơi thế gian này./.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Tỷ kheo Indacanda dịch (2021), *Đại phẩm I, TTPL*, Nxb. Hồng Đức, tr.121.
- [2] “Aññakoṇḍañña” = Aññā + koṇḍañña nghĩa là Koṇḍañña đã hiểu. Aññā được trích từ lời nói của Đức Phật là: “*Aññāsi vata bho Koṇḍañño, aññāsi vata bho Koṇḍañño*” rồi ghép vào phía trước tên Koṇḍañña (Tỷ kheo Indacanda).
- [3] HT. Thích Đồng Minh dịch (2019), *Tứ Phần Luật tập II, ĐTKVN*, Nxb. Hồng Đức, tr.1096.
- [4] Tỷ kheo Indacanda dịch (2021), *Đại phẩm I, TTPL*, Nxb. Hồng Đức, tr.11.
- [5] Tỷ kheo Indacanda dịch (2021), *Đại phẩm I, TTPL*, Nxb. Hồng Đức, tr.11.
- [6] Tỷ kheo Indacanda dịch (2021), *Đại phẩm I, TTPL*, Nxb. Hồng Đức, tr.93.
- [7] Tỷ kheo Indacanda dịch (2021), *Đại phẩm I, TTPL*, Nxb. Hồng Đức, tr.95.
- [8] HT. Thích Đồng Minh dịch (2019), *Tứ Phần Luật tập II, ĐTKVN*, tr.1136.
- [9] 四分律卷三十三、卷三十九、根本說一切有部百一羯磨卷一....
- [10] HT.Thích Minh Châu dịch (2021), *Tăng Chi Bộ kinh, TTĐPGVN*, Nxb. Hồng Đức, tr.1176-1177.
- [11] Tỷ kheo Indacanda dịch (2021), *Đại phẩm I, TTPL*, Nxb. Hồng Đức, tr.133.
- [12] T1421 彌沙塞部和醯五分律【卷16】; T1428 四分律【卷39】; T1435 十誦律【卷49】.
- [13] T1811 菩薩戒義疏【卷2】; T1814 菩薩戒本疏【卷2】;...
- [14] HT. Thích Minh Châu dịch (2021), *Tăng Chi Bộ kinh, TTĐPGVN*, Nxb. Hồng Đức, tr.1205.
- [15] T1509 大智度論【卷13】.

# DUY TRÌ MẠNG MẠCH PHẬT GIÁO LÀ SỨ MỆNH CỦA NGƯỜI CON PHẬT

SC. Thích Nữ Huệ Giác



## DẪN NHẬP

Vào thế kỷ VI TCN, tại vùng đất Ấn Độ - nơi được xem là cái nôi của nền văn hóa phương Đông cổ đại - đã xuất hiện một tôn giáo lớn, sau này ảnh hưởng đến cả nhân loại, đó là Phật giáo. Theo dòng lịch sử, trải qua bao thăng trầm biến đổi, Phật giáo vẫn tồn tại và ngày càng phát triển. Đó vừa là bởi sự phong phú và hấp dẫn của giáo lý đạo Phật, vừa nhờ vào mỗi người con Phật gìn giữ, duy trì. Sở dĩ như thế, vì một tôn giáo phải có giáo chủ và giáo lý, kể đến là người truyền thừa. Cũng vậy, Phật giáo có Phật - Pháp - Tăng hay ba ngôi Tam bảo. Trong đó, Phật là bậc cao quý đã đạt thành quả Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp là giáo lý của Đức Phật truyền dạy về con đường chân lý đưa chúng sanh thoát khỏi mọi đau khổ, phiền não của kiếp nhân sinh, để tiến đến giác ngộ giải thoát. Tăng là đệ tử xuất gia, tu học





Đức Phật từng dạy: “Giới luật là mạng mạch của Phật pháp, giới luật còn là Phật pháp còn, giới luật mất là Phật pháp mất”.

theo giáo lý của Đức Phật. Từ đó giáo pháp của Đức Phật được truyền bá đến với mọi người. Đệ tử của Đức Phật không chỉ là người xuất gia mà còn Phật tử tại gia. Là một đệ tử của Đức Phật, dù là người xuất gia hay cư sĩ đều mang trong mình sứ mệnh “Duy trì mạng mạch Phật giáo”, để Phật giáo luôn trường tồn và phát triển.

### **ĐỐI VỚI NGƯỜI XUẤT GIA**

#### ***Thứ nhất, An cư kiết hạ để thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức***

An cư kiết hạ là truyền thống lâu đời của Phật giáo, từ thời Đức Phật còn tại thế cho đến ngày nay. Sở dĩ có mùa “An cư kiết hạ” là do một sự duyên khởi thời Đức Phật còn tại thế. Vấn đề này được ghi chép lại trong *Đại Phẩm Luật Tạng* như sau: Vào những năm đầu, Đức Phật chưa quy định về việc cư trú vào mùa mưa. Ở Ấn Độ bấy giờ mưa nhiều, là mùa của các loài côn trùng sinh sôi nảy nở, lúc này, dân chúng mới phân nản: “*Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang dẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh*

*nhỏ nhoi*” [1]. Những lời này truyền đến tai Đức Phật. Nhân đây, Ngài dạy: “*Này các Tỳ khuru, ta cho phép vào mùa (An cư) mưa*” [2]. Từ đó, mùa mưa được lấy làm mùa An cư kiết hạ và điều này trở thành truyền thống của Phật giáo hàng ngàn năm nay.

Với lòng từ bi của mình vì không muốn các chúng sanh bị giẫm đạp, giết hại một cách vô ý, Đức Phật đã quy định mùa An cư kiết hạ cho Tăng đoàn. Đây chính là dịp cho người xuất gia tạm ngưng mọi Phật sự bên ngoài để trở về chuyên tâm vào thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức. Thúc liễm thân tâm chính là quay về kiểm thúc thân và tâm của mình. Chuyên tâm vào tu học không để vọng niệm khởi lên làm tâm buông lung, xao nhãng. Đây là dịp để những người con Phật xem xét lại thân tâm đã thanh tịnh chưa, nếu chưa thì phải khéo chuyển hóa để thăng tiến trong tu tập. Từ đó, đức hạnh càng tăng trưởng, người đời còn gọi là âm đức.

Là người xuất gia, được tác pháp An cư kiết hạ sống trong môi trường đại chúng, thân cận với các bậc minh sư để được chỉ dạy, học hỏi những điều tốt đẹp. Đây là cơ hội quay về thúc liễm thân tâm, trau dồi



Cổ đức có câu: “Phật pháp xương minh do Tăng già hoằng hóa, thiền môn hưng thịnh bởi đàn việt phát tâm”.

giới đức, từ đó tăng trưởng đạo hạnh trang nghiêm, làm cho mọi người tín tâm hơn để quay về nương tựa ba ngôi Phật - Pháp - Tăng, hộ trì chánh pháp được lâu dài. Một yếu tố quan trọng là tinh tấn và luôn chánh niệm, hội đủ những điều đó sẽ giúp Tăng già thêm sinh lực, năng lượng. Mỗi địa điểm tập trung an cư là góp phần phát huy và nối tiếp truyền thống an cư kiết hạ hàng ngàn năm của Phật giáo.

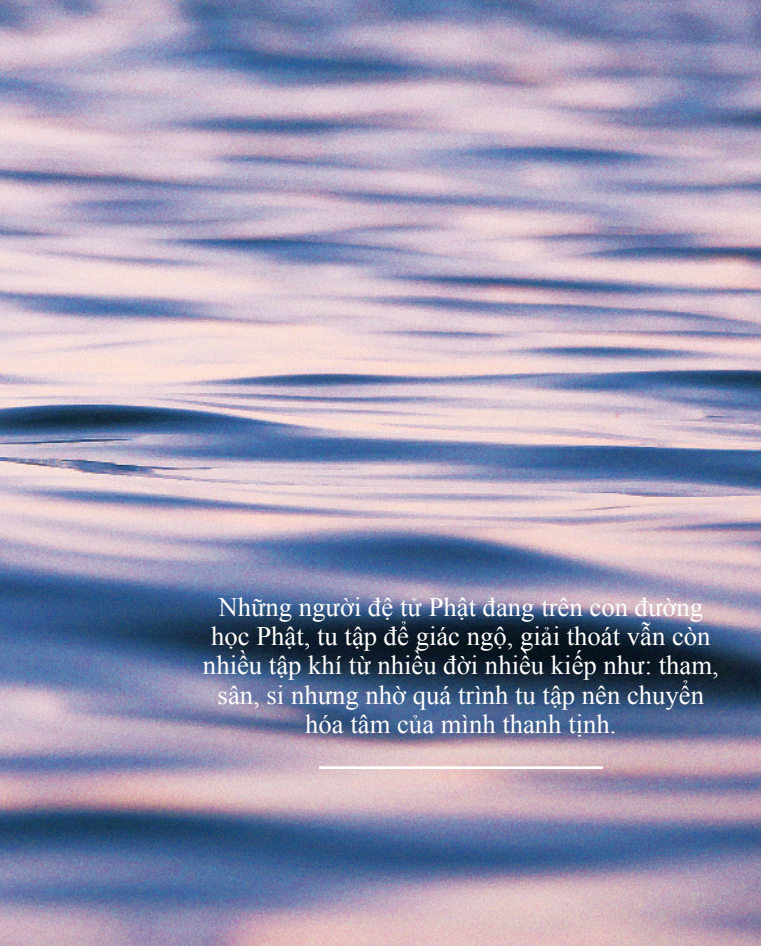
### **Thứ hai, nghiêm trì giới luật**

Đức Phật từng dạy: “Giới luật là mạng mạch của Phật pháp, giới luật còn là Phật pháp còn, giới luật mất là Phật pháp mất”. Một tôn giáo muốn tồn tại không thể thiếu giáo chủ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức. Trong đó, giáo luật là điều quan trọng nhất để phân biệt một tôn giáo và là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển và tồn tại của tôn giáo đó. Phật giáo cũng vậy, chính nhờ vào giới luật mà Phật giáo tồn tại hơn 25 thế kỷ và ngày càng phát triển. Những người đệ tử Phật, trên con đường giác ngộ giải thoát của mình, không thể nào không có giới luật. Giới luật là cơ sở nền tảng cho hành giả trên tiến trình giải thoát. Người xuất gia phải luôn sống đời phạm hạnh, thực hành oai nghi tế hạnh là tự trang nghiêm thân tướng cho mình, vì Tăng Ni chính là đại diện cho một đoàn thể thanh tịnh, là mô phạm của mọi người và gương mẫu của tứ chúng. Mỗi một cá nhân trang nghiêm sẽ làm nên một Tăng đoàn trang nghiêm và thanh

tịnh. Cho nên, ngoài việc thực hành oai nghi tế hạnh, còn phải tinh tấn tham thiền, trì chú và niệm Phật kể cả đi, đứng, nằm, ngồi. Thực hành không gián đoạn như vậy thì thân, khẩu, ý mới không sanh tạp niệm, buông lung. Nghiêm trì giới luật mới chế phục được dục vọng phiền não tự thân. Từ việc nỗ lực công phu tu tập, giữ gìn oai nghi nên Tăng Ni được an trụ trong chánh niệm và luôn sống trong tỉnh giác. Hình ảnh một Tăng đoàn thanh tịnh, lấy giới luật làm trang nghiêm, mọi người sẽ thấy tín tâm, Phật giáo ngày càng hưng thịnh.

### **Thứ ba, hòa hợp và thanh tịnh**

Sự bất hoà là nguyên nhân dẫn đến việc chia rẽ, mất đoàn kết, từ đó xuất hiện tham, sân, si. Thấy được điều đó, từ xưa, Đức Phật đã dạy về pháp Lục hòa nhằm muốn Tăng đoàn hòa hợp và thanh tịnh. Người xuất gia phải luôn đi đầu gương mẫu trong việc thực hành pháp Lục hòa như lời Đức Phật dạy: *Một là, thân hòa đồng trú. Hai là, khẩu hòa vô tranh. Ba là, ý hòa đồng duyệt. Bốn là, giới hòa đồng tu. Năm là, kiến hòa đồng giải. Sáu là, lợi hòa đồng quân.* Như vậy, người xuất gia cùng cư trú và tu tập với nhau chung một mái chùa. Những người đệ tử Phật đang trên con đường học Phật, tu tập để giác ngộ, giải thoát vẫn còn nhiều tập khí từ nhiều đời nhiều kiếp như: tham, sân, si nhưng nhờ quá trình tu tập nên chuyển hóa tâm của mình thanh tịnh. Trong sinh hoạt thường



Những người đệ tử Phật đang trên con đường học Phật, tu tập để giác ngộ, giải thoát vẫn còn nhiều tập khí từ nhiều đời nhiều kiếp như: tham, sân, si nhưng nhờ quá trình tu tập nên chuyên hóa tâm của mình thanh tịnh.

ngày, chúng ta cần tập lời nói từ tốn, khiêm nhường và tránh tranh luận hơn thua. Quan trọng hơn hết, yếu tố hình thành nên tất cả đều do ý của mỗi người. Trong kinh *Pháp Cú*, Đức Phật dạy:  
“*Ý dẫn đầu các pháp,  
Ý làm chủ, ý tạo.  
Nếu với ý thanh tịnh,  
Nói lên hay hành động,  
An lạc bước theo sau,  
Như bóng, không rời hình*” [3].

Hiểu được ý đóng vai trò quan trọng trong mọi hành động cũng như hòa hợp, nên người xuất gia lúc nào tâm ý cũng duy trì thanh tịnh, vui vẻ hòa hợp trong đại chúng. Trước tiên phải luôn sống hỷ xả, bỏ ngoài tai những muợn phiền bởi lời nói và không chấp nhặt những hành động hay sai lầm của người khác. Chúng ta luôn lấy giới luật của Đức Phật dạy cùng nhau thực hành, học hỏi và chia sẻ cùng nhau tăng trưởng giới đức. Mỗi khi có những vật phẩm đàn na tín thí cúng dường thì chia đều, không được giữ riêng hay giành phần nhiều, luôn biết tâm quý và kính trên nhường dưới. Được như thế, Tăng già mới hòa hợp và thanh tịnh. Cổ đức thường dạy một câu rất hay: “*Hổ ly sơn hổ bại, Tăng Ni ly chúng Tăng Ni tàn*”. Cho nên, yếu tố hòa hợp và thanh tịnh đóng vai trò vô cùng quan trọng với sự hưng thịnh của Phật giáo. Mỗi người xuất gia sống trong tinh

thần hòa hợp và thanh tịnh chính là góp phần làm cho Phật giáo trường tồn.

### **Thứ tư, hồng pháp lợi sanh**

Một người xuất gia phải luôn canh cánh cho mình hoài bão: “*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*”. Trên luôn cầu giáo pháp để giác ngộ và giải thoát hay nói cách khác là mong thành Phật, dưới luôn đem những gì tu tập có kết quả lợi lạc để gieo vào lòng dân chúng. Cho nên, tu học thôi chưa đủ mà phải biết lấy những gì học tập, nghiên cứu về giáo pháp của Như Lai giảng dạy cho người có duyên để hướng họ đến với Phật pháp, được quy y Tam bảo. Các vị chư Tổ ngày xưa thường dạy: “*Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bổn hoài*”, tức phải xem hồng pháp là sự nghiệp là nhiệm vụ của chính bản thân mình. Hiện nay, công nghệ thông tin ngày càng phát triển, thời đại đổi mới, thế giới đang trong quá trình hội nhập, chúng ta cần có cái nhìn mới để hội nhập vào đời, trên tinh thần “*hòa nhập nhưng không hòa tan*” để hoằng truyền giáo pháp Như Lai. Chư Tăng Ni cần am hiểu tâm tư, nguyện vọng của người trẻ để thuận tiện hơn trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của mình. Chúng ta tùy thuận thế gian, nhưng không cho nó cuốn hút mình. Muốn được như vậy, ngày ngày, chúng ta phải luôn trau dồi giới luật, thúc liễm thân tâm và sống tinh giác để không chỉ hoằng pháp qua những lời giảng mà còn là tấm gương thực hành để mọi người tín tâm hơn.

### **ĐỐI VỚI PHẬT TỬ**

Tứ chúng đệ tử Phật, gồm: Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni là người xuất gia và Ưu Bà Tắc (Phật tử nam), Ưu Bà Di (Phật tử nữ) là Phật tử tại gia. Cho nên, hàng Phật tử này có sứ mệnh quan trọng trong việc duy trì mạng mạch Phật giáo. Từ ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, hàng Phật tử đã có trách nhiệm trong việc hộ trì Phật pháp, đóng vai trò nhất định trong Phật giáo thời xưa. Theo dòng thời gian, Phật giáo truyền khắp thế giới, tín đồ Phật giáo ngày càng đông. Trong đó, thành phần đông đảo nhất chính là hàng Phật tử tại gia. Là những người đệ tử của Đức Phật, hàng Phật tử tại gia phải biết rõ vai trò của mình là hộ trì chánh pháp, hộ trì Tam bảo cũng như trách nhiệm đối với giáo hội và dân tộc.

### **Thứ nhất, hộ trì Tam Bảo**

Cổ đức có câu: “*Phật pháp xương mình do Tăng già hoằng hóa, thiên môn hưng thịnh bởi dân việt phát*”

tâm”. Là một Phật tử tại gia, để góp phần cho Phật pháp trường tồn, việc đầu tiên đó là hộ trì ba ngôi quý báu Phật - Pháp - Tăng. Mà hộ trì ba ngôi quý báu, ngoài việc thành kính cúng dường Tam bảo, hỗ trợ vật chất cho Tăng Ni đảm bảo đời sống an sinh trong thiên môn để chuyên tâm tu học thì còn có thể tham gia những chương trình Phật sự như: Từ thiện xã hội, khóa tu bát quan trai. Bên cạnh đó, Phật tử với vai trò hộ trì Tam bảo còn có thể “hoằng pháp lợi sanh” bằng cách “Phật hóa gia đình”. Nghĩa là mình thực hành giới đã thọ, kiên quyết giữ gìn để thanh tịnh ba nghiệp. Từ đó, hướng dẫn những người trong gia đình, người thân, bạn bè làng xóm cùng đi chùa, quy y Tam bảo, tham gia các khóa tu, học tập và tìm hiểu giáo lý Đức Phật để hướng đến đạo đức xã hội rộng rãi.

### **Thứ hai, thực hành lời Phật dạy**

Dù là người xuất gia hay tại gia đều hướng đến tu tập, giác ngộ và giải thoát theo giáo lý của Đức Thế Tôn. Với trách nhiệm duy trì mạng mạch Phật giáo, hướng đến giác ngộ và giải thoát, hàng Phật tử cần thực hành đời sống mô phạm của người Phật tử qua việc giữ giới, thực hành thập thiện nghiệp. Cần tìm cho mình một pháp môn tu tập và lập thời khóa rõ ràng cùng với tinh tấn thực hành pháp môn đó. Do điều kiện là một cư sĩ tại gia, thường ngày vẫn bận bịu công việc thế gian, lo cho gia đình nhưng phải luôn nhớ sống và làm việc trên tinh thần đời sống tu tập hướng đến Bát chánh đạo. Tùy theo điều kiện và khả năng về thời gian, công việc có thể tham gia các Phật sự của chùa tổ chức với vai trò công quả. Bên cạnh đó, người Phật tử tại gia khi thực hành tu tập và hộ trì Tam bảo phải biết khiêm cung, kính Phật trọng Tăng và nhiệt huyết với trách nhiệm của mình, dẫn thân vào Phật sự để thực hiện sứ mệnh duy trì mạng mạch Phật giáo.



Theo dòng lịch sử, trải qua bao thăng trầm biến đổi, Phật giáo vẫn tồn tại và ngày càng phát triển. Đó vừa là bởi sự phong phú và hấp dẫn của giáo lý đạo Phật, vừa nhờ vào mỗi người con Phật gìn giữ, duy trì.

### **KẾT LUẬN**

Có thể thấy, người xuất gia hay Phật tử tại gia đều là đệ tử Phật, đều mang trong mình sứ mệnh duy trì mạng mạch Phật giáo. Để thực hiện sứ mệnh cao cả đó, người xuất gia phải luôn thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức trong ba tháng An cư kiết hạ. Nghiêm trì giới luật cùng tinh thần hòa hợp thanh tịnh trong Tăng đoàn. Còn Phật tử tại gia luôn thực hiện trách nhiệm hộ trì Tam bảo và thực hành lời dạy Đức Phật. Kinh *Tăng Chi Bộ* có lời Đức Phật thuyết như sau: “Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo Sư, sống cung kính tùy thuận Pháp; sống cung kính tùy thuận chúng Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính tùy

tùy thuận Thiên định; sống cung kính tùy thuận không phóng dật; sống cung kính tùy thuận nghinh đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp được tồn tại lâu dài” [4]. Là tứ chúng đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia, mỗi cá nhân đều là người thừa hành Phật sự, phải biết phụng sự Phật pháp, Giáo hội. Mỗi người phải luôn thực hành chánh pháp và lý tưởng hoằng pháp lợi sanh, phát huy ánh sáng trí tuệ, cùng sống hòa hợp trong ngôi nhà chung chánh pháp, luôn dẫn thân vì lợi ích của đạo pháp để góp phần “tốt đời, đẹp đạo”. Đó chính là góp phần duy trì, bồi đắp mạng mạch Phật giáo ngày càng vững mạnh và phát triển.

### **Chú thích và tài liệu tham khảo:**

- [1] Tỳ Khuru Indacanda (dịch) (2021), *Đại phẩm (tập 1)*, Nxb. Tôn giáo, tr.275.
- [2] *Sđđ*, tr.276
- [3] HT. Thích Thiện Siêu và HT. Thích Minh Châu (dịch) (2004), kinh *Pháp Cú - Lời Phật dạy*, Nxb. Hồng Đức, tr.19
- [4] Thích Minh Châu (dịch) (2018), kinh *Tăng Chi Bộ III (Chương VII - Bảy Pháp, Phẩm Không tuyên bố)*, Nxb. Tôn giáo, tr.395.

# GIỮ TÂM

Lê Phụng

Bơi trong một cõi Ta bà  
Lòng ta như bị sóng va xa bờ  
Hướng tâm về Phật từng giờ  
Giữ cho tâm tịnh bền bờ gần ta

Sông mê, bến lú rời xa  
Tri kinh, tụng niệm vượt qua mê lầm  
Hộ trì Chánh pháp giữ tâm  
Từ bi, độ lượng nắm lòng chớ quên

Thiện tâm, thiện hạnh giữ bền.  
Chân thành, thiện hảo mới nên con người  
Tham, sân xa lánh người ơi  
Phát tâm Bồ tát cho đời đẹp thêm

Tri kinh, hướng Phật chớ quên  
Hộ trì Chánh pháp giữ yên trong lòng  
Quy y Tam bảo gắng công  
Với người, với vật mở lòng vị tha.

Vượt qua một cõi Ta bà  
Bên ta sen nở ngàn hoa thắm hồng.



Bình An



Xin gieo vào đất  
Những hạt mầm xanh  
Mơ cây trở cảnh  
Đu đưa quả ngọt.

Tiếng chim thánh thót  
Gieo vào không gian  
Niềm vui rộn ràng  
Của ngày bình an.

Xin gieo vào tâm  
Hạt giống thiện lành  
Cho đời lấp lánh  
Ánh sáng yêu thương

Gieo hạt thiện duyên  
Hướng tâm chánh niệm  
Tự tại an nhiên  
Lòng không muộn phiền.

# GIỚI LUẬT và MẠNG MẠCH PHẬT GIÁO

SC. Thích Nữ Tuệ Phương



**Tóm tắt:** Người xuất gia chính là những hành giả phát tâm đại nguyện theo tinh thần Bồ tát “Pháp môn vô lượng thế nguyện học”. Quan trọng nhất là học và hành trì về giới luật, giới luật là bước đi đầu mang nền tảng vững chắc giúp hành giả không rơi vào giới cầm thú. Những điều giới luật mà Thế Tôn thuyết ra nhằm duy trì mạng mạch của Tăng già, vì hạnh phúc an lạc cho tất cả chúng sanh. Vì thế, hành trì giới luật là thực hành một nếp sống khuôn mẫu phạm hạnh, là chuẩn mực đạo đức của Phật giáo nói riêng và xã hội nói chung.



Giới - Định - Tuệ luôn đan xen với nhau;  
cả ba được ví như chiếc kiềng ba chân.

### **NỘI DUNG CỦA CÁC LOẠI GIỚI LUẬT**

Mục đích của giới luật là giúp cho hành giả thanh tịnh thân, khẩu, ý và đạt được bốn quả vị Thánh. Mặc dù, giới luật chỉ nhằm vào một mục đích, nhưng tự thân của giới được phân thành nhiều loại khác nhau. Trước hết theo các nhà Phật học Bắc truyền, giới được phân thành ba loại: **Nhiếp luật nghi giới**: Còn gọi là biệt giải thoát luật nghi, gồm cả giới tại gia cũng như xuất gia. Đó là Ngũ giới, Bát quan trai giới, Thập giới, Cụ túc giới... **Nhiếp thiện pháp giới**: Nghĩa là lấy việc thực hành các điều thiện làm giới. **Nhiều ích hữu tình giới**: Nghĩa là lấy việc làm lợi ích chúng sinh làm giới.

Sau này, do thấy mối liên hệ biện chứng của ba pháp Giới - Định - Tuệ, các Luận sư nêu lên một cách phân chia khác: **Biệt giải thoát giới**: Bao gồm ý nghĩa của nhiếp luật nghi giới. **Định cộng giới**: Lấy Định (samadhi) làm Giới; nghĩa là do tu tập thiền định mà thân tâm hành giả đoạn trừ được các lậu hoặc, thân tâm thanh tịnh; Giới thể được cụ túc và giải thoát là do định sinh. **Đạo cộng giới**: Lấy Tuệ (panna) làm nền tảng cho Giới; nghĩa là do tu tập vô lậu nghiệp

(anasrava-kamma) được trí tuệ vô lậu. Giới thể viên mãn và có được giải thoát là do Tuệ sinh.

Có thể thấy, Giới - Định - Tuệ luôn đan xen với nhau; cả ba được ví như chiếc kiềng ba chân. Khi một pháp được hành trì, hai pháp còn lại cũng ẩn tàng trong đó. Đây là ba thành tố không thể thiếu trên con đường giải thoát do Đức Phật đã khám phá. Bất cứ ai muốn đoạn tận khổ đau, có một cuộc sống an lạc, hạnh phúc trong hiện tại và tại đây, cuối cùng đạt được giải thoát sinh tử thì phải kinh qua con đường này.

### **NỘI DUNG CỦA GIỚI BỒN**

#### **Giới bồn bao gồm hai phần**

*Bhikku-pātimokkha* dành cho Tỳ kheo và *Bhikkhuni-pātimokkha* dành cho Tỳ kheo Ni.

*Pātimokkha* có nghĩa là sự thoát khỏi những trói buộc, hay phiền não của cuộc sống và đưa đến sự chứng ngộ Niết bàn. Theo giáo lý Phật giáo, sự thanh tịnh của một người tùy thuộc vào các việc làm tốt (thiện nghiệp) được người ấy thể hiện qua thân, khẩu, ý. Giới bồn Pātimokkha giúp hàng Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni thực hành những thiện nghiệp và tránh xa mọi



Luận Đại Trí Độ nói: “Người nào muốn cầu sự lợi ích lớn, thì trước hết phải kiên trì tịnh giới như ngọc báu, như giữ thân mạng, vì giới là chỗ an trú của tất cả thiện pháp. Người trì giới đến khi mạng chung dù bị gió đao róc xé thịt xương gân mạch rút đứt, nhưng tâm vẫn không sợ hãi”.

hành động xấu, ác (bất thiện nghiệp) của thân, khẩu, bởi các bất thiện nghiệp sẽ đưa người ta đến cảnh giới khổ đau; trong khi ấy các thiện nghiệp sẽ dẫn con người đến trạng thái an lạc và cuối cùng chứng đắc Niết bàn. Chức năng của Giới bổn Pātimokkha là vô cùng quan trọng đối với nếp sống của người xuất gia. Do vậy, Pātimokkha thường được xem là thuốc chữa bách bệnh cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni.

Giới bổn Pātimokkha gồm các giới điều cùng với những hướng dẫn về phương pháp sám hối, đối với một số giới điều mỗi khi hành giả vi phạm. Bhikhu-pātimokkha gồm 227 giới (theo truyền thống Theravada - Thượng Toạ Bộ) hay 250 giới (theo truyền thống Mahayana - Bắc truyền). Trong khi ấy, Bhikhuni-pātimokkha gồm 311 giới (theo truyền thống Theravada) hay 348 giới (theo truyền thống Mahayana). Theo luật định, hai chúng Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni phải tụng đọc giới bổn này hai lần/tháng. Sự tụng đọc Pātimokkha nhằm hai mục đích: *Thứ nhất*, giúp Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni nhớ lại toàn bộ giới điều đã thọ nhận. *Thứ hai*, tạo cơ hội cho các thành viên của Tăng già nhận biết được các lỗi lầm mà họ có thể phạm (nhưng không tự xác định), trong khi giới bổn được tụng đọc, để thành tâm phát lồ sám hối.

### NỘI DUNG CỦA LUẬT (VINAYA)

Để điều chỉnh, sắp xếp hợp lý và thích đáng cho cuộc sống đoàn thể của một cộng đồng, Tăng già phải tồn tại như thế nào cho đúng chân nghĩa, cần phải có những nguyên tắc, điều luật nhất định, tức phải thực thi Tăng già yết ma (*samgha-kamma*) một cách

nhghiêm túc. Đây là điểm giới luật vô cùng quan trọng đối với tồn vong, hưng thịnh của Tăng già. *Samgha-kamma*, Hán dịch là “*tác pháp biện sự*”, thường được các vị Giới sư Trung Hoa giải thích “*Vạn sự do tu thành biện cố*”, nghĩa là tất cả công việc của Tăng già đều dựa vào đây mà thành tựu viên mãn. Để phân biệt hành vi của cá nhân và tập thể, từ *kamma* thay vì dịch là “nghiệp” tức hành động có tác ý; các vị giới sư chỉ phiên âm là “yết ma”, hay nói cho đủ là “*Tăng già yết ma*” tức hành vi của Tăng hay sự biểu quyết của Tăng. Nói như vậy nhằm phân biệt hành vi của các tập thể hay tổ chức thế gian khác với hành vi của Tăng già, tức tập thể các vị xuất gia.

Trong các tổ chức xã hội, khi cần có một quyết định chung, những người tham dự biểu quyết phải hội đủ một số điều kiện cần thiết để xác định tư cách của thành viên, những điều kiện để tạo nên tư cách lại căn cứ vào chức năng của cá nhân ấy trong quan hệ tập thể. Ở phạm vi Tăng đoàn, thành phần là Tỳ kheo với yếu tố xác quyết tư cách không chỉ là chức năng mà còn là phẩm chất. Vì thế, sự thanh tịnh của mỗi Tỳ kheo qua việc tuân giữ các điều giới của Pātimokkha chính là bản chất của vị ấy. Đây là nét riêng biệt của Phật giáo.

Theo *Yết Ma Yếu Chỉ*, dựa trên tác nhân để phân chia, có ba loại yết-ma:

#### a. Tâm niệm yết ma

Nghĩa là tự mình nghĩ và nói ra trước bàn thờ Phật, mà không cần phải có người thứ hai chứng kiến. Loại này được áp dụng cho những công việc như tâm niệm bố tát, tâm niệm tự tứ.





### **b. Đối thú yết ma**

Là sự tác pháp giữa hai hoặc ba vị Tăng. Một người nói, một hay hai người còn lại lắng nghe.

### **c. Tăng pháp yết ma**

Chủ yếu có ba loại:

*Đơn bạch hay bạch nhất:* Nghĩa là chỉ một lần tác bạch (tuyên bố) lý do công việc cần phải làm giữa Tăng (Tăng sự) thì việc làm ấy liền thành tựu.

*Nhi bạch:* Nghĩa là một lần tuyên bố, một lần yết-ma (biểu quyết) thì Tăng sự mới thành tựu.

*Bạch tứ:* Là một lần tuyên bố, ba lần biểu quyết thì Tăng sự mới thành tựu.

Theo thống kê của *Yết Ma Yếu Chi*, có 44 pháp thuộc đơn bạch yết ma. Thông thường bản chất công việc trong 44 pháp vốn đơn giản, chỉ cần một lần tuyên bố cho Tăng biết là đủ. Bạch nhị yết ma có tất cả 73 pháp. Các Tăng sự này có tầm quan trọng hơn lần thứ nhất, vì vậy sau khi tuyên bố xong cần phải có sự biểu quyết thuận của chúng Tăng. Trong khi ấy, bạch tứ yết ma có 39 pháp. Đây là trường hợp của những Tăng sự quan trọng nhất và các Tăng sự này chỉ thật sự thành tựu sau một lần tuyên bố và ba lần quyết thuận của chúng Tăng.

Như vậy, *Tăng già yết ma* là các quyết định của Tăng đoàn căn cứ trên nền tảng của sự thanh tịnh và hoà hợp, bao gồm những nguyên tắc đòi hỏi phải tuyệt đối tuân thủ và được áp dụng tùy theo đối tượng của việc làm với mục đích là duy trì và phát triển những hoạt động của Tăng già theo chiều hướng thanh tịnh và hoà hợp. Tóm lại, những điều này cũng không nằm ngoài bài kệ mà Đức Phật đã dạy:

*“Không làm các điều ác  
Thành tựu các hạnh lành  
Tâm ý giữ trong sạch  
Chính lời chư Phật dạy”.*

(Pháp Cú 183)

## **TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI LUẬT**

### **Giới luật duy trì mạng mạch**

Giới luật mà Đức Thế Tôn chế ra là *“Tùy phạm tùy kết”*. Nghĩa là nhân có người vi phạm, Phật mới chế. Giới điều đó có thể thay đổi uyển chuyển theo thời gian và từng quốc gia. Thế Tôn ra đời vì mục đích giải thoát cho chúng sinh khỏi sinh tử luân hồi nên giới luật của Ngài hoàn toàn không mang tính chất cưỡng chế. Ngược lại, đều vì lợi ích an lạc, giải thoát cho tất cả.

Giới là nền tảng của đạo Phật, vì duy trì, tồn tại và phát triển của chánh pháp luôn tùy thuộc vào sự hiện diện của giới luật: *“Giới luật là mạng mạch của Phật pháp, giới luật còn thì Phật pháp còn, giới luật mất thì Phật pháp cũng hoại diệt”*. Giới luật được xem là hiện thân của Đức Phật, là bậc thầy tôn kính, là người hướng đạo cho Tăng già kể từ khi Đức Phật diệt độ. Do đó, giới luật đóng vai trò quan trọng và then chốt trong nếp sống của người xuất gia. Đức Phật dạy: *“Giới là nền tảng của bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy bồ đề phần và tám thánh đạo phần. Ví như đất là nền tảng, không có nó thì các loài động vật không thể di chuyển. Cũng thế, không có giới thì 37 phẩm trợ đạo không thể được tu tập viên mãn”* [17, tr.319].

Đạo Phật có vô lượng pháp môn để tu, đối trị vô số phiền não, nhưng tất cả đều tóm trong 37 phẩm trợ đạo, là con đường duy nhất đưa hành giả từ phàm phu lên bậc thánh. Trong 37 phẩm trợ đạo, giới là nền tảng của tất cả pháp môn. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: *“Niết bàn lấy giới làm nền tảng, đạo vô thượng bồ đề lấy giới làm gốc, là chiếc phao nổi cho người qua bể khổ”*. Giới sản sinh mọi công đức lành cho chính tự thân người hành trì và đem lại an tịnh lợi lạc cho những người xung quanh. Đức Phật giải thích, nếu một Tỷ kheo thiện xảo trong giới luật, chắc chắn sẽ thành tựu 7 đức tánh: *“Biết vi phạm; biết không vi phạm; biết phạm nhẹ; biết phạm nặng; cả hai Giới bốn được khéo truyền lại một cách rộng rãi, khéo điều chỉnh, khéo phân loại, khéo quyết định; bốn thiện có được không khó khăn, không mệt nhọc, không phi sức; do đoạn trừ các lậu hoặc tự mình với*

*thăng trí, ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát” [19, tr.84]. Giới luật có chức năng vô cùng quan trọng đối với người xuất gia. Chính giới luật là thước đo nhân phẩm đạo đức của mỗi người xuất gia trong Tăng già. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Người trì giới được Long, Thiên ủng hộ, ngoại ma kính sợ. Người phá giới thì quý gọi là đại tặc, đi đến đâu thì quý quét hết dấu chân”.*

Vì thế, trong cuộc sống thường nhật, nếu người xuất gia thiếu uy nghi sẽ khiến người đời tị hiềm, sinh tâm khinh thường. Huống chi người xuất gia không giữ giới hạnh, phạm trai phá giới, chẳng những bị bạn đồng tu xa lánh, long thiên hộ pháp không hộ trì, lại bị người đời phỉ báng, phá đi chánh kiến của người Phật tử, làm cho nhiều người xa lánh Phật pháp, ảnh hưởng đến uy danh, cũng như sự tôn vong chánh pháp. Người phá giới có năm tội lỗi:

- (1) Tự hại mình;
- (2) Bị người trí khiển trách;
- (3) Tiếng xấu lan tràn;
- (4) Khi sắp mạng chung tâm hối hận;
- (5) Chết rồi đọa vào đường ác.

Cho nên, Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ giới bốn, được chế ngự với sự chế ngự giới bốn, hãy sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp, đã sống đầy đủ giới, vậy không có gì cần làm thêm nữa” [7, tr.451-452].*

Như vậy, năng lực của giới là thành trì vững chắc ngăn chặn các lậu hoặc phát sinh từ thân, khẩu, ý. Luận đại trí độ nói: “*Người nào muốn cầu sự lợi ích lớn, thì trước hết phải kiên trì tịnh giới như ngọc báu, như giữ thân mạng, vì giới là chỗ an trú của tất cả thiện pháp. Người trì giới đến khi mạng chung dù bị gió đao róc xé thịt xương gân mạch rút đứt, nhưng tâm vẫn không sợ hãi” [18, tr.14].*

### **GIỚI LUẬT LÀ CHUẨN MỤC CHO NẾP SỐNG PHẠM HẠNH**

Để làm chuẩn mực cho nếp sống phạm hạnh Đức Phật dạy chúng ta hãy trang bị cho mình bằng những giới hạnh, khoác nên mình bằng chiếc áo giáp thiền định và hãy chuẩn bị cho mình một hành trang trí tuệ. Vì: “*Đây là giới, đây là định, đây là tuệ. Định cùng tu với giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn*

*toàn các món lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu” [4, tr.570]. Đức Phật khẳng định tầm quan trọng của Giới - Định - Tuệ; giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ mật thiết với nhau. Chính giới luật ngăn ngừa các tội lỗi phát sinh từ thân, khẩu, ý đưa đến thân tâm an định, khi tâm vắng lặng không vẫn đục thì ánh sáng trí tuệ xuất hiện, sẽ đưa đến đoạn tận các lậu hoặc chứng thánh quả. Đó cũng chính là nếp sống phạm hạnh của người xuất gia.*

Vậy nếp sống phạm hạnh (Brahmacariya) hiểu theo nghĩa rộng là cuộc sống thanh tịnh, hành động thánh thiện, hay nguyên tắc của cuộc sống độc thân để đảm bảo nền tảng vững chắc cho lý tưởng giải thoát. Đời sống này còn có ý nghĩa là tinh tấn thực hành, là sự nỗ lực liên tục để đối trị lại mọi sự khát ái, dục thủ và bất tịnh để hướng đến một đời sống thanh tịnh tuyệt đối. Mục đích của đời sống này nhằm đoạn trừ tất cả bất thiện pháp, những phiền não do tham, sân, si tạo ra từ vô thi kiếp về trước, từ đó làm động lực thúc đẩy cho sự tu tập giải thoát giác ngộ.

Đời sống phạm hạnh của một người xuất gia luôn dựa trên nền tảng giới luật, đối lập với cuộc sống thế tục, vốn luôn hàm chứa những yếu tố dục vọng và khổ đau. Đời sống phạm hạnh đó cần hội đủ hai yếu tố. Về hình thức, vị ấy từ bỏ gia đình, sống độc thân, không bà con quyến thuộc, cạo bỏ râu tóc, từ bỏ mọi thứ dục vọng mà một người bình thường được thọ hưởng, sống theo Pháp tứ y (Tứ Thánh chủng) của người xuất gia. Về nội dung, vị ấy hành trì đầy đủ giới luật, tinh tấn tu tập thiền định và trí tuệ. Vị ấy thuần thực trong chánh pháp của Đức Phật, từ bỏ các ác pháp và thực hành các thiện pháp để tăng tiến trên đời sống giải thoát của mình. Để thành tựu mục đích đời sống phạm hạnh, hành giả phải thực hành theo nếp sống mẫu mực trọn vẹn của một Thánh giả A-la-hán, bao gồm bốn sự thanh tịnh dưới đây: “*Sự thanh tịnh về biệt giải thoát luật nghi (Đó là khả năng để kháng những dòng nước lũ ô nhiễm từ bên ngoài ngang qua các hành vi hay nghiệp đạo, tràn ngập vào tâm làm cho tâm dơ bẩn). Sự thanh tịnh về phòng hộ căn môn (Đó là sự kiểm soát các giác quan, những cánh cửa mà ô nhiễm có thể đi xuyên vào trong tâm). Sự thanh tịnh về phương tiện sinh sống (Tức là sinh sống theo bốn truyền thống của chư Phật, gọi là Tứ Thánh chủng). Sự thanh tịnh do chánh niệm tỉnh giác (Nghĩa là luôn chánh niệm tỉnh giác trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi...)” [16, tr.105].*



Theo giáo lý Phật giáo, sự thanh tịnh của một người tùy thuộc và các việc làm tốt (thiện nghiệp) được người ấy thể hiện qua thân, khẩu, ý.

Về nguyên tắc, con đường để thành tựu bốn sự thanh tịnh hay đời sống phạm hạnh nói trên chính là Giới - Định - Tuệ. Dựa trên cơ sở Giới - Định - Tuệ, trong đó lấy giới làm nền tảng căn bản, Đức Phật đã thành tựu viên mãn nếp sống phạm hạnh và hoàn toàn thanh tịnh tuyệt đối, Ngài đã chỉ rõ nếp sống ấy cho chúng ta một cách đầy đủ trong kho tàng giáo lý. Nương vào nếp sống này để tu tập, hành giả sẽ giải thoát khỏi khổ đau hoàn toàn.

### KẾT LUẬN

Nhập vào hàng ngũ xuất gia, việc giữ gìn giới luật và thực tập nếp sống phạm hạnh là điều không thể thiếu. Là trưởng tử Như Lai, ngoài việc tự mình tu tập để giải thoát, chúng ta phải đảm đương trọng trách giữ gìn gia tài Phật pháp mà Đức Thế Tôn đã để lại. Thân bên ngoài chặt đứt mọi sự giao duyên với bạn ác, gọi

là xa lìa tướng uế tạp của thân; tâm bên trong dứt bỏ các tư duy phân biệt xấu xa điên đảo, gọi là xa lìa tướng uế tạp của tâm. Muốn thực hiện được điều này cần phải cố gắng tu tập theo tinh thần giới luật. Lời cảnh tỉnh của Thế Tôn là kim chỉ nam cho người con Phật, để giữ gìn giềng mối Phật pháp. Với nếp sống Phạm hạnh thanh tịnh lấy giới luật làm thầy, giữ gìn giới luật từ thân khẩu ý, hộ trì các căn, đối trị các phiền não sân hận, kiêu mạn, sống thiểu dục tri túc... thì bước đầu đã thành tựu về Giới. Điều này sẽ giúp cho tâm dễ dàng định tĩnh, tâm thuần tịnh trong sáng là kết quả của thành tựu Định và Tuệ. Giới - Định - Tuệ là con đường đưa chúng ta thoát khỏi khổ đau và là con đường độc nhất đưa đến hạnh phúc sau cùng, đến Niết bàn tối thượng. Đó chính là ý nghĩa, giá trị đích thực của giới luật để định hướng một đời sống an lạc giải thoát, cho hiện tại và mai sau.


#### Tài liệu tham khảo:

1. Thích Thiện Bảo, *Tăng Ni là mạch sống của Giáo hội*, <http://www.thuvienhoasen.org/thienbao-13-tangni.htm> truy cập ngày 9/6/2022.
2. Thích Minh Châu dịch (2005), *kinh Trường A-hàm I*, Nxb. Tôn giáo,
3. Thích Minh Châu dịch (2005), *kinh Trường Bộ I*, Nxb. Tôn giáo.
4. Thích Minh Châu (1991), *Trường bộ I, Đại tạng kinh Việt Nam*, VNCPHVN.
5. Thích Minh Châu dịch (2005), *kinh Tăng Chi Bộ I*, Nxb. Tôn giáo.
6. Thích Minh Châu dịch (2003), *kinh Trung Bộ I*, Nxb. Tôn giáo.
7. Thích Minh Châu dịch (2004), *kinh Tiểu Bộ I, Đại tạng kinh Việt Nam*, VNCPHVN.
8. Thích Minh Châu (1990), *Hãy tự mình thấp xuống lên mà đi*, VNCPHVN ấn hành.
9. Thích Minh Châu (2003), *Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Thích Minh Châu (2008), *Hiếu và hành chánh pháp*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
11. Thích Minh Châu (2004), *Đức Phật - Nhà đại giáo dục*, Nxb. Tôn giáo.
12. Thích Minh Châu (2001), *Chánh pháp và hạnh phúc*, Nxb. Tôn giáo.
13. Thích Minh Châu (2007), *Những gì Đức Phật đã dạy*, Nxb. Tôn giáo.
14. Thích Minh Chánh (2007), *Luật học toát yếu*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
15. Minh Chi (1995), *Các vấn đề Phật học*, VNCPHVN ấn hành.
16. Thích Trí Thủ (1991), *Luật Tỳ kheo tập I*, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn hành.
17. Thích Trí Thủ (1999), *Yết Ma Yếu Chỉ tập I*, Trường Cao cấp Phật Học Việt Nam ấn hành.
18. Thích Đạo Tuyên trước thuật (Thích Đôn Hậu dịch) (1986), *Tứ phần Luật Tỳ kheo Ni sao*. Nxb. Tôn giáo.
19. Thích Viên Trí (2004), *Ý nghĩa Giới luật*, Nxb. Tôn giáo.

**DUY TRÌ  
MẠNG MẠCH  
PHẬT PHÁP  
VỚI TRÍ TUỆ**



**SC. Thích Nữ Huệ Cảnh\***



Trên bước đường tu học, người tu tập phải vun bồi lòng tin và trí tuệ.

**N**gày nay, chúng ta tu học theo đạo Phật là mong muốn tiếp nối được ngọn đèn chánh pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà Ngài đã từng thắp sáng cách đây hơn hai mươi sáu thế kỷ về trước đã đem lại rất nhiều lợi lạc cho cuộc đời. Tuy nhiên, nếu chỉ tu tập và làm theo hình thức bên ngoài thì không thể đạt được kết quả. Vì Đức Phật giáo hóa chúng sanh, về thời gian cách chúng ta quá xa, về không gian những nơi Ngài du hóa cũng không giống môi trường sống, tu học, làm việc như chúng ta ngày nay. Vì thời đại này là thời công nghệ số mà mình lại sống và sinh hoạt y như thời cổ đại tại Ấn Độ hoàn toàn không phù hợp. Nhưng trên bản thể trí tuệ, giải thoát của hàng đệ tử Phật, dù ở đâu, bất cứ nơi nào khi thâm nhập được tinh hoa lời Phật dạy đều giúp chuyển hóa khổ đau. Cho nên người tu học lúc đó và bây giờ không khác nhau. Điều đó cho thấy việc duy trì Phật pháp tiếp nối sự nghiệp của Đức Phật, của chư vị tiền bối là trọng trách không chỉ của tu sĩ mà cả người cư sĩ.

### **KHÁI NIỆM TRÍ TUỆ**

Theo Hòa thượng Thích Minh Châu trong kinh *Tăng Chi* cho rằng: Trí tuệ là (*Paññā*) mức thấp nhất là có

khả năng phân biệt giữa phẩm chất thiện và phẩm chất bất thiện, vượt lên những cấu uế của tâm thức (giữ tâm ý trong sạch). Trí tuệ cao hơn dành cho cư sĩ đó là có cái nhìn minh sát thấu suốt sự sanh và diệt của các hiện tượng tâm lý dẫn đến sự chấm dứt khổ đau. Đây gọi là vị Thánh đệ tử có đại trí tuệ, bước vào giới vực minh kiến, là đầy đủ trí tuệ [1].

Theo kinh *Trung Bộ* khẳng định: “*Như thế nào là được gọi là trí tuệ? Vì có tuệ tri, này hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, đây là con đường đưa đến Khổ diệt. Vì có tuệ tri, này hiền giả, nên được gọi là trí tuệ*” [2]. Như vậy, khái niệm trí tuệ được hiểu theo kinh điển Pāli là khả năng chuyển hóa, đoạn tận khổ đau, khi đã hiểu biết rõ về cách vận hành các quy luật. Sự hiểu biết này ngang qua sự thực hành thiền định có thể làm chủ được các cảm xúc, làm chủ bản thân, và làm chủ hoàn cảnh. Cho nên, mục đích của đạo Phật là diệt khổ và đem vui cho mọi loài, nhưng phải là người có trí mới biết được con đường đưa đến an lạc và hạnh phúc. Chỉ có trí tuệ là phương tiện duy nhất đưa loài người đến bờ giải thoát, giác ngộ [3].



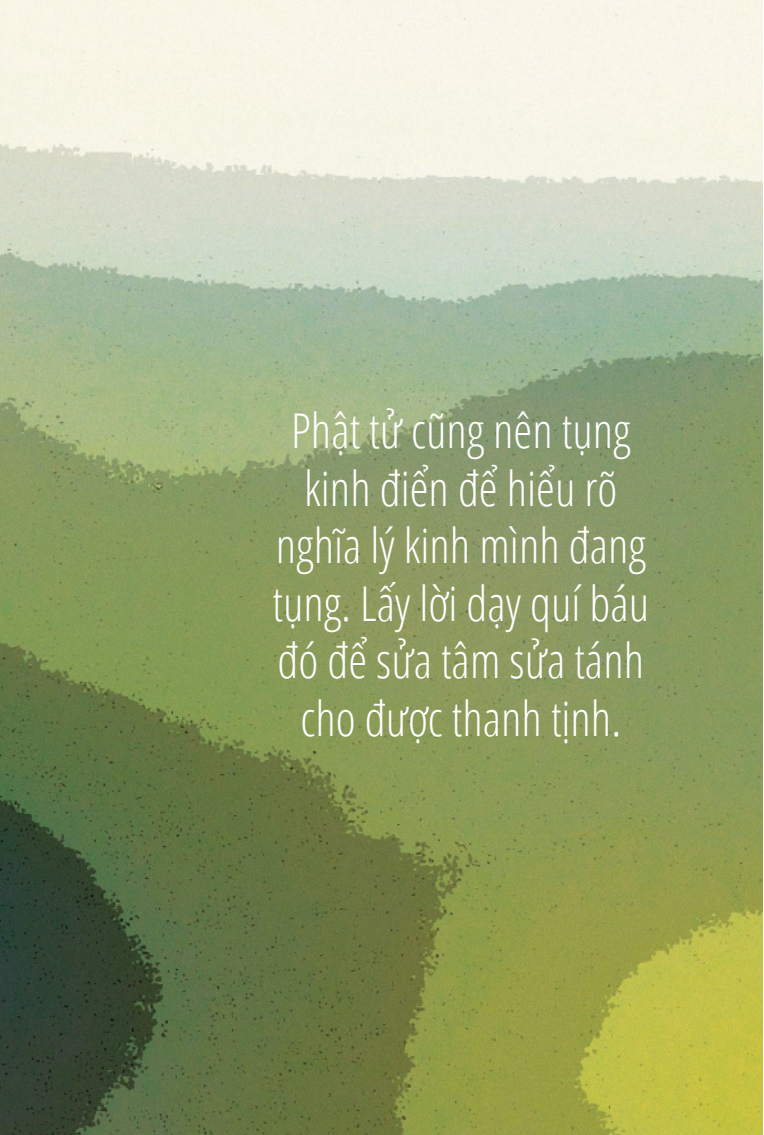
Ý thức sâu sắc vấn đề này, những nhà lãnh đạo Phật giáo đã khéo léo ứng dụng lời Phật dạy một cách tinh tế để đem lại nhiều lợi lạc nhất về thân cũng như về tâm cho các hành giả tu học đặc biệt trong ba tháng An cư. Tùy theo văn hóa, tập quán mà cách sinh hoạt tại các tự viện khác nhau với văn hóa vùng miền khác nhau có phần uyển chuyển thích nghi hòa nhập vào nếp sống cộng đồng mà mình đang cư trú. Mỗi nơi có sự sinh hoạt một cách khác nhau đặc thù. Ví như trăm sông đều đổ về một biển, tuy mỗi con sông có một tên gọi khác nhau nhưng khi đổ về biển thì chỉ có một tên gọi và một vị mặn. Trong giáo pháp của Đức Phật mỗi người có sự tu tập, sinh hoạt khác nhau nhưng đều có chung một mục đích đó là tu tập để đạt được hiểu biết, giác ngộ, một vị giải thoát trong đời sống tâm linh, sự thăng hoa trí tuệ, từ bi, vô ngã, vị tha.

### VUN BỒI LÒNG TIN VÀ TRÍ TUỆ


Trên bước đường tu học, người tu tập phải vun bồi lòng tin và trí tuệ. Lòng tin phải đi đôi với trí tuệ điều này quyết định sự thành bại của chúng ta trên lộ trình tu học. Bổ sung cho trí tuệ là đức tin. Đức

tin và trí tuệ là hai đức tính không thể tách rời để tiến xa trên con đường tu tập [4].

Theo Hòa thượng Thiện Hoa, muốn có trí tuệ phải thật hành pháp Tam vô lậu học: Giới, định, tuệ hay văn, tư, tu [5]. Nghĩa là thực hành các điều đạo đức, như người cư sĩ có năm điều, tám điều,... Còn người xuất gia có 250 giới hay 348 giới. Hoặc nghe học giáo pháp (văn), suy nghĩ nghiền ngẫm giáo pháp (tư), thực tập trong đời sống (tu). Khi hành giả sống vào nề nếp, quy định của xã hội, tập thể thì tâm sẽ an tịnh, từ tâm lắng yên mà sanh trí tuệ sáng suốt. Như một hồ nước có gió mạnh, nước bị khuấy động thì không thể nhìn thấy đáy và các sinh vật trong hồ. Nhưng khi trời yên bể lặng, nước đứng yên, chúng ta có thể nhìn thấy rõ tất cả những gì có trong hồ nước. Còn theo kinh *Tăng chi* cho rằng: “*Có một pháp, này các Tỳ kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ, đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến đại trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ, đưa*



Phật tử cũng nên tụng  
kinh điển để hiểu rõ  
nghĩa lý kinh mình đang  
tụng. Lấy lời dạy quý báu  
đó để sửa tâm sửa tánh  
cho được thanh tịnh.



Người có trí tuệ không bao giờ  
vi phạm giới luật đạo đức.

đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ, đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? Chính là thân hành niệm” [6]. Đây là bài kinh nói lên pháp thực tập thân hành niệm nhằm đưa đến trí tuệ. Đồng quan điểm này, kinh *Pháp Cú* cũng có kệ: “*Tu thiên, trí huệ sanh. Bỏ thiên, trí tuệ diệt*” [7]. Việc tu tập thiền giúp người sáng tâm, định tĩnh, sanh trí tuệ.

Phật tử cũng nên tụng kinh điển để hiểu rõ nghĩa lý kinh mình đang tụng. Lấy lời dạy quý báu đó để sửa tâm sửa tánh cho được thanh tịnh. Muốn hiểu rõ ý kinh, không ngôn ngữ nào hơn là tiếng mẹ đẻ, là tiếng Việt [8]. Muốn có được tuệ giải thoát hay văn tuệ, tu tuệ thì cư sĩ cần nỗ lực tiếp cận đến những nhiều bài kinh trong Tam tạng Thánh điển. Kinh tạng được biên tập bằng: “*Lời Việt sáng trong, uyển chuyển, giàu sức gợi cảm, gợi hình, dễ hiểu, nếu được người ngâm tụng thiết tha, thấu suốt văn nghĩa, chắc chắn sẽ động lòng người, hễ cảm tất có ứng. Còn nếu không được như thế, thì ít nữa, người đọc cũng có thể thấu hiểu nội dung. Với những lý do*

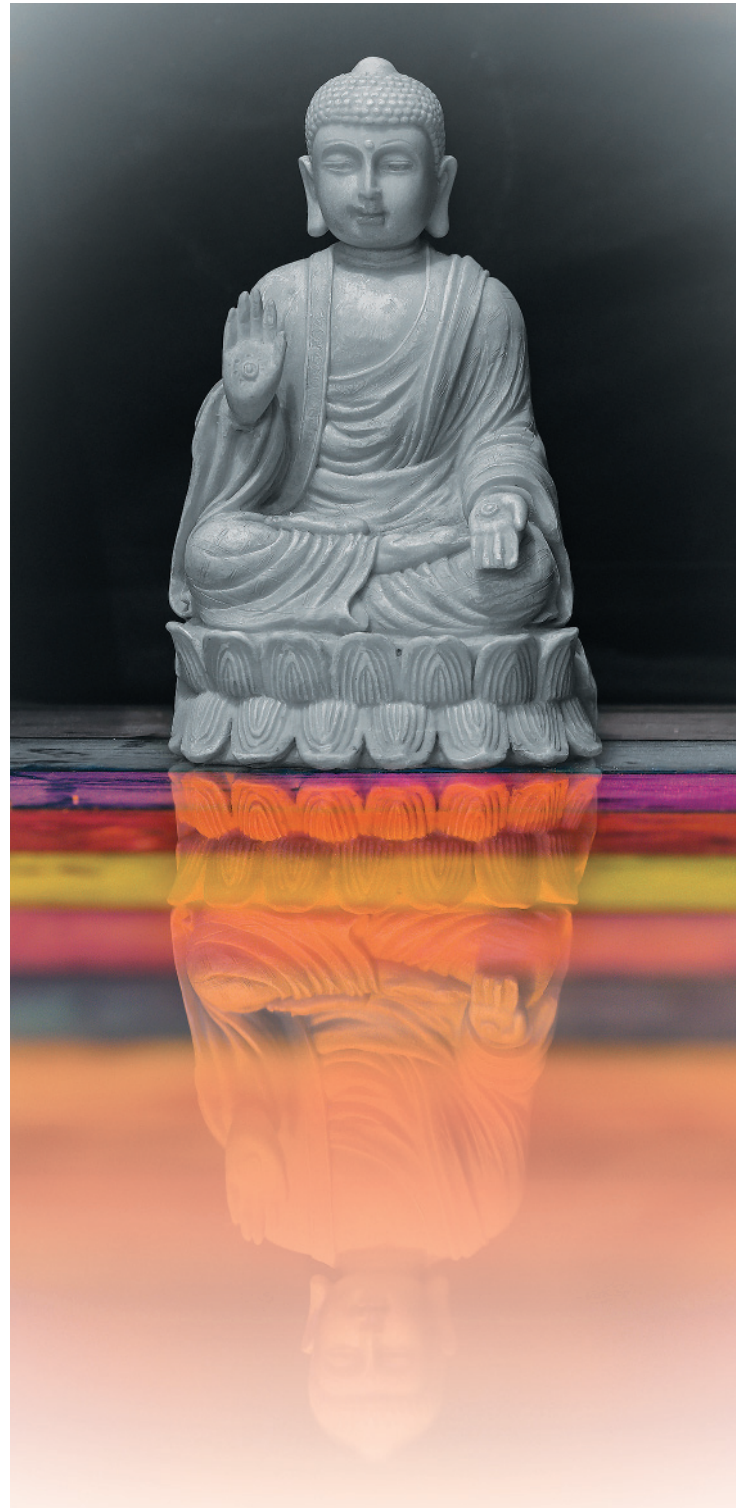
*trên, Việt dịch kinh sách Phật giáo thật cần thiết biết bao! Điều này dẫn đến một yêu cầu thiết thực khác trong sự nghiệp trí tuệ của Phật giáo Việt Nam*” [9]. Đọc kinh điển bằng phương ngữ giúp người Việt tiếp cận trực tiếp lời Đức Phật dạy. Từ đó, người tu có phương pháp vượt qua những khổ đau, khiếm khuyết của bản thân, có tuệ giác như ánh mặt trời chiếu rõ mọi vật trong trời đất. Người có tuệ không còn sợ hãi nữa. Sợ dĩ người ta khổ đau, vì người ta ít học, ít hiểu biết về bản chất, quy luật của cuộc sống.

Do đó, vai trò trí tuệ vô cùng quan trọng trong Phật giáo. Cư sĩ có trách nhiệm bảo tồn và truyền tụng những tinh hoa trí tuệ và đức hạnh để làm lợi mình, lợi người. Người có tuệ giác sống vị tha, lợi ích cho mình, cho người và toàn thể giới, mới chính là mục đích thù thắng khi tu học chánh pháp. Để diễn tả điều này, kinh *Con Đường Sai Lạc* ghi: “*Bậc Hiền trí, Đại tuệ, không có nghĩ tự làm hại mình, không có nghĩ tự làm hại người, không có nghĩ tự mình làm hại cả hai, có suy nghĩ điều gì thời suy nghĩ lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể thế giới*” [10]. Trí tuệ ở đây không phải là tri thức thế gian,

qua những việc học hành, tích tụ kiến thức, nên kinh *Suy nghĩ* nêu rõ sự sai khác của người ngu và người trí như sau: “*Thành tựu ba pháp người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác. Thành tựu ba pháp, người trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện và ý nghĩ thiện*” [11]. Theo lập trường này, kinh *Sợ Hãi* ghi: “*Phàm có sự sợ hãi, nguy hiểm, tai họa, nào khởi lên, tất cả những sợ hãi, nguy hiểm, tai họa ấy đều khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí*” [12]. Qua hai bài kinh, chúng ta thấy đây là xác chứng cho sự khác nhau rõ rệt giữa người ngu và người trí qua cái nhìn từ Đấng toàn giác.

Ngoài ra, sự khác nhau giữa trí thức (intellectual) và trí tuệ (wisdom). Người có trí tuệ khác người trí thức (*Vijñāna*) ở chỗ biết phân biệt thiện và ác, đúng và sai. Như người trí thức dù biết ma túy là độc hại nhưng vẫn dùng và bị ma túy làm cho khổ đau, tàn hại, mất mạng. Người có trí tuệ biết ma túy có hại cho thân tâm nên dù ở chỗ có người hay vắng người, họ cũng sẽ không bao giờ sử dụng dù chỉ thử một lần. Vì vậy, Đức Phật không những khen ngợi những người nam cư sĩ mà nữ cư sĩ cũng có khả năng thành tựu trí tuệ, là người có thể tự mình đoạn diệt khổ đau như sau: “*Này Visākhā, nữ nhân có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ trí tuệ*” [13]. Điều này thể hiện sự bình đẳng trong sự tu tập chuyển hóa khổ đau nhờ khai mở trí tuệ.

Để hiểu thêm điều trên, chương *Một pháp*, phẩm *Làm bạn với thiện hữu* nói lên tầm quan trọng của trí tuệ như sau: Điều khôn cùng giữa các mất mát [14] là mất mát trí tuệ, mất mát danh tiếng, mất mát tài sản cũng không bằng mất mát trí tuệ. Điều tối thượng giữa các tăng trưởng là tăng trưởng trí tuệ [15]. Không gì quý báu hơn là sự hiểu biết. Hiểu biết đến đâu tâm an vui đến đó. Đối với cư sĩ muốn có được trí tuệ phải trải qua quá trình rèn luyện đem lời Phật dạy đặt vào tâm nghiền ngẫm, để tỏ ra cách ứng xử, hành động thích hợp với chánh pháp. Là người cư sĩ thì việc học pháp, nghe pháp hết sức cần thiết để nuôi dưỡng tuệ giác cho cá nhân và đóng góp tiếng nói trí tuệ cho con người và cuộc đời. Bởi trí tuệ là sự nghiệp lớn, giải thoát con người và cuộc đời khỏi mọi sai lầm, tối tăm do lòng dục, lòng sân và si gây nên. Vì việc nghe pháp nhằm phát



Mục đích của đạo Phật là diệt khổ và đem vui cho mọi loài, nhưng phải là người có trí mới biết được con đường đưa đến an lạc và hạnh phúc. Chỉ có trí tuệ là phương tiện duy nhất đưa loài người đến bờ giải thoát, giác ngộ.



triển trí tuệ nên rất quan trọng đối với cư sĩ; có nghe pháp và hành pháp thì trí tuệ mới phát sinh.

Thiếu hoặc không nghe pháp, giống như người đi trong đêm tối rất khó định hướng, lối đi của mình. Đạo Phật đề cao trí tuệ, xem trí tuệ là ngọn đèn soi sáng hướng đi giải thoát của con người, giống như ngọn hải đăng luôn soi tỏ hướng đi của các con tàu trong đêm đen vậy. Nên kinh *Vị Bà La Môn* tán thán pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Nên pháp ấy khi thuyết giảng được ví như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng hay cầm đèn sáng vào bóng tối [16]. Ngoài việc nghe pháp và phát triển trí tuệ, người tu tập cần nuôi dưỡng thêm các đức tính như: Lòng cung kính khiêm tốn, thái độ biết đủ, biết ơn đối với cuộc đời. Đây là các đức tính đặc biệt của cư sĩ, bởi sự khiêm cung luôn là sức mạnh chinh phục mọi kiêu căng, ngã mạn của con người và mọi cám dỗ của tham dục, còn thái độ biết ơn là lòng thủy chung cao đẹp [17].

Thật vậy, kinh *Nghe Ít* cho rằng: *Thế nào là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên? Ở đây, này các Tỳ kheo, có hạng người được nghe ít về kinh: Ứng tụng, ký thuyết, các bài kệ, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tăng hữu, Phương quang. Người ấy, với điều đã được nghe ít ỏi này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỳ kheo, là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên* [18]. Do người ít nghe các kinh điển nên trong tâm mà khởi lên các tập khí, vọng tưởng, ký ức khổ đau, vô minh che lấp vì không có chứa đựng pháp, trí tuệ không thể sanh. Cho nên kinh *Lộn Ngược* diễn tả có ba loại trí tuệ như sau: Trí tuệ lộn ngược (*avakujja pañño* - là người không có tác ý nghe pháp từ các vị Tỳ kheo, như cái ghè bị lộn ngược không chứa được nước), hạng người với trí tuệ bấp bề (*ucchaṅga pañño*-có tác ý đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối, như các thức ăn để trên bấp bề đứng dậy liền rơi hết xuống đất), hạng người trí tuệ rộng lớn (*puthupañño*-có tác ý, đoạn đầu, giữa, cuối, có nghĩa có văn, như cái ghè nước chứa đựng được nước) [19].

Bài kinh này cho thấy trí tuệ rất quan trọng trong đời sống và điều quan trọng nhất trên con đường tâm linh học đạo là trí tuệ. Tài sản quý nhất của con người là trí tuệ. Khi có trí tuệ, con người không rơi

vào sợ hãi, bất an, lo lắng vì những điều mình chưa biết. Khi đã hiểu biết rộng sâu, con người tin tưởng vào những việc làm đúng với quy luật xã hội, quy luật tự nhiên, quy luật vận hành của nhân quả luân hồi, nghiệp báo. Khi ấy, Đức Phật khen ngợi đây là sự tăng trưởng tối thượng trong các sự tăng trưởng. Để có được trí tuệ phải trải qua quá trình nghe, học hỏi Phật pháp, đem những điều được học hỏi đó suy tư nghĩa lý rồi đem áp dụng vào đời sống để chúng trở thành một phần của nội tâm, như thức ăn sau quá trình tiêu hóa trở thành máu để đi nuôi cơ thể. Sự hiểu biết thấu đáo các quy luật nhân quả là kết quả của hành trì, bao gồm trì giới thiền định. Người có trí tuệ không bao giờ vi phạm giới luật đạo đức.

Niềm hy vọng thành tựu trí tuệ là con đường để đạt những mục tiêu mà Liên Hiệp Quốc đặt ra cho toàn bộ loài người [20]. Điều này thể hiện tầm quan trọng của trí tuệ trong thế giới ngày nay. Người có hiểu biết, có kiến thức nhiều nhưng kẹt vào những sở kiến nên dù giỏi đến đâu người khác cũng không công nhận. Văn huệ còn thuộc về phiền não, những người nói hay, biết nhiều nhưng không có niềm an lạc thực sự vì còn chưa chuyển hóa tham, sân, si. Có học, có hiểu, có suy tư nghiền ngẫm những giáo lý như người lập hạnh tu có lòng tin sâu sắc vào Tam bảo nên học hiểu đúng pháp, tư duy cùng với tu tập và hiểu Phật đem lại lợi ích thiết thực. Khiến người nhìn thấy sanh tâm hoan hỷ, phát tâm Bồ-đề muốn tu học theo. Do đó, gặp việc đáng buồn mình không buồn, gặp việc đáng giận mình không giận, không thối tâm trong việc phụng sự, gánh vác Phật sự khó khăn mà không nản lòng thối chí. Trong quá trình rèn luyện sửa mình tu học, tự nỗ lực học tập để nâng cao trí tuệ mới gánh vác sự nghiệp duy trì mạng mạch của Phật pháp trường tồn tại thế gian.

Nhân mùa An cư kiết hạ, các vị cư sĩ cùng về học và đọc các bản kinh, đọc đi đọc lại những bản kinh cổ xưa, chur Tăng khắp nơi dừng bước du hóa tựu về các trụ xứ An cư tham gia giảng dạy các buổi pháp thoại. Từ đó, mới có thể thâm nhập kinh điển có như thế thì trí tuệ như biển được. Suy tư chìm vào trong pháp học, rồi bủa ra những hành động tốt đẹp, hòa nhã đưa lời Phật dạy vào đời sống để có pháp hành và sau đó thực sự chứng ngộ những tinh hoa trí tuệ của đạo Phật đó là cư sĩ đã hoàn thành được pháp hành. Như *Kinh Trí tuệ* [8.2], khuyến khích người siêng năng đến các đạo tràng an cư nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, chất chứa điều đã nghe; những pháp

ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú nghĩa lý cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu chánh trí [21].

Trong kinh *Tăng Chi* lấy trí tuệ như các ánh sáng như mặt trời, lửa, ánh trăng nhưng ánh sáng trí tuệ là cao nhất [22]. Nên lời của Hòa thượng Đệ tam Pháp chủ trong lời giới thiệu của kinh *Tăng Chi Bộ* như sau: “*Đĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đặng chiếu kinh u chi*”, nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. ... Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc “*kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch*”, không chỉ làm cho Phật pháp xuong minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự” [23].

## TẠM KẾT

Tóm lại, nếu người tu học muốn tiếp nối ngọn đèn chánh pháp, duy trì mạng mạch Phật pháp bằng trí tuệ thì người ấy dù là tu sĩ hay cư sĩ đều nên nỗ lực học, đọc lại, giảng giải, Tam tạng Thánh điển bằng ngôn ngữ tiếng Việt để khai sáng tâm thức. Đức Phật đã để lại rất nhiều bài kinh về việc người cư sĩ nên quán sát, tu tập nghe pháp thoại, đọc kinh điển nhằm tăng trưởng trí tuệ. Cho nên, việc tiếp cận kinh điển bằng tiếng Việt giúp người dễ học, dễ đọc, dễ hiểu, thực hành lời Phật dạy đem lại nhiều kết quả tốt đẹp. Do đó, trí tuệ mãi là ánh sáng dẫn đường đến thành công không chỉ cho tu sĩ mà còn cho cả cư sĩ trong mọi lĩnh vực của đời sống qua việc văn, tư, tu tuệ hay tu tập đạo đức, thiền định nhằm hướng đến tuệ giải thoát (*paññā vimutti*).

## Chú thích:

\* Thích Nữ Huệ Cảnh - Học viên Thạc sĩ khóa III, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

[1] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Bốn pháp, phẩm Nghiệp công đức, Kinh Bốn nghiệp công đức*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.333.

[2] Thích Minh Châu dịch (2012), *kinh Trung Bộ I, Đại Kinh Phương Quảng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.359.

Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Chín pháp, phẩm Cư trú của các hữu tình, kinh Ngựa chưa điều phục*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.1084.

[3] Thích Minh Châu (2012), *Hãy tự mình thấp đước lên mà đi*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.70.

[4] Ayya Khema - Diệu Liên - Lý Thu Linh (2013), *Vô Ngã, Vô Ưu - Being Nobody, Going Nowhere*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.128.

[5] Thích Thiện Hoa (1992), *Tám quyển sách quý*, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, tr.115.

[6] Thích Minh Châu (2015), *kinh Tăng Chi Bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.82.

[7] Thích Minh Châu dịch (1999), *kinh Tiểu Bộ I*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.87.

[8] Thích Thiện Thanh (2008), *Nghi thức tụng niệm hằng ngày, Lời dẫn nhập*, Nxb. Tôn giáo.

[9] Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (2012), *Hội thảo khoa học: Giáo dục Phật giáo - Định hướng & phát triển, Lưu hành nội bộ*, tr.214.

[10] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Bốn pháp, phẩm Bà-la-môn, kinh Con Đường Sai Lạc*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.432.

[11] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Ba pháp, phẩm Người ngu, Kinh Suy nghĩ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.94.

[12] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Ba pháp, phẩm Người ngu, Kinh Sợ hãi*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.93.

[13] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Tám pháp, phẩm Ngày trai giới, kinh Visākhā*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.995.

[14] Chánh văn: *Etam patikkhanti etam lāmakam* (nghĩa điều này là thấp nhất, tồi tệ).

[15] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Một pháp, Phẩm Làm bạn với thiện hữu, Kinh số 76-80*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.14-15.

[16] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Tám pháp, phẩm Các Bà-la-môn, kinh Bà-la-môn*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.145.

[17] Thích Minh Châu (2002), *Đạo đức Phật giáo & Hạnh phúc con người*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.275.

[18] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Ba pháp, phẩm Người, Kinh Lộn ngược*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.117.

[19] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Tám pháp, phẩm Từ Tâm, Kinh Trí tuệ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.933.

[20] Thích Nhật Từ, Thích Đức Thiện (2014), *Giáo dục Phật giáo và chương trình Đại học*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.99.

[21] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, Chương Tám pháp, Phẩm Từ Tâm, Kinh Trí tuệ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.933.

[22] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, Chương Bốn pháp, Phẩm Hào quang, Kinh Hào quang*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.398.

[23] Tam Tạng Thánh Điển Phật giáo Việt Nam (2021), *kinh Tăng Chi Bộ, chương Bốn pháp, phẩm Hào quang, Kinh Hào quang*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.398.

A close-up photograph of a branch with several bright red maple leaves. The leaves are in various stages of color change, with some showing yellow and orange tones. The background is a soft, out-of-focus green. The text 'PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI' is overlaid on the lower part of the image.

PHẬT GIÁO &  
**THỜI ĐẠI**

Tiếp tục phát huy truyền  
thống gắn bó đồng hành  
cùng dân tộc,

# “Hộ quốc an dân”

của Giáo hội Phật giáo  
Việt Nam trong thời kỳ mới



Nguyễn Văn Thanh\*

**LTS:** Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng bài viết *Tiếp tục phát huy truyền thống gắn bó đồng hành cùng dân tộc, “Hộ quốc an dân” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới* của TS. Nguyễn Văn Thanh. Đây là bài tham luận trích từ Hội thảo *Phát huy vai trò của Tăng, Ni GHPGVN trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc* được Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ), tổ chức vào tháng 01/2022.

## DẪN NHẬP

Đạo Phật được du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu công nguyên. Do sự tương đồng giữa giáo lý “*Từ bi - Hỷ xả*”, “*Cứu khổ cứu nạn*” của Đức Như Lai với tư tưởng, tình cảm và truyền thống nhân văn của người Việt nên đạo Phật đã luôn gắn bó, đồng cam cộng khổ cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Lịch sử dân tộc Việt Nam ta đã ghi nhận những đóng góp to lớn của đạo Phật với dân tộc. Ngay từ buổi đầu mới được truyền vào nước ta, Phật giáo đã được các bậc Tổ sư tiên bối tiếp thu một cách có chọn lọc, dựa trên các điều kiện cụ thể của nước nhà để hoàng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh và tạo nên một đạo Phật rất Việt Nam, gắn bó mật thiết không thể phân ly trong lòng dân tộc.

## PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC QUA BAO THỜI ĐẠI LỊCH SỬ

Đình Tiên Hoàng - vị Hoàng đế đầu tiên của nước Đại Cồ Việt độc lập tự chủ đã mời Thiên sư Ngô Chân Lưu làm cố vấn trong công việc trị quốc. Để tỏ niềm tôn kính và đánh giá đúng công lao, vua đã ban hiệu “*Khuông Việt Đại Sư*” cho Ngài. Hình ảnh Thiên sư Đỗ Pháp Thuận cải dạng thành người lái đò để tiếp sứ thần nhà Tống thật khó phai mờ trong lòng người hậu thế - một hình ảnh đẹp, một sự hy sinh lớn, một minh chứng cho tấm lòng vì nước vì dân. Thời Lý cũng đã có biết bao vị cao Tăng đứng ra cùng vua chung lo gánh vác việc nước như: Thiên sư Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Thông Biện, Viên Thông, Khuông Lộ... Đặc biệt, mỗi lần lật lại trang sử vẻ vang của thời Trần, chúng ta thật cảm động và khâm phục các vua

Trần đã đoàn kết toàn dân, vua tôi hoà hợp, quyết tâm bảo vệ giang sơn cầm tú, ba lần đánh tan quân Nguyên Mông xâm lược. Một Trần Thái Tông anh minh và đức hạnh, hành xử viên dung cả đời



lẫn đạo; một Tuệ Trung Thượng sĩ với tâm hồn siêu thoát đã hòa mình trong cuộc đời và đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông, một anh hùng dân tộc, nhà văn hoá lớn, đồng thời là người khai sáng thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang đậm bản sắc Phật giáo Việt Nam. Với sự gắn bó mật thiết giữa Phật giáo và dân tộc nên từ vua quan đến nhân dân, ai ai cũng tôn trọng Tam bảo và lấy giáo lý đạo Phật làm phương cách hành xử trong cuộc sống. Vì thế, sau lũy tre làng luôn ẩn hiện những ngôi chùa vừa uy nghiêm vừa gần gũi, một hiện hữu không thể thiếu trong cộng đồng làng xã Việt Nam. Trong một thời gian dài, ngôi chùa không chỉ là chỗ dựa tâm linh cho con người, nơi giáo dục về đạo đức và văn hoá mà còn là nơi đào tạo nhân tài phục vụ đất nước và đoàn kết lòng dân. Nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Phật giáo đã gắn bó, hòa

Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, Phật giáo Việt Nam lại tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp đó, đồng hành cùng dân tộc, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà.

quyện và hun đúc, làm giàu, đồng thời tăng cường thêm sức mạnh cho văn hóa dân tộc.

Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, Phật giáo Việt Nam lại tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp đó, đồng hành cùng dân tộc, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà. Nhiều quý vị Tăng Ni, Phật tử đã trực tiếp tham gia hoạt động cách mạng, như: Hòa thượng Thiện Chiếu, Hoà thượng Thích Minh Nguyệt, Hoà thượng Thích Thiện Hào... Trong lúc đất nước lâm nguy, Hòa thượng Thích Thế Long ở chùa Cổ Lễ (Nam Định) đã từng làm lễ “*Cởi áo cà sa khoác chiến bào*” cho 27 vị tu sĩ Phật giáo trở thành những chiến sĩ cách mạng. Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu phản đối Mỹ - Diệm để nêu cao hạnh nguyện đại hùng, đại lực của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, phụng sự đất nước, phục vụ chúng sinh... Hình ảnh các vị cao Tăng thạc đức đáp ứng tiếng gọi thiêng liêng của Đảng, của Bác Hồ kính yêu, sát cánh cùng toàn dân đánh giặc cứu nước đã tô thắm thêm màu cờ Tổ quốc trong ngày thống nhất, độc lập và hoà bình. Trong lao động sản xuất, thực hiện nếp sống đạo đức văn hoá, nhiều quý vị Tăng Ni, Phật tử đã trở thành những người tiêu biểu, gương mẫu, làm chỗ dựa đáng tin cậy trong khối đại đoàn kết toàn dân... Đó là những minh chứng cho tinh thần yêu nước chân chính của Phật giáo Việt Nam trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

### PHẬT GIÁO HÒA MÌNH VÀO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Đất nước độc lập thống nhất, giang sơn thu về một mối, đó lại là điều kiện thuận lợi để 09 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước tự nguyện thống nhất thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hoàn thành hoài bão cao cả của các bậc tiền nhân. Từ khi thành lập đến nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cùng toàn thể Tăng Ni, Phật tử khắc phục nhiều khó khăn, thử thách, thực hiện tinh thần “*Phục vụ chúng sinh là cúng dường chư Phật*” và kiên trì phương châm “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”, Giáo hội tiếp tục đóng góp tích cực và xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Thành tựu quan trọng và nổi bật nhất là công tác hoằng dương chánh pháp, củng cố và trang nghiêm Giáo hội làm ngôi nhà chung tiêu biểu cho Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam cả trong và ngoài nước. Số lượng Tăng Ni, Phật tử ngày càng phát triển, đến nay cả nước có tới 54.169 vị Tăng Ni, gồm: 40.095 Bắc tông; 7.028 Nam tông Khmer, 08 tu nữ; 1.754

Nam tông Kinh (1.100 chư Tăng, 654 tu nữ); 5.284 Tăng Ni thuộc hệ phái Khất sĩ; có hàng chục triệu tín đồ và những người có niềm tin yêu mến đạo Phật.

Với sự quan tâm thường xuyên của Giáo hội và xã hội, đến nay, cả nước đã có trên 18.544 chùa (tự viện), gồm: 15.871 chùa Bắc tông; 462 chùa Nam tông Khmer, 45 Salate; 106 chùa Nam tông Kinh; 541 tịnh xá, 467 tịnh thất, 998 niệm Phật đường, 54 tự viện Phật giáo người Hoa với hàng trăm tu sĩ.

Nhiều Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố cùng Tăng Ni, Phật tử và nhân dân trùng tu, tôn tạo và xây mới hàng nghìn ngôi chùa khang trang, to đẹp. Trong 40 năm qua, đã có hàng nghìn đầu kinh sách, văn hóa phẩm Phật giáo với hàng trăm triệu ấn phẩm được in ấn, phát hành trong toàn quốc với nhiều thể loại. Nhiều tờ báo, tạp chí, website, kênh truyền thông Phật giáo của Trung ương Giáo hội và Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố, các tổ đình lớn đã ra đời và đi vào hoạt động thiết thực, góp phần phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức nhân bản của Phật giáo và bản sắc văn hoá dân tộc trong đời sống xã hội. Bốn học viện Phật giáo, 09 lớp Cao đẳng, 35 trường Trung cấp và hàng chục lớp Sơ cấp Phật học đã giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng hàng chục ngàn Tăng, Ni sinh theo học có kết quả. Hàng trăm Tăng, Ni sinh được Giáo hội cử đi đào tạo Cao học, Tiến sĩ Phật học ở nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Công tác phổ truyền các giá trị văn hoá, đạo đức Phật giáo được chú ý phát huy với nhiều hội thi: Nhiếp ảnh, hội thi sáng tác thơ, văn, truyện, ký, triển lãm văn hóa Phật giáo tổ chức ở trong và ngoài nước, góp phần xây dựng nếp sống lành mạnh, hướng thiện và bài trừ mê tín hủ tục. Trên tinh thần tri ân, báo ân của người con Phật gắn với đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*” của dân tộc Việt Nam, các tỉnh thành hội Phật giáo trong cả nước đã hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử tổ chức Đại lễ Vu Lan báo ân, báo hiếu trang nghiêm, long trọng gắn với các hoạt động cụ thể như: Thăm và tặng quà các chiến sĩ nơi biên giới, hải đảo, giúp đỡ gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ, thăm người nghèo khó, tàn tật, trẻ mồ côi, nhà dưỡng lão, trại tâm thần, trại phong... Đặc biệt, từ năm 2011, tròn 30 năm thành lập, Giáo hội đã có Thông bạch hướng dẫn các cơ sở Phật giáo trong toàn quốc đồng loạt gióng lên 09 hồi chuông lớn vào 6h00 sáng ngày Thương binh liệt sĩ (27/7) hàng năm để thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của những người con Phật đối với sự hy sinh của các anh hùng liệt sĩ.



Đạo Phật được du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu công nguyên. Do sự tương đồng giữa giáo lý “*Từ bi - Hỷ xả*”, “*Cứu khổ cứu nạn*” của Đức Như Lai với tư tưởng, tình cảm và truyền thống nhân văn của người Việt nên đạo Phật đã luôn gắn bó, đồng cam cộng khổ cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Hoạt động từ thiện nhân đạo của Giáo hội từ khi thành lập đến nay đã được quan tâm phát triển và được lan tỏa rộng khắp trong nhiều lĩnh vực hoạt động. Giáo hội đã động viên Tăng Ni, Phật tử trong cả nước và bà con Phật tử ở nước ngoài hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước sông “*Tốt đời, đẹp đạo*”, đặc biệt là tham gia các cuộc vận động lớn “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*” trước đây và nay là cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*”, cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, cuộc vận động “*Đoàn kết, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế*” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động. Đồng thời, đẩy mạnh phong trào “*Xây dựng chùa tinh tiến*”, “*Xây dựng chùa văn hóa*” ở nhiều nơi, góp phần cùng Nhà nước, Mặt trận chăm lo cho người nghèo, người có

công với nước, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, tàn tật, xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; phát triển hệ thống Tuệ Tĩnh đường và các phòng khám từ thiện miễn phí; cứu trợ và giúp đỡ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lũ; chăm sóc, giúp đỡ những người bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS... với số tiền hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm.

Quan hệ quốc tế của Giáo hội tiếp tục được mở rộng với hàng trăm hoạt động thăm viếng, Hội thảo khoa học, giao lưu trao đổi về Phật sự và văn hoá, từ thiện xã hội... với các nước trong khu vực và trên thế giới... Đặc biệt, với sự đồng ý của Chính phủ, Giáo hội đã phối hợp với Ủy ban Tổ chức quốc tế (IOC) lần đầu tiên tổ chức thành công rực rỡ Đại lễ Vesak năm 2008 tại Việt Nam. Năm 2014, Giáo hội đã đồng cai tổ chức thành công tốt đẹp Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc tại chùa Bái Đính và ra Tuyên bố chung Ninh

Bình; năm 2019 lần thứ ba, Giáo hội tiếp tục đăng cai và tổ chức thành công rực rỡ Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc tại Khu du lịch chùa Tam Chúc, Kim Bảng, Hà Nam với nhiều kỷ lục Phật giáo thế giới được ghi nhận trong tổ chức đại lễ và ra Tuyên bố chung Hà Nam; Giáo hội đã đăng cai tổ chức thành công Hội nghị Ni giới thế giới tại Việt Nam; tham gia tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh lãnh đạo Phật giáo 3 nước Lào - Việt Nam - Campuchia... Các hoạt động đó đã góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh tốt đẹp của Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Với tinh thần “*Cứu khổ cứu nạn*”, “*Phục vụ chúng sinh là cội dàng chư Phật*”, Giáo hội và Tăng Ni cả nước luôn quan tâm và tích cực tham gia các hoạt động an sinh, từ thiện xã hội với giá trị mỗi năm lên đến hàng nghìn tỷ đồng. Riêng giá trị quy tiền tham gia các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội toàn Giáo hội thực hiện năm 2020 là 2.439.151.177.000đ. Bên cạnh đó, năm 2020, do dịch bệnh COVID-19, hạn hán, xâm nhập mặn làm thiếu nước sinh hoạt trầm trọng ở các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam bộ; các tỉnh miền Trung liên tiếp xảy ra thiên tai bão lũ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh hoạt của đồng bào vùng bị thiên tai. Thực hiện Thông bạch cứu trợ của Trung ương Giáo hội, hưởng ứng vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các ban, viện Trung ương, Ban Trị sự, Ban Từ thiện xã hội Phật giáo, Tăng Ni, Phật tử các tự viện đã thực hiện nhiều chương trình cứu trợ có ý nghĩa nhân đạo và nhân văn.

Nổi bật nhất là hoạt động hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ, của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN kêu gọi ủng hộ nguồn lực cho phòng chống dịch bệnh COVID-19. Tăng Ni, Phật tử các chùa đã tích cực tham gia ủng hộ tiền, hàng, trang thiết bị y tế, khẩu trang, nước sát khuẩn, thiết bị y tế cho ngành y tế, cho các bệnh nhân, những người bị nghi lây nhiễm tại các cơ sở cách ly tập trung, các y bác sĩ, các chiến sĩ quân đội, công an, lực lượng tình nguyện nơi tuyến đầu phòng chống dịch... với trị giá khoảng trên 300 tỷ đồng. Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố, Tăng Ni, Phật tử các chùa, cơ sở tự viện còn vận động quyên góp, ủng hộ cứu trợ đồng bào các vùng bị thiên tai như: Tăng nhu yếu phẩm, nước ngọt, các bình chứa nước loại lớn, các cây nước, giếng nước, máy lọc nước...; tổ chức phát gạo, mì, nhu yếu phẩm, các cây ATM gạo, ATM nước nghĩa tình, các siêu thị hạnh phúc - 0 đồng... đã giúp

cho người nghèo vượt qua được những khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch và thiên tai. Đặc biệt, tại chương trình “*Cả nước chung tay vì người nghèo*” năm 2020, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đăng ký trao tặng 100 tỷ đồng ủng hộ chương trình an sinh xã hội nhân dịp Tết cổ truyền Tân Sửu năm 2021 và ủng hộ hàng chục tỷ đồng cho Quỹ vì người nghèo ở Trung ương và các địa phương.

Hiện nay, cả nước đã có hàng trăm Tuệ Tĩnh đường với hàng trăm phòng chẩn trị y học dân tộc, châm cứu, bấm huyệt, vật lý trị liệu, khám và phát thuốc Nam, thuốc Bắc; có hơn 1.000 lớp học tình thương, 36 cơ sở nuôi dạy trẻ mẫu giáo bán trú, nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật... với trên 20.000 em, hơn 20 cơ sở nhà dưỡng lão, nuôi dưỡng hơn 1.000 cụ già không nơi nương tựa.

Với ý thức trách nhiệm công dân sâu sắc, trong hơn 40 năm qua đã có hàng triệu lượt Tăng Ni, Phật tử tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng toàn quốc; hàng nghìn vị chức sắc, Tăng Ni của Phật giáo Việt Nam tham gia Quốc hội, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở các cấp. Từ khi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời, tính đến nay đã có 41 vị chức sắc Phật giáo tham gia làm Đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá XIV. Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập (1981) đến nay đã có 25 vị chức sắc Phật giáo tham gia làm Đại biểu Quốc hội, trong đó Hoà thượng Thích Thế Long được tin nhiệm bầu làm Phó Chủ tịch Quốc hội khoá VII (1981-1987), Hoà thượng Thích Thiện Hào được tin nhiệm bầu vào Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá VI, khoá VII. Nhiều vị Hoà thượng, Thượng toạ, Ni trưởng, Ni sư và các Tăng Ni, Phật tử đã tham gia học tập, tiếp thu các chủ trương chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, chương trình hành động của Mặt trận. Giáo hội đã triển khai và thực hiện tốt pháp lệnh và luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành pháp lệnh, luật... làm cho mọi người ngày càng tin tưởng, đóng góp vào sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc và phấn khởi thực hiện quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của mình, góp phần củng cố, nâng cao uy tín và vị thế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Các ngày lễ lớn của Phật giáo như: lễ Phật đản, lễ Vu Lan, lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, Lễ tưởng niệm Bồ tát và các ngày lễ lớn khác đều được Giáo hội tổ chức trọng thể; được các cấp lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt





Với tinh thần “Cứu khổ cứu nạn”, “Phục vụ chúng sinh là cúng dàng chư Phật”, Giáo hội và Tăng Ni cả nước luôn quan tâm và tích cực tham gia các hoạt động an sinh, từ thiện xã hội với giá trị mỗi năm lên đến hàng nghìn tỷ đồng.

trận Tổ quốc Việt Nam quan tâm, giúp đỡ và tham dự động viên, chúc mừng, nên Tăng Ni, Phật tử cả nước cũng như Tăng Ni Phật tử Việt Nam ở nước ngoài, mọi người đều vui vẻ, phấn khởi.

Sau khi thành lập, nhất là trong nhiệm kỳ II và nhiệm kỳ III, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng đã có nhiều hoạt động kịp thời đấu tranh với những âm mưu chia rẽ Phật giáo, chia rẽ Giáo hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch; đấu tranh với các hành vi sai trái lập tổ chức bất hợp pháp của một số cá nhân bảo thủ, lạc hậu và cố chấp trong giới Phật giáo. Qua đó, khẳng định vị thế và nâng cao uy tín của Giáo hội đối với đất nước và nhân dân, làm sáng tỏ chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta với các nước trên thế giới và điều đó đã thúc đẩy Bộ Ngoại giao Mỹ phải đưa Việt Nam ra khỏi danh sách những nước cần đặc biệt quan tâm về tự do tôn giáo (CPC)... Những thành tựu Phật sự và thế sự đó của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã minh chứng sâu sắc cho ý nghĩa của sự hoà hợp, thống nhất Phật giáo trong cả nước, tạo nên sức mạnh của sự đoàn kết hoà hợp, đóng góp thiết thực vào những thành tựu chung của đất nước, thể hiện sự tiếp tục phát huy truyền thống nhập thế, gắn bó đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới và làm sáng tỏ giáo lý Đức Phật trong cuộc sống nhân gian.

Bước sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước và chủ động tích cực hội nhập quốc tế vì mục tiêu *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Phật giáo Việt Nam lại có cơ duyên thuận lợi là có một tổ chức Giáo hội thống nhất về tổ chức và lãnh đạo, thống nhất về tư tưởng

và hành động mà chưa có Phật giáo nước nào trên thế giới có được. Qua đó, tạo thành sức mạnh nội lực để Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục thực hiện nhiều công việc Phật sự cao cả như mong ước của các bậc tiền nhân; đồng thời cũng giúp cho Giáo hội có thêm cơ duyên bảo tồn và phát huy được những nét tinh túy của Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới.

### PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG VẬN HỘI MỚI

Với thế mạnh về tổ chức và lãnh đạo, cũng như sự thống nhất độc đáo trong đa dạng, Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay đang có nhiều điều kiện thuận lợi và trợ duyên để tiếp tục phát huy được vai trò, tiềm năng to lớn và những điểm đặc sắc, tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam như: Bề dày lịch sử trên 2.000 năm, trước cả Phật giáo Trung Quốc và Phật giáo Nhật Bản; luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc; có đủ các tông phái Bắc truyền, Nam truyền và các tông phái riêng của Việt Nam; đã hội nhập sâu rộng trong đời sống tâm linh và xã hội của người Việt, hoà hợp nhuần nhuyễn với đạo thờ cúng Tổ tiên và văn hoá Việt Nam; có khả năng giao lưu với thế giới và thích nghi với thời đại... từ đó từng bước đưa Phật giáo Việt Nam vươn lên trở thành một trong những trung tâm lớn của Phật giáo khu vực và thế giới.

Trên tinh thần đó, các chương trình hoạt động Phật sự và thế sự của Giáo hội cần luôn hướng tới mục tiêu tôn vinh các giá trị giáo huấn của đức Phật như: từ bi và trí tuệ; khoan dung và hoà hợp; tôn trọng bảo vệ con người, sự sống và môi trường sinh thái; tự chủ, không ngừng tiến bộ và giải thoát; thực hành dân chủ và công bằng xã hội; chống bá quyền, bạo

lực, tội ác, chiến tranh, khủng bố và các tệ nạn xã hội...; đồng thời, xiển dương và phát triển rộng rãi được những giá trị đặc sắc, tiêu biểu của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, hệ phái Khất sĩ và các tông phái đặc trưng riêng của Việt Nam nhằm xây dựng con người và cộng đồng xã hội an lạc, phát triển hài hoà bền vững trong hoà bình hữu nghị và hợp tác thân thiện... Qua đó, góp phần tích cực vào việc củng cố, tăng cường và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước, đồng thời góp phần nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam ở trong khu vực cũng như trên thế giới.

Để đáp ứng với những vấn đề mang tính thời đại của đất nước và củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các công tác Phật sự, từ công tác Tăng sự, hoằng pháp, giáo dục Tăng Ni, hướng dẫn Phật tử, hoạt động nghi lễ, văn hoá, kinh tế, từ thiện xã hội, đối ngoại nhân dân, nghiên cứu Phật học, truyền thông, kiến trúc... đều đòi hỏi Giáo hội phải tiếp thu kịp thời và vận dụng linh hoạt các thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ sinh học... để hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sinh. Yêu cầu đó đòi hỏi Giáo hội cần gấp rút có kế hoạch và lộ trình đào tạo năng lực, bồi dưỡng Tăng tài cho các thế hệ Tăng Ni, cư sĩ trẻ có đủ đạo hạnh, tri thức Phật học và thế học cũng như tinh thần dân thân, phục vụ, không quản khó khăn, gian khổ, đủ sức gánh vác nhiệm vụ mà thời đại và đất nước đặt ra cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trong đào tạo Tăng tài, các cơ sở đào tạo không chỉ đổi mới, hoàn thiện nội dung giáo trình, phương pháp tiếp cận, mà còn đòi hỏi phải trang bị kiến thức, kỹ năng sử dụng các ngoại ngữ thông dụng (Anh, Pháp, Nga, Nhật, Trung...) và ngôn ngữ của các dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam như: Hmông, Tày, Thái, Mường, Nùng, Dao, Ê-đê, Gia-rai, Ba-na, Mnông, Chăm... cho một đội ngũ nguồn các Tăng Ni, cư sĩ có điều kiện và tâm huyết, để dần dần hình thành nền giáo dục Phật giáo Việt Nam thực sự vừa mang tính dân tộc, tính hiện đại và tính quốc tế, lấy tu chứng, nhập thế và quá trình thực nghiệm làm căn bản, phát huy được những tinh túy, bản sắc của các hệ phái Phật giáo Việt Nam (Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ), đồng thời tiếp thu được các giá trị đặc sắc, tinh hoa của Phật giáo thế giới để các thế hệ Tăng Ni Việt Nam dù được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, nhiều nước khác nhau



Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cùng toàn thể Tăng Ni, Phật tử khắc phục nhiều khó khăn, thử thách, thực hiện tinh thần “*Phục vụ chúng sinh là cúng dường chư Phật*” và kiên trì phương châm “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”, Giáo hội tiếp tục đóng góp tích cực và xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

vẫn luôn tâm niệm lấy việc dân thân theo tinh thần nhập thế, đồng hành cùng dân tộc, phục vụ cho Giáo hội, cho đất nước, con người Việt Nam và nhân loại.

Song song với việc nâng cao chất lượng đào tạo Tăng tài, phải có kế hoạch sử dụng hợp lý đội ngũ Tăng Ni có đạo hạnh, năng lực vào các công việc khác nhau của Giáo hội. Đồng thời, tăng cường việc luân chuyển đội ngũ chức sắc, Tăng Ni giữa các vùng miền, các khu vực, các địa phương để tăng cường khả năng giao lưu, trao đổi và phát huy những thế mạnh sở trường của Tăng Ni mỗi khu vực trong việc phục vụ Giáo hội, phục vụ xã hội và Phật tử, khắc phục tình trạng thiếu Tăng Ni trụ trì ở nhiều cơ sở tự viện, nhất là ở các tỉnh miền Bắc, đồng thời tránh sự thụ động, cố hữu, trì trệ trong tu học và phát huy được tinh thần dân thân phục vụ chúng sinh của Tăng Ni ở khắp mọi miền Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Bên cạnh đó, Giáo hội cần phát huy hơn nữa các giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam, kết hợp văn hóa Phật giáo với văn hoá dân tộc, văn hóa các vùng miền và văn hoá của các dân tộc thiểu số anh em trong đại gia đình Việt Nam để làm giàu bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam thống nhất trong đa dạng, làm giàu nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Từ đó, chủ động phòng ngừa, khắc phục các hiện tượng, trào lưu văn hoá lai căng, tiêu cực, vong bản đã và đang xâm hại đến các giá trị văn hoá tốt

đẹp của dân tộc và Phật giáo Việt Nam, nhất là trong điều kiện đất nước ta mở cửa, đổi mới và hội nhập quốc tế; khắc phục tình trạng mê tín hủ tục, buôn thần bán thánh, lợi dụng Phật giáo vì những động cơ cá nhân, vụ lợi và mục tiêu không trong sáng trong một số ít Tăng, Ni ở một số tự viện, đưa Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát triển trong thời kỳ mới, vừa hoàng dương chính pháp vừa khế hợp Phật giáo với thời đại để “*Hộ quốc an dân*”.

Là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngoài việc chăm lo công tác Phật sự, đào tạo Tăng tài, Giáo hội cần tiếp tục động viên đông đảo Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong và ngoài nước dẫn thân trong tinh thần từ bi hỷ xả, cứu khổ cứu nạn, chủ động và hăng hái tham gia các công việc chung của đất nước thông qua các phong trào ích nước lợi dân, thiện tâm công đức như: Phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bài trừ các tệ nạn xã hội, mê tín hủ tục... nhằm cứu khổ, ban vui cho mọi người. Gần việc thực hiện nhiệm vụ hoàng dương chính pháp với việc xây dựng nếp sống văn hóa ngay từ các cơ sở tự viện, xây dựng niềm tin chân chính và nếp sống đạo hạnh trong sáng, lành mạnh cho Tăng Ni, Phật tử thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động lớn như: “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, ủng hộ “*Quy vè người nghèo*”, cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”; cuộc vận động “*Học tập, làm theo tấm gương đạo đức, tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh*” và chương trình “*Phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu*”. Trong các phong trào thi đua, các cuộc vận động, theo lộ trình và thời gian cần chú ý bổ sung thêm các nội dung mới mà cuộc sống đòi hỏi, sao cho mỗi cơ sở tự viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mỗi Tăng, Ni là một điểm sáng về văn hóa, về tinh thần dẫn thân phục vụ chúng sinh một cách vô vị lợi. Các chùa, cơ sở Phật giáo đa dạng hóa các mô hình, hình thức câu lạc bộ sinh hoạt để hướng dẫn, hỗ trợ cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên và người dân ở cộng đồng giao lưu, trao đổi về tri thức, kỹ năng cần thiết cho cuộc sống, sản xuất, kinh doanh... và giao lưu văn hóa, văn nghệ, nhất là vào các dịp lễ tết của dân tộc và những ngày lễ trọng của Phật giáo.

Bên cạnh, Giáo hội cần thường xuyên quan tâm việc tăng cường đoàn kết hoà hợp, củng cố, mở rộng và

trang nghiêm Giáo hội; thắt chặt mối quan hệ gắn bó giữa các thành viên, các hệ phái, các thế hệ; có chương trình và kế hoạch cụ thể hỗ trợ để xiển dương các giá trị của Phật giáo Nam tông Khmer, Nam tông Kinh, Phật giáo Khất sĩ và thiền phái Trúc lâm Yên Tử; thực hiện tốt các chương trình Phật sự, thế sự của Giáo hội phù hợp với yêu cầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và chủ động tích cực hội nhập quốc tế trong thời đại mới; mở rộng và tăng cường mối quan hệ đồng đạo, tình đoàn kết thân ái giữa Phật giáo với các tôn giáo ở Việt Nam. Đồng thời, có chương trình hỗ trợ cho công tác Phật sự của Phật giáo các tỉnh miền núi, khu vực biên giới, hải đảo và của Tăng Ni, đồng bào Phật tử Việt Nam đang sinh sống, học tập ở nước ngoài, góp phần cùng Nhà nước và Mặt trận phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào ta ở xa Tổ quốc luôn hướng về cội nguồn, về quê hương đất nước, góp sức cùng nhân dân trong nước thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, nhưng vẫn giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá Phật giáo Việt Nam, giữ vững chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, sự hợp tác thân thiện giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

## KẾT LUẬN

Trước yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thế kỷ XXI, việc tiếp tục phát huy truyền thống nhập thế, gắn bó đồng hành cùng dân tộc, “*Hộ quốc an dân*”, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, đồng thời thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của một tổ chức thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc sẽ là nhân tố quan trọng, thúc đẩy sự phát triển của Giáo hội và phát huy vai trò của Tăng, Ni Phật giáo Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời đại mới... Qua đó, tiếp tục phát huy truyền thống và những thành quả hoạt động “*Phụng sự đạo pháp và dân tộc*” từ khi thành lập đến nay của Giáo hội và chư Tôn đức giáo phẩm cùng Tăng Ni, cư sĩ, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam; tiếp tục phát huy truyền thống “*Hộ quốc an dân*” của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng đất nước ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

### Chú thích:

\* Tiến sĩ Nguyễn Văn Thanh - Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng ban Tôn giáo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

# Thế giới quan Phật giáo thời Lý - Trần

SC. Thích Nữ Huệ Nhật

## DẪN NHẬP

Con người luôn có những khát vọng muốn đi vào tận bản chất của thế giới vô biên để thâm thấu những nguyên lý của vạn vật. Phần lớn các tôn giáo hoặc triết học cổ đại luôn lấy việc tìm hiểu nguồn gốc vũ trụ hình thành như thế nào để làm mục đích cho các học thuyết, chủ trương riêng của mình. Do đó, tùy vào mỗi hệ tư tưởng, dòng triết học cũng như hệ tôn giáo mà đứng ở mỗi lập trường đều có những quan niệm và lý thuyết riêng biệt. Với cái nhìn đầy tuệ giác của Đức Phật, Ngài nói đến vũ trụ hay thế giới là nói đến sự tổng hợp của tất cả hiện tượng sanh diệt biến dị qua không gian và thời gian. Các hiện tượng sanh diệt biến dị này đều chịu sự chi phối của nhân duyên, nghĩa là các pháp đều do nhân duyên sanh ra và cũng theo nhân duyên mà hoại diệt.



## KHÁI QUÁT VỀ THẾ GIỚI QUAN PHẬT GIÁO

Thế giới quan là những quan điểm hay quan niệm của con người về thế giới xung quanh, với mỗi trường phái triết học khác nhau có cái nhìn về thế giới quan ở các tôn giáo cũng khác nhau. Đức Phật nhấn mạnh thế giới quan của Phật giáo chính yếu là con người, lấy con người làm trung tâm và đây cũng chính là cái nhìn đầy nhân bản được thể hiện bản bực khắp trong kinh tạng Nikaya. Thế giới quan Phật giáo với cốt lõi là lời dạy của Đức Phật nhằm giúp con người có cái nhìn thiết thực và hành trì pháp Phật để trở thành những con người toàn vẹn trong xã hội, thay vì đi tìm loanh quanh những câu trả lời về các vấn đề siêu nhiên huyền bí không giúp ích cho sự giải thoát.

Thế giới quan Phật giáo là toàn bộ những quan niệm chung nhất của Phật về thế giới và con người, bao gồm thế giới luân hồi và các cõi Tịnh độ. Các yếu tố cấu thành nên thế giới luân hồi là: đất, nước, gió, lửa và các quy luật vận hành trong thế giới bao gồm: duyên sinh, vô thường, nhân quả, các vị trí và mối quan hệ của con người với thế giới. Phật giáo phủ nhận quyền năng sáng tạo của thần linh hay Thượng đế; có sự nhất quán về việc hình thành thế giới tự nhiên và là quy luật tất yếu của vũ trụ. Qua đó, có thể thấy Phật giáo phân tích sự hình thành bản nguyên thế giới một cách hợp lý, các pháp hiện hữu theo Duyên khởi, chúng tồn tại, tự thân vận động và mất đi theo quy luật “Sanh, trụ, dị, diệt” và thể hiện rất rõ qua các bài kinh trong *Trường Bộ (Majjhima Nikāya)*.

Trong kinh *Khởi Thế Nhân Bản (Agganna Suttanta)*, Đức Phật trình bày về sự khởi nguyên thế giới khi mới hình thành, sự có



mặt của các loài hữu tình đầu tiên cho đến khi xuất hiện bốn giai cấp: “*Này Vāsettha, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Abhassara (Quang Âm thiên)*” [1]. Với trí tuệ toàn giác, Đức Thế Tôn giảng về sự hình thành của thế giới và các giai cấp một cách đầy biểu tượng. Ban đầu, chúng sanh xuất hiện từ cõi Quang Âm thiên, không cần thực phẩm. Rồi vị ngọt của đất và

*Những chuyện đau khổ, bất an trong cuộc sống đa phần do nếp sống mỗi chúng ta có đạo đức hay không, quan hệ giữa người với người như thế nào.*

lúa cám đổ họ, khiến lòng tham muốn khởi lên và phát triển trong tâm. Sau khi ném đất trên địa cầu và cảm thấy thích thú nên họ ở lại. Khi dục vọng con người phát triển, nhu cầu xã hội cũng phát triển và yêu cầu việc tổ chức xã hội, từ đó giai cấp xã hội xuất hiện và xã hội hình thành. Phân chia giai cấp là bắt đầu có sự phân biệt nặng nề, đối xử bất công từ các giai cấp cao đối với các giai cấp thấp hơn. Đức Phật nhận thấy rõ vấn đề này, Ngài nêu cao trí tuệ và đạo đức là hai yếu tố làm nên một con người cao thượng, tối thắng chứ không phải căn cứ vào giai cấp và huyết thống. Do vậy phải là người thành tựu trí đức và thiên định mới xứng danh Bà-la-môn.

Giáo lý Duyên khởi (*Paticcasamuppāda*) với mười hai chi phần nhân duyên mô tả quy luật vận hành của con người và vũ trụ. Nguyên lý này cho rằng hiện hữu là hiện hữu của tương duyên và sẽ tan biến khi những trảng nhân duyên đó chấm dứt. Đây là một chân lý thể hiện hàng ngày hàng giờ, từng sát na hơi thở, ở tất cả mọi sự vật, hiện tượng trên đời, không ai không bị chi phối. Các pháp nương nhau mà tồn tại vì chúng không thể tồn tại độc lập tuyệt đối. Sở dĩ chúng sanh đau khổ và trầm luân trong sáu nẻo là do không hiểu rõ quy luật vận hành này. “*Này Ananda, đừng nói thế! Đừng nói thế! Giáo lý Duyên khởi này sâu xa và có vẻ sâu xa hơn. Chính vì không hiểu rõ, không thâm nhập giáo lý này, mà nhân loại trở nên như cuộn chỉ rối rắm, như ổ kiến rối, như cỏ Babaja, không thể thoát ly khỏi khổ xứ, ác thú, địa ngục và sanh tử*” [2]. Giáo lý Duyên khởi là một

cuộc cách mạng trong tư tưởng, bởi lúc bấy giờ, con người sống trong tưởng tri nên cho rằng thế giới và con người do thần linh hay đấng sáng tạo tạo nên, có quyền ban phước và giáng họa; hoặc do một thế giới vô hình hay đấng siêu nhiên nào đó điều khiển. Tất cả những ý niệm này đều do trí tưởng tượng tạo ra mà thật ra con người mới cai trị con người.

Những chuyện đau khổ, bất an trong cuộc sống đa phần do nếp sống mỗi chúng ta có đạo đức hay không, quan hệ giữa người với người như thế nào. Sáu căn tiếp xúc sáu trần lập thành sáu thức, đó là nơi con người và thế giới xúc chạm trùng trùng duyên khởi. Chúng biến đổi vô thường chứ không như cái nhìn của con người cho rằng vô tận cao siêu huyền bí và thường tự suy diễn rồi ra sức tìm kiếm. Đức Phật cũng không muốn chúng ta mất thời giờ cho những kiến giải siêu hình mà không đưa đến lợi ích. “*Vì những điều đó không hợp nghĩa, hợp pháp, chẳng phải phạm hạnh, chẳng phải vô dục, vô vi, tịch diệt, chánh giác, cũng chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng đưa đến Niết bàn, nên Ta không ấn ký*” [3]. Thế giới hình thành kéo theo những khổ đau của con người, nếu ai biết tu tập và chuyển hóa khổ đau thì cuộc sống sẽ thăng hoa và tốt đẹp hơn.

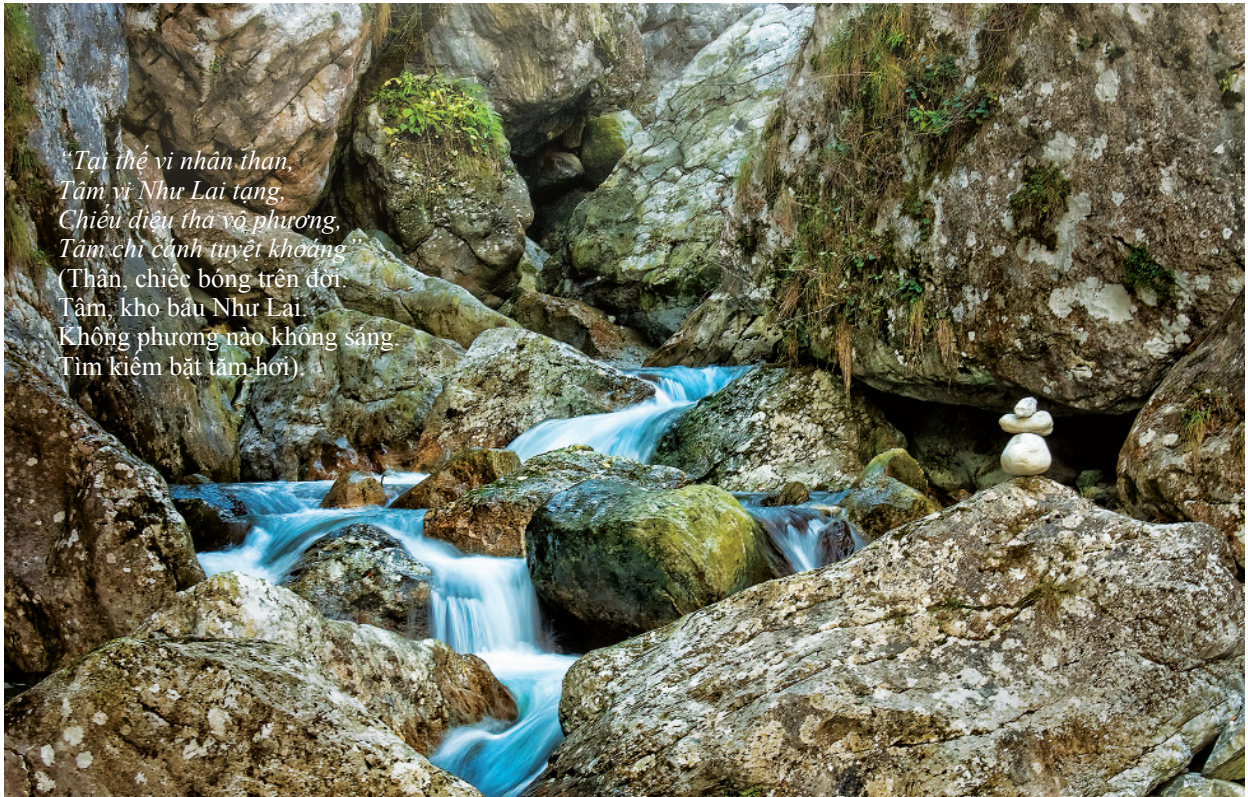
Thế giới quan Phật giáo chú trọng đến con người vì con người chính là trung tâm vũ trụ, vì thế con người phải nỗ lực hoàn thiện chính mình, sống có đạo đức và từng bước đạt đến chân thiện mỹ, đem lại lợi ích và niềm vui cho mình, cho người. Các hành giả tu tập cần quán chiếu sâu sắc và thực

hành theo các pháp môn tu, không nên chấp trước những vấn đề siêu hình của thế giới hay con người. Vũ trụ mênh mông, vạn vật vô cùng, muốn biết nó phải vượt ra ngoài nó. Có như vậy, chúng ta mới có đủ tư lương đạt được giác ngộ, giải thoát. Qua đó, cho ta thấy cội nguồn văn hóa Phật giáo giúp nhân loại giải đáp câu trả lời về thế giới quan một cách khoa học và tuệ giác, không đưa con người chìm đắm trong các học thuyết mơ hồ, huyền bí; giúp con người trở về với chánh niệm sống với môi trường sống thực tại, luôn ý thức và giữ gìn bảo vệ môi trường ngày càng tốt đẹp, quan trọng hơn nữa là xây dựng nên thế giới quan tâm linh vững chắc, tiến đến chân hạnh phúc.

### THẾ GIỚI QUAN PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI LÝ-TRẦN

#### *Thời nhà Lý*

Thế giới quan Phật giáo Lý - Trần cũng không nằm ngoài thế giới quan Phật giáo. Tiếp nối nền tảng cốt lõi của hệ thống giáo lý đầy minh triết của đạo Phật, các Thiền sư thời kỳ này đã dựng xây thế giới quan mang đậm tính giải thoát ngay trong thực tại, không tìm kiếm những thế giới siêu nhiên hư ảo, tùy theo mức độ tu tập như thế nào mà tâm thức con người an trú theo các cảnh giới khác nhau. Thế giới quan Phật giáo Lý - Trần thể hiện rõ trong nền văn học trung đại, phản ánh khá đầy đủ tinh hoa về góc nhìn thế giới, thể hiện rõ trong tác phẩm: *Khóa hư lục, Thiên uyển tập anh, Thơ văn Lý - Trần...* Chỉ vài câu thơ mang nét chấm phá của thiên nhiên, như: Hình ảnh một giọt sương mai lấp lánh trên đầu ngọn cỏ, khái niệm không gian và thời gian vô cùng



“*Tại thế vi nhân than,  
 Tâm vi Như Lai tạng,  
 Chiêu diệu tha vô phương,  
 Tâm chi cánh tuyệt khoáng*”  
 (Thân, chiếc bóng trên đời.  
 Tâm, kho báu Như Lai.  
 Không phương nào không sáng.  
 Tìm kiếm bất tâm hơi).

vô tận, biến chuyển trường tồn qua hình ảnh một cảnh mai lạng lẽ nở sót lại trong đêm tĩnh mịch hay vàng trắng sáng soi rọi chiếc thuyền lạng lẽ vượt bến sang sông trong không gian mênh mông... Đây chính là những cảnh vật rất đời bình dị, đơn sơ của thế giới xung quanh. Nhưng mỗi hình tượng đều mang một ý nghĩa sâu xa, đậm chất thiền học mà các ngài muốn gửi gắm đến kiếp nhân sinh.

Hòa mình vào thiên nhiên, đất nước và con người Việt, Thiền sư Thường Chiêu muốn diễn tả thế giới tâm, bản thể vũ trụ qua bài kệ ngắn

“*Tại thế vi nhân than,  
 Tâm vi Như Lai tạng,  
 Chiêu diệu tha vô phương,  
 Tâm chi cánh tuyệt khoáng*” [4].  
 (Thân, chiếc bóng trên đời.  
 Tâm, kho báu Như Lai.

Không phương nào không sáng.  
 Tìm kiếm bất tâm hơi).

Điểm sơ vài nét chấm phá qua ngôi bút mang đậm triết lý và chất thiền giải thoát của bậc tu chứng đã vượt thoát khỏi cái giới hạn tầm thường của quy luật tự nhiên, sẵn sàng đón nhận tất cả với tâm niệm vô phân biệt, tự tại làm người chèo đò đưa khách trần vượt sông mê tìm về nẻo giác.

Thiền sư Giác Hải có bài thơ sâu sắc nói về tính hư ảo của các pháp, của thế giới hiện tượng, xem chuyện sống chết là quy luật tuần hoàn tự nhiên

*Xuân lai hoa điệp thiên tri thì,  
 Hoa điệp ứng tu cộng ứng kỳ,  
 Hoa điệp bản lai giai thị ảo,  
 Mạc tu hoa điệp hướng tâm trì*”[5].  
 (Xuân sang hoa bướm khéo quen thì,

Bướm lượn hoa cười vẫn đúng kỳ,  
 Nên biết bướm hoa đều huyền ảo;  
 Thấy hoa, mặc bướm, để lòng chi!).

Các pháp đều hư ảo không thật, xuân đến muôn hoa khoe sắc, bướm bay lượn theo kỳ hạn thích ứng thời tiết của chúng, nhưng rốt cuộc chúng cũng chỉ là ảo ảnh, hết mùa thì tất cả đều biến mất, không đáng để chúng ta bận tâm làm gì những giả tướng này. Chỉ có những bậc có sở tu sở chứng mới thấy được bản chất thật của cuộc đời, của thế giới và vạn vật.

Thiền phái Vô Ngôn Thông đặc biệt chú ý đến tâm, xem tâm là nguồn gốc của các pháp, của thế giới hiện tượng, như Thiền sư Cứu Chỉ trình bày tâm và pháp qua bài kệ:

*Giác liễu thân tâm bản ngưng tịch  
 Thần thông biến hóa hiện chư tướng  
 Hữu vi vô vi tòng thủ xuất*

*Hà sa thế giới bất khả lượng,  
Tuy nhiên biến mãn hư không giới,  
Nhất nhất quán lai một hình trạng.  
Thiên cổ vạn cổ nan ti hưởng:  
Giới giới xứ xứ thường tăng lãng* [6].

(Hiểu thấu thân tâm bản ngưng tịch,  
Biến hóa thần thông thành mọi hiện tượng.

Pháp hữu vi và pháp vô vi đều từ đó mà ra.

Thế giới nhiều như cát sông Hằng chẳng thể đếm xiết,

Tuy rằng đầy khắp cõi hư không.

Nhưng xem ra, hết thấy đều không có hình trạng.

Dù muôn đời nghìn thuở cũng thế so sánh với nó được,

Chốn chốn nơi nơi nó vẫn thường sáng tỏ).

Thế giới hiện tượng tuy vô cùng đa dạng nhưng tựu trung chỉ do tâm biến hiện ra, tâm đó không có hình trạng, tràn đầy hư không không cùng tận. Thiền sư Nguyên Học, Thiền sư Thường Chiếu, nhà Sư Trường Nguyên... cũng để lại những bài thơ nói về tâm chân như và bản thể vũ trụ, giác ngộ chính là nhận thức tâm chân như diệu thể đó.

Khoảng những năm Thiên Thành Thông Thụy (1034-1036), vua Lý Thái Tông từng đến chùa Thiên Phúc làm bài kệ bàn về yếu chỉ của đạo Phật:

*Bát nhã chân vô tông.*

*Nhân không ngã diệt không.*

*Quá, hiện, vị lai Phật.*

*Pháp tính bản lai đồng*

(Bát nhã thực không tông.

Người không, ta cũng không.

Ba đời các Đức Phật.

Thế pháp tánh chung đồng” [7].

Bát nhã đây chính là Phật hay chân tâm trong sáng như ngọc báu

sáng quý giá, không sinh cũng không diệt, tự tánh vốn tròn đầy thình lạng không bị không gian và thời gian làm ngăn ngại, có thể tự tại chu du khắp pháp giới bao la. Nhưng đứng về thế giới thực tại của đời thường, khi vạn hữu đã hình thành, từ hạt bụi cho đến trăng sao, sông núi, người, vật đều chịu sự chi phối của định luật vô thường, có không còn mất, có chẳng khác nhau giữa phàm và thánh ở chỗ chìm đắm hư ảo hay tự tu tập nhận thức rõ bản chất thật đó mà sống an nhiên tự tại giữa cuộc đời.

Thiền sư Huệ Sinh trả lời vua Lý Thái Tông bằng một bài kệ mang tính cách triết lý “bất nhị” vượt lên trên cả có và không:

*Pháp bản như vô pháp*

*Phi hữu diệt phi không*

*Nhược nhân tri thử pháp*

*Chúng sinh dữ Phật đồng.*

*Tịch tịch lãng già nguyệt*

*Không không độ hải chu*

*Tri không, không giác hữu*

*Tam muội nhậm thông chu”* [8].

(Pháp tướng vốn như không có pháp Mơ màng như có lại như không Pháp này vốn có người am hiểu Thế tục, Như Lai một chữ đồng Lặng như vàng nguyệt núi Lãng-già.

Hư tựa con thuyền vượt sóng ra

Biết cả lẽ “không” và lẽ “có”

Lại dùng “tam muội” hiểu sâu sắc”).

Những vần thơ chuyển động, bùng sáng như tiếng chuông thức tỉnh khơi dậy bản tâm thanh tịnh vốn có của mỗi con người. Các Thiền sư nhìn vũ trụ nhân sinh quan bằng quan niệm có, không; sống với triết lý bất nhị, đầu đầu cũng là chân như:

*Tác hữu trần sa hữu*

*Vì không nhất thiết không,*

*Hữu không như thủy nguyệt  
Vật trước hữu không không* [9].

(Có thì có tự may may

Không thì cả thế gian này cũng không

Vùng trăng vàng vạc in sông

Chắc chi là có, không không mơ màng).

Thi ca thời Lý có thể nói là hình thức ngôn ngữ siêu ngôn ngữ, triết lý siêu triết lý, có khả năng rút tất cả thế giới vào một vài chữ có và không bằng một ý niệm, mà vẫn diễn đạt hết mọi lẽ sinh hóa của vũ trụ vạn hữu [10].

### **Thời nhà Trần**

Sang đến thời Trần, tác phẩm *Khóa hư lục* của vua Trần Thái Tông nêu rõ muôn nghìn thế giới của biện chúng giải thoát, người dụng công tu tập và hành trì pháp tu miên mật sẽ đạt đến cảnh giới tương xứng, không còn bị giới hạn bởi hai việc lớn của đời người là sinh và tử, thông dong qua lại giữa các cảnh giới tùy theo hạnh nguyện độ sanh của mỗi người. Thời gian chính là dòng chảy vô cùng tận, không gian lại chính là vô cùng theo dòng mắt xích Mười hai nhân duyên. Tận sâu trong tâm khảm mỗi người, ai cũng mong muốn vượt thoát thế giới nhỏ bé này mà vươn đến không gian rộng lớn hơn, không còn bị phụ thuộc hay giới hạn bởi nhiều yếu tố, vượt ra khỏi sự đối đãi tầm thường, chỉ còn hương vị sen thom đượm mùi giải thoát tung bay giữa bầu trời tịnh thanh vô nhiễm:

*Thanh sơn để xứ kiến thiên khoáng,  
Hồng ngẫu khai thời văn thủy hương* [11].

(Núi xanh chỗ thấp trông trời rộng,  
Sen đỏ nở thời thấy nước thơm).

Vua Trần Thái Tông đã diễn tả đầy



đủ một thế giới thanh tịnh, không còn bị chướng ngại bởi một niệm cấu uế nào, cho chúng ta thấy rõ chỉ có bậc thực tu thực chứng như người mới viết lên được sự trải nghiệm cảnh giới tâm thức Niết bàn rõ ràng như vậy. Tâm thức thanh tịnh sẽ đưa đến một thế giới thanh tịnh, ra vào tự do mọi cảnh giới mà không bị ngăn ngại bởi bất kỳ lý do nào. Người chứng ngộ đến đâu sẽ có không gian vũ trụ định hình đến đó, không gian hiện thực chẳng khác nào không gian tâm cảnh Niết bàn [12]. Chỉ có những người nội tâm còn cấu uế mới chấp vào đời sống thực tại, dính mắc bởi sự đối đãi phân biệt giữa ta và người, chìm đắm trong phiền não mà không cách nào thoát ra được.

*Bạch ngọc nguyên lai một phủ ngân  
Hạ tu truy trác khổ cầu tân  
Đồ trình bất thiệp gia hương đảo  
Phó dữ huyền nhai tán thủ nhân* [13].

(Ngọc chuốt xưa nay vẫn trắng trong  
Cần chi mài dũa khổ bao công  
Về quê chẳng phải qua đường xá  
Trèo dốc buông tay vẫn thỏa lòng).

Bản tính chúng sanh xưa nay vẫn sáng suốt đồng như chư Phật nhưng vì vô minh che lấp, chạy theo ngoại cảnh mà quên đi bản tánh chân thật vốn có của chính mình. Chân tâm đó giống như viên ngọc vốn trong sáng quý giá, không cần phải làm sáng hay mới lên thêm vì có muốn lau chùi cũng chỉ là hình thức bên ngoài. Cái quan trọng ở chỗ tạo nghiệp của chúng từ bao đời kiếp, đến hôm nay vẫn không nhận chân ra được, bỏ quên đi ngôi nhà tự tánh của chính mình, quên cả lối về. Cũng như người tìm đạo lại không biết đạo, muốn tìm đường

về nhà thì cần phải tinh táo nhớ về cội nguồn, nhận rõ đâu chính là nhà của mình. Thật ra, đạo chẳng ở đâu xa mà ngay trước mắt chúng ta, trong mọi hành vi cử chỉ, thân đầu tâm đó, tâm luôn nghĩ đến lợi ích cho mọi người, nên nói “*Bình thường tâm là đạo vậy*”. Tâm thanh tịnh thì không gian hiện thực không khác gì không gian tâm cảnh Niết bàn, có thể chuyển hóa tâm thức ô nhiễm thành tâm thức thanh tịnh, thể nhập vào vũ trụ bao la không còn chịu bất kỳ sự ràng buộc nào.

Tuệ Trung Thượng sĩ khuyến khích mọi người nên tìm Phật ngay cõi thiên nhiên thực tại đang sống, đừng tìm cầu Phật ở đâu xa: *Thu quang hắc bạch tùy duyên sắc  
Liên nhị hồng hương bất trước nê* [14].

(Thu trong, biếc hẳn tùy duyên sắc,  
Sen ngát, hồng đầu bởi nước đầu).

Thiên nhiên hữu tình với non sông, nước biếc, cảnh sắc tươi đẹp trong thơ văn Phật giáo thời Trần được mô tả như thiên nhiên cõi Phật sống động, tự thân chứng ngộ thì không đâu là không tĩnh lặng đẹp đẽ. Các Ngài an trú trong thế giới qua cái nhìn đầy tuệ giác, tùy duyên với đạo và đời, cảm nhận cảnh sắc qua cái nhìn minh mông vô hạn sâu thẳm tầng không.

Thế giới quan thời Lý - Trần được diễn tả hết sức sống động, thiết thực giữa đời thường, tạo nên một bản giao hưởng đa chiều nhưng không nằm ngoài mục đích giải thoát tìm về bản tánh chân như vốn có của mỗi người. Đối với những vị sơ cơ chưa tỏ lý vô thường có thể được đánh động bởi những vần thơ, bài kệ tuyệt

tác mang đậm hương vị thanh trong mà dần dần tỏ ngộ. Người đã đạt đến cảnh giới tịch tĩnh thì tâm thái an nhiên giữa biến động cuộc đời, xem tất cả chỉ là ảo ảnh không thật có, sẵn sàng xông pha trận chiến với tâm thái hiên ngang, đem giáo lý Phật Đà đưa người thức tỉnh cơn mê lầm, giúp người người tìm về bản tánh chân thật. Nhận thức rõ thế giới quan qua lăng kính Phật giáo, con người thời Lý - Trần ý thức rõ môi trường xung quanh đang tồn tại vốn thực hư thế nào mà tìm ra phương thức chuyển hóa dần dần. Mê hay ngộ chỉ khác nhau do tâm, làm chủ được tâm thì không còn niệm chấp ngã phân biệt, thế giới chư Phật sẽ hiện ngay trước mặt, thể nhập vào vũ trụ.

## SỰ TÁC ĐỘNG CỦA THẾ GIỚI QUAN PHẬT GIÁO ĐẾN NHẬN THỨC NGƯỜI VIỆT

Dù ở thời đại nào, tinh thần vô trụ vô chấp của đạo Phật có công năng giúp Phật tử ngộ được lý duyên sinh trong tiến trình vận hành bao la của vũ trụ và đối diện cuộc đời. Nhờ đó, mỗi người không ngừng nỗ lực tu tập đạt đến sự chứng ngộ, không còn nỗi lo sợ hãi trước sự biến đổi vô thường của thế giới tự nhiên. Mỗi người có thể hòa điệu với thế giới hiện hữu, có cái nhìn bao dung đối với những người xung quanh, giữ vững tâm niệm yêu thương nhau nhằm tạo dựng một đời sống tràn đầy hỷ lạc. Khi sống trong thế giới tâm linh giải thoát giữa đời thường, người dân Việt thời Lý - Trần nói riêng và con người thời đại ngày nay nói chung sẽ đối diện một cách bình thản với những bế tắc về khủng hoảng môi trường qua các giá trị ảo ảnh vật chất chi phối.

Mỗi người hướng tâm hành trì tu tập đến đâu sẽ trải nghiệm không gian tâm linh đến đó, an trú trong pháp và luật, an trú trong thiền định bừng sáng tuệ giác, đây cũng chính là cảnh giới thập phương chư Phật mà các hành giả hướng đến với tác dạ lòng thành. Nhận thức quy luật vận hành của thế giới, chúng ta nhận thức được sinh diệt biến đổi của vạn pháp, trong hữu có vô; vô và hữu không khác gì bóng trăng dưới đáy nước, từ đó không còn giữ tâm niệm phân biệt thì khoảng cách giữa chúng sanh và Phật không còn xa. Hiểu được vạn vật nhất thể, con người không còn nhiều tham vọng, hiểu được sinh tử và Niết bàn là một, phiền não cũng chính là Bồ đề. Đây cũng chính là chủ trương “*Bất nhị pháp môn, nhất thừa, tâm thừa*” mà thiền học thời Lý - Trần tiếp thu và phát triển đến đỉnh cao. Thực hành được tâm bình đẳng thì Phật có ngay trong tâm chính mình như lời Quốc sư Phù Vân khuyên vua Trần Thái Tông: “*Sơn bốn vô Phật, duy tồn hồ tâm. Tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật*” [15] (Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong lòng. Lòng lặng mà biết ấy là Phật vậy). Như vậy, tâm an thì thế giới an, tâm bình thì thế giới bình, thế giới thực tại cũng không khác gì cảnh giới Niết bàn cho những ai tu tập và hành trì đúng những lời dạy của Phật Đà. Muốn giải thoát, con người phải tự vươn lên trong mọi hoàn cảnh, hoàn thành đầy đủ trách nhiệm của một công dân sống trong cộng đồng xã hội. Biết chấp nhận thế giới thực tại, biết thay đổi nhận thức đúng đắn, hòa nhập vào đời mà không bị cuốn trôi theo dòng đời, cũng tựa như những hoa sen thơm ngát kia dù sống trong bùn nhưng vẫn



*Từ nhiều thế kỷ qua, thói quen đến viếng cảnh chùa, dâng hương lễ Phật đã trở thành nét đẹp văn hóa Việt Nam, lắng nghe tiếng đại hồng chung sâu lắng, ngắm nhìn tượng Phật từ bi như thấu hiểu nỗi khổ kiếp nhân sinh, ai cũng bộc bạch những nỗi niềm và thắm cầu nguyện thiết tha.*

tỏa ra hương thơm ngát, dâng cho đời những giá trị cao quý, hoa trái ngọt lành.

Trong thời Lý - Trần, từ vua quan cho đến dân chúng đều cùng nhau tu học Phật pháp, kính tin Tam bảo, nghe pháp và thực hành thiền định, nhờ đó mỗi người phần nào hiểu được rõ quy luật

vận hành của thế giới. Qua những cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm xây dựng đất nước, người con đất Việt dù nếm đủ mùi gian khổ cũng không làm mờ đi ý chí đoàn kết, sự quyết tâm dựng xây quốc gia ngày một thái bình thịnh vượng. Hiểu được lý duyên sinh, các biến động thiên tai, hạn hán hay những thay đổi bất thường



của thiên nhiên đến với đất nước ta, mọi người phần nào bớt đi sự lo âu, đau khổ mà trái lại cố gắng nguyện cầu sám hối tội nghiệp, cầu trời khấn Phật với tâm lành tha thiết mong được đất nước bình an, tai qua nạn khỏi.

Thế giới hôm nay tuy đủ đầy vật chất, khoa học và công nghệ hiện đại, mức sống của con người đạt đến đỉnh cao. Nhưng kéo theo sự phát triển tốt bậc ấy là những biến đổi bất thường của thế giới

như biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh tràn lan khiến con người sống trong lo âu và sợ hãi. Đại dịch COVID-19 suốt hơn hai năm qua đã lấy đi bao nước mắt và mạng sống của con người trên thế giới, kéo theo đó là những hệ lụy về kinh tế và xã hội. Người đệ tử Phật nhận thức được quy luật vũ trụ thì sẽ không còn đau khổ, sợ hãi mà trở nên bình thản đối diện nó. Vì có thịnh tất có suy, chung quy những biến đổi môi trường phần lớn do lối sống và lòng tham muốn của con người không biết đủ, khai thác quá mức tài nguyên, sát sanh và gây tạo nhiều nghiệp tội. Hiểu và nhận thức được điều đó, con người phải tự suy xét bản thân và tự thay đổi chính bản thân, duy trì lối sống lành mạnh, làm việc thiện lành, không đổ lỗi cho số phận hay thế giới.

### KẾT LUẬN

Văn hóa Phật giáo qua thế giới quan đã tác động đến người Việt từ xưa đến nay thông qua việc ý thức được quy luật biến đổi vô thường của vũ trụ. Con người đã tìm ra đáp án về nguồn gốc thế giới đầy thuyết phục, không còn loanh quanh với những câu hỏi mơ hồ không có lợi ích thiết thực trong cuộc sống. Nhận thức được giây phút hiện tại, mỗi người biết trân quý thời gian làm những việc có ích cho bản thân và xã hội. Nhiều ngôi chùa được xây dựng nơi địa thế đẹp, phong cảnh hữu tình, thanh tịnh trang nghiêm là nơi đón những bước chân của Phật tử thiện tâm, hay bao khách trần mệt mỏi với công việc muốn đến chùa tìm lại sự thanh thản và bình yên... Từ nhiều thế kỷ qua, thói quen đến viếng cảnh chùa, dâng hương lễ Phật đã trở thành nét đẹp văn hóa Việt Nam,

lắng nghe tiếng đại hồng chung sâu lắng, ngắm nhìn tượng Phật từ bi như thấu hiểu nỗi khổ kiếp nhân sinh, ai cũng bộc bạch những nỗi niềm và thẳm cầu nguyện thiết tha. Đến với khung cảnh thiên nhiên u tịch thoát tục của chùa chiền, con người như được trở về lại nguồn cội dân tộc, gác lại những muộn phiền, trỗi dậy lòng yêu quê hương và đất nước qua hình ảnh chùa Việt thân thương và rất đỗi thân thuộc, như Giáo sư Minh Chi đã nói: *“Trong tâm hồn dân tộc Việt Nam thật đã sẵn có mầm mống tinh thần Phật giáo, bao giờ cũng theo nhau như hình với bóng trong cuộc sinh hoạt toàn dân”*.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

\* SC. Thích Nữ Huệ Nhật, Học viên Cao học khóa III, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

- [1] Thích Minh Châu dịch, *kinh Trường Bộ II, kinh Khởi Thế Nhân Bản*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1991, tr.395.
- [2] Thích Minh Châu dịch, *Trường Bộ kinh*, kinh Đại Duyên, Nxb. Tôn giáo, 1991, tr.512.
- [3] Thích Đức Trí tuyển dịch, *kinh Trường A-hàm*, Nxb. Tôn giáo, 2003, tr.316.
- [4] Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, HN, 1989, tr.531-532.
- [5] Viện Văn học, *Sđđ*, 1989, tr.445.
- [6] Nguyễn Tài Thư chủ biên, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1988, tr.175.
- [7] Viện Văn học, *Sđđ*, 1989, tr.241-242.
- [8] Viện Văn học, *Sđđ*, 1989, tr.257-258.
- [9] Viện Văn học, *Sđđ*, 1977, tr.345.
- [10] Thích Đức Nhuận, *Đạo Phật và dòng sử Việt*, Nxb. Phương Đông, 2009, tr.217.
- [11] Trần Thái Tông Hoàng đế, *Khóa hư lục, sa môn Trí Hải dịch*, Nxb. Tôn giáo, 2015, tr.34.
- [12] Thích Phước Đạt, *Trần Thái Tông và Khóa hư lục nhìn từ góc độ văn học*, Nxb. Hồng Đức, tr.239.
- [13] Trần Thái Tông, *Sđđ*, 2015, tr.103.
- [14] Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 2, Quyển Thượng, Nxb. KHXH, 1989, tr.21.
- [15] Viện Văn học, *Sđđ*, 1989, tr.26.

**T**ừ lâu, trong đời sống an tịnh, mỗi hành giả đều tự biết làm đẹp mình bằng hạnh đầu đà giữ giới. Những vị tu hành mang nét đẹp thanh tịnh khi không vấy bụi trần phàm tục. Vẻ đẹp thanh cao gồm những phẩm chất đạo đức, từ tế, lương thiện, thanh tịnh, từ bi, cao thượng, bao dung, hỷ xả. Vì vậy, trong thiền môn, người xấu hay đẹp là do thanh tịnh hay ô uế, mỗi hành giả tự mình biết rõ hơn ai hết ta đẹp hay xấu. Xuất gia không phải để đẹp về hình tướng, dù hình tướng không thể thiếu trong đời sống xuất gia. Giữ giới sẽ được thanh tịnh, thanh tịnh thì được giải thoát, trang nghiêm, an lạc, được đắc quả. Mỗi người đều có thể thực tập để kiểm nghiệm thực tế những lời Đức Như Lai đã dạy.

Trong nhà Phật, đạo hạnh là một phẩm chất đạo đức bắt buộc hành giả đang tu tập phải có. Tăng,

Ni trẻ dù có tài giỏi, làm được việc lớn mà không có oai nghi tế hạnh thì vị ấy chỉ được người ta ngưỡng mộ về tài năng. Những Tăng, Ni dù còn nhỏ tuổi, không giỏi về công tác xã hội hay khiếu nói chuyện trước công chúng, hoặc thuyết pháp nhưng giữ giới thanh tịnh thì vẫn luôn được mọi người cung kính như một bậc chân tu. Những vị ấy vẫn đang hoằng pháp trong lặng im qua hạnh tu thanh tịnh của mình. Những ai đã chọn con đường lý tưởng giác ngộ, giải thoát, xuất gia học theo giáo pháp của Đức Phật để lại, nguyện sống cuộc sống tinh thức, cạo bỏ tóc đều luôn biết hậu quả của việc phạm lỗi phá giới. Đức Phật chế giới là để hành giả tự giữ mình trong sạch, thanh tịnh, tránh rơi xuống vực thẳm khổ đau, luân hồi. Đã cạo bỏ râu tóc, làm xấu bớt phàm sắc đi để làm mình đẹp hơn bằng sự thanh tịnh thánh thiện, bỏ tham muốn, đã thế phải cạo luôn tâm bản uế để không uổng

# SỐNG ĐỜI, TINH THỨC

**SC. Thích Nữ Diệu Hoa**



một đời “huý hình thù khí tiết”. Cạo tóc chỉ cần vài phút là xong, phải sạch - không còn một sợi tóc, vậy nên cạo tâm cũng cần phải sạch hết những bụi trần phiền não. Giữ giới để thanh tịnh, từ đó sẽ làm mình đẹp. Đừng hiểu sai việc giữ giới rồi dính mắc vào giữ giới. Giữ giới là không phạm vào những việc Đức Phật cấm tu sĩ làm chứ không phải bắt tu sĩ ôm khư khư những giới điều ấy. Cũng giống việc ăn chay trường, khi cư sĩ ăn chay vào ngày trai, một tháng hai ngày hoặc mười ngày thì họ luôn nghĩ hôm nay thức ăn toàn là đồ chay, ta đang ăn chay. Còn tu sĩ trường chay thì không còn bận tâm vướng mắc chuyện gì. Cũng vậy, giữ giới thanh tịnh sẽ không dính mắc việc giữ giới nữa, mà mọi lúc mọi nơi đều thanh tịnh thì đâu còn bận lòng với việc ta đang giữ giới. Đây là nói những vị đã thuần thục làm chủ được tâm.

Đức Phật dạy chế ngự tâm để không sinh khởi những tội lỗi, ngừa những bất thiện, tham sân si đang tiềm ẩn. Phước và tội, chánh và tà, thanh tịnh và ô uế khoảng cách cách nhau rất gần, chỉ một niệm nghĩ trong suy nghĩ. Hành giả nếu chưa đủ nội lực mà không giữ tâm cẩn thận, không chánh niệm để tâm phóng dật sẽ phải tốn thời gian sám hối, điều chỉnh. Giống như tờ giấy trắng bị vấy bẩn bởi những nét vẽ bút chì, dù có tẩy kỹ vẫn in lại dấu. Cũng vậy, khi tâm khởi bất thiện giống như những lần vạch ngoằn ngoèo lên trang giấy bằng bút chì, có thể ăn năn hối lỗi nhưng vết dơ cũng không rửa sạch hết hẳn, còn khi thân đã phạm thì giống như những đóm mực đổ loàn trên giấy, không thể tẩy xoá. Giữ giới thì tâm không khởi, thân không phạm, mà người tu hành thanh tịnh không để tâm ô uế sẽ đạt được chân như, tịch tịnh.

Thuở xưa, Đức Phật dạy các vị thánh tăng đệ tử của Ngài rằng sau khi Ngài diệt độ nhập Niết bàn, không còn ở bên cạnh dìu dắt dạy bảo, thuyết pháp giảng dạy trực tiếp thì hãy lấy giới luật làm thầy, tự mình thấp đuốc lên mà đi, không nên nương tựa vào ai khác, bởi chỉ có chính ta mới hoá giải được nghiệp của ta. Con đường sanh tử tự thân mỗi người quyết định lấy. Ngày nay, chúng ta cần phải thực hành theo đề tu tập, tự mình nương vào công đức tu tập để vượt qua sông mê, không nên nương tựa hay đặt sinh mệnh, tương lai mình vào ai khác. Vì chỉ có bản thân mới ngăn ngừa và đoạn

diệt được ái dục, tham sân si, bất thiện trong lòng. Đôi lúc giữa phiền muộn, vì nghiệp dày mà khó buông bỏ sầu não, hay động tâm trước những cảm dỗ khiến tâm ưu sầu thì hãy tự nhủ lòng muốn diệt kiến Đức Như Lai ta cần phải thanh tịnh từ thân lẫn tâm. Cõi Phật không có những ô uế, bất thiện. Nếu tu hành chưa rốt ráo, chưa chế ngự được tâm sẽ rất khó để bình yên tâm trí. Chúng ta đang mang họ Thích của Đức Phật, đang ở trong ngôi nhà chánh pháp có Ngài nhưng sao lại để mình cách xa Đức Phật, khoảng cách sẽ cách xa nghìn trùng nếu tâm nhiễm đầy phàm tục.

Trong cuộc sống, dù bận rộn cũng nên thực hành thiền định, hoặc chỉ cần ngồi yên hít thở, đặt mọi lo toan mệt mỏi xuống cho tâm bình yên, cho lòng nhẹ nhàng, dành thời gian nghiền ngẫm những lời Đức Phật dạy. Khi ngồi yên, ta sẽ thấy rõ ta là ai, ta cần làm gì với những bất thiện mà tâm đã lỡ dại quay cuồng. Từ sự hiểu biết qua kinh điển, ta sẽ dễ dàng buông bỏ, nhiếp tâm. Thời nay, tu sĩ không chỉ tu tập lợi ích an lạc riêng bản thân mà còn phải tham gia các công tác xã hội,... Không phải khi làm Phật sự là không tu. Tu phước hay tu huệ cũng là những pháp môn tu ở thời đại hiện đại này. Điều quan trọng là chúng ta phải giữ giới, chánh niệm, chế ngự tâm. Nếu chế ngự được tâm giữa muôn ngàn cám dỗ, phiền não, phức tạp, nguy hiểm, bộn bề của cuộc sống, bận rộn những Phật sự thì đó là điều tuyệt vời nhất mà Tăng, Ni luôn mong muốn thành tựu.

Từ ngàn xưa, Tăng đoàn phải luôn hoà hợp thanh tịnh, giữ giới và chế ngự tâm mình khi đã phát nguyện xuất gia sống đời tỉnh thức, tịnh an. Những vị mới xuất gia tu hành luôn biết khéo giữ giới như: giữ trông con mắt, cẩn thận không cho một hạt bụi bay vào, hay bất cứ vật gì va vào. Hành giả cần giữ giới như cần oxy để thở, nước để uống, thuốc chữa bệnh, cơm ăn để nuôi cơ thể,... giữ giới là để bảo vệ chính mình, giới như bức tường kiên cố giúp chúng ta bảo toàn hạnh thanh tịnh trong hành trình theo gót Phật giữa nhân gian. Khi đã thật sự thanh tịnh thì không còn vọng động nữa.

Người giữ giới không dính mắc vào việc giữ giới, chỉ cần chế ngự tâm cho thanh tịnh, những dục vọng tự khắc đoạn, những ô uế tự khắc lìa khỏi ý. Và hương của đức hạnh sẽ từ đó ngược gió bay xa.



**HOẢNG PHÁP**  
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoằng Pháp Online  
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp  
của ban Hoằng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE  
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp





PHẬT GIÁO  
VĂN HÓA  
& ĐỜI SỐNG

# PHÁT ĐẠI TÂM

## VÀ LÝ TƯỞNG NHẬP THỂ CỦA NGƯỜI XUẤT GIA



Lạc Nhiên\*


*Lý tưởng xuất gia chỉ ước mong  
Từ bi vẹn nghĩa ẩn trong lòng  
Tâm thơ nét bút, tình tu sĩ  
Hướng dẫn mọi người bước thong dong*  
(HT. Trí Giải)

Khi đã chọn cho mình con đường này - con đường xuất thế thì ai cũng mang trong mình một hoài bão, một lý tưởng cao đẹp. Lý tưởng đó ngoài việc đáp đền công ơn cha mẹ, đáp đền bốn ơn sâu nặng, thì những người xuất gia còn mang trong mình lý tưởng thiêng liêng “Thượng cầu hạ hóa” [1]. Tuy nhiên, trong quá trình tu học, đôi

khi chúng ta không tư duy đúng về cái sơ tâm ban đầu của mình. May mắn thay, chúng con đủ duyên lành được tiếp cận tác phẩm “Khuyến phát Bồ đề tâm văn” của ngài Tịnh Am Đại sư. Chính những lời nói tâm huyết từ tận đáy lòng Ngài: “Nguyện lập thì có thể độ chúng sanh, tâm phát thì Phật đạo có thể thành” [2] đã đánh thức hạt giống Bồ đề tâm và cái chí

nguyện trong chúng con bấy lâu. Chúng con lại càng xúc động hơn khi nghe câu nói của Ngài “*Ta đi là sẽ trở lại liền; sanh tử là việc lớn, ai nấy hãy tự tịnh tâm mà niệm Phật*” [3] khi Ngài sắp viên tịch. Ngài đích thị là một vị Bồ tát có tâm nguyện độ sanh rộng lớn. Mỗi người xuất gia là một vị sứ giả của Như Lai, cần phải làm việc của Như Lai, phải tiếp nối Như Lai





*“Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh, nghe con đường thành Phật lâu xa cũng không sanh tâm thối chí khiếp sợ, thấy chúng sanh khó độ mà không chán nản mệt mỏi”*

gánh vác sứ mệnh hoằng dương chánh pháp. Đức Phật từng dạy: “*Này các Tỳ kheo, hãy du hành vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỳ kheo, hãy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Có các chúng sanh, sanh ra ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe pháp sẽ đi đến hoại diệt. Họ sẽ trở thành những vị thâm hiểu Chánh pháp*” [4].

Mỗi lời mỗi chữ mà ngài Tĩnh Am dạy tựa như từng que diêm mang tên tâm Bồ đề được gieo vào tâm chúng con, thổi bùng lên ngọn lửa Bồ đề tâm vĩ đại trước kia. Chúng con nghe lòng mình rạo rức, mắt ngân lệ, cổ họng như nghẹn cứng lại, nhất là đọc tới đoạn: “*Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh, nghe con đường thành Phật lâu xa cũng không sanh tâm thối chí khiếp sợ, thấy chúng sanh khó độ mà không chán nản mệt mỏi*” [5]. Đó là cái tâm chân thật, có phát tâm như vậy mới thực gọi là phát tâm Chân theo như lời dạy của Ngài.

*“Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh, nghe con đường thành Phật lâu xa cũng không sanh tâm thối chí khiếp sợ, thấy chúng sanh khó độ mà không chán nản mệt mỏi”* tâm nguyện vĩ đại, một Bồ đề tâm cao thượng. Người xuất gia là phải bước tới phương trời rộng lớn “*Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiếu long Thánh chúng*” nghĩa là: Là người xuất gia, phải hướng đến chân trời cao rộng, tâm và hình dáng phải khác hẳn người thế tục, để làm hưng dòng Thánh [6]. Dầu biết rằng con đường thành đạo



*“Nguyện lập thì có thể độ chúng sanh,  
tâm phát thì Phật đạo có thể thành”*

*“Dễ thay thấy lỗi người  
Lỗi mình thấy mới khó  
Lỗi người ta phanh tìm  
Như sàng trấu trong gạo  
Còn lỗi mình, che đậy  
Như kẻ gian giấu bài”*

qua ấy phải trải qua vô số kiếp lâu xa, tu tập Bồ tát hạnh không biết nhằm mỗi, nhưng vẫn giữ một lòng không thoái chí dù cho có muôn ngàn khó khăn xảy đến.

Để thành Phật phải gồm đủ cả *tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn* thì việc độ sanh là điều tất yếu. Nhờ tấm lòng thương yêu chúng sanh nên chư Bồ tát đều được thành tựu quả vị Phật. Bồ tát là *tự giác và giác tha*, nghĩa là trên cầu vô thượng Bồ đề bằng trí tuệ, dưới hóa độ chúng sanh bằng tâm từ bi, tu các hạnh Ba-la-mật và trong vị lai sẽ thành Phật [7]. Khi chúng ta phát tâm đại Bồ đề ấy và tự nguyện đi trên con đường Bồ tát đạo, thực hành Bồ tát hạnh thì trước hết mình phải độ mình, phải trau dồi những phẩm hạnh căn cốt của một vị Bồ tát độ sanh. Phải trang bị cho mình sức mạnh của sự nhẫn nhục lớn, sức mạnh của tình thương yêu lớn và sự hiểu biết sâu. Để khi dẫn thân vào đời độ sanh, ta không bị thoái chí, không bị thoái lui và làm thui chột đi hạt giống Bồ đề kia. Khi độ sanh, nếu có chúng sanh nào đem lòng oán hại, Bồ tát vẫn thương mến họ trọn không hờn giận. Nếu có ai tìm đủ mọi cách để bức hại, không vì

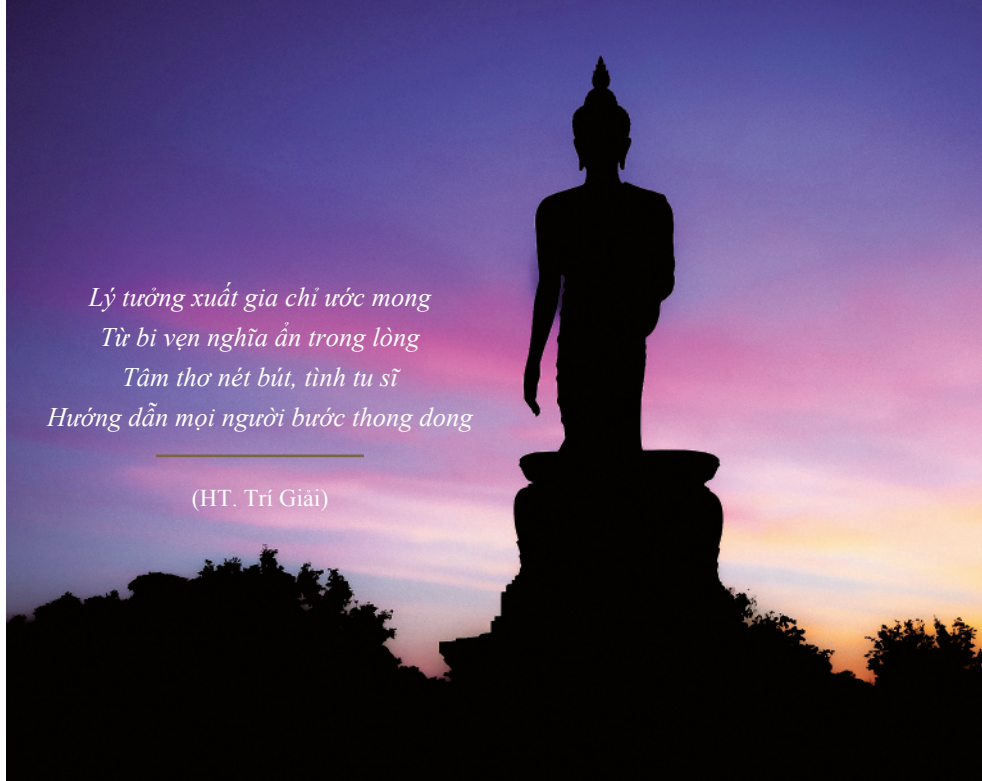
thê mà tâm bị loạn động, vị Bồ tát thường làm thiện tri thức cho tất cả chúng sanh, đem chánh pháp diễn thuyết khiến họ tu tập. Vị Bồ tát phải thương vì lợi ích chúng sanh mà tu pháp lành, chẳng sanh lòng tổn hại chúng sanh, chẳng vì chúng sanh ác - tà kiến, khó điều phục mà rời bỏ, cũng chẳng vì chúng sanh vô ơn mà thoái Bồ tát hạnh, bỏ Bồ đề đạo. Bồ tát thường nghĩ: *“Tôi sẽ vì khắp tất cả chúng sanh chịu đủ sự khổ, khiến họ ra khỏi hố sanh tử khổ; vì tất cả chúng sanh mà tận vị lai kiếp chịu tất cả khổ trong các ác đạo nơi tất cả thế giới, nhưng vẫn luôn vì chúng sanh mà tu thiện căn. Tôi thà riêng mình chịu mọi sự khổ, đem thân chuộc tất cả ác đạo chúng sanh khiến họ được giải thoát, chứ chẳng để chúng sanh đọa nơi Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, Diêm La Vương các ác đạo”* [8].

Tâm nguyện độ sanh là thê! Chí cầu Phật đạo là đây! Một hành giả tu học phải có chí nguyện độ sanh, phải đem lại lợi ích cho chúng sanh, dù đó là một việc làm rất nhỏ, chẳng hạn, chỉ cần thông qua hình tượng trang nghiêm của Tăng đoàn cũng làm toát lên vẻ uy nghiêm và làm lan tỏa năng lượng bình an đến cho

mọi người. Do đó, điều quan trọng nhất bây giờ, mỗi người chúng ta phải hạ quyết tâm mạnh mẽ, gạt bỏ đi mọi hạt giống xấu ác trong tâm thức mình. Những tâm lượng hẹp hòi, ích kỷ, chạy theo danh lợi, những tâm oán hờn và cừ hận, sự biếng nhác, lười tu, ít học, chẳng buồn lao tác vì Tam bảo,... Bỏ luôn cả sự *“giả trang thiên tướng, trong trước ngoài thanh”* [9] ra vẻ oai nghi cho người xem, thể hiện tu hành tinh tấn chỉ để được khen ngợi. Bỏ luôn cả việc chỉ biết nhìn và phê phán lỗi người, bởi thói thường của chúng sanh phàm trần mắt thịt khi thấy lỗi người thì chỉ trích không ngừng, còn tội mình thì che đậy chẳng chịu sám hối, có lỗi cũng chẳng chịu từ bỏ như câu Pháp cú Phật dạy:

*“Dễ thay thấy lỗi người  
Lỗi mình thấy mới khó  
Lỗi người ta phanh tìm  
Như sàng trấu trong gạo  
Còn lỗi mình, che đậy  
Như kẻ gian giấu bài”* [10].

Nhưng những người chỉ biết hướng mắt nhìn ra ngoài để thấy lỗi người thường là người ít có nội lực, ít quay vào bên trong để



*Lý tưởng xuất gia chi ước mong  
Từ bi vẹn nghĩa ẩn trong lòng  
Tâm thơ nét bút, tình tu sĩ  
Hướng dẫn mọi người bước thông dong*

(HT. Trí Giải)

kiểm soát chính mình, do đó, họ thường chẳng được an lạc, chẳng có được lợi ích cho chính mình:

*“Ai thấy lỗi của người  
Thường sanh lòng chỉ trích  
Người ấy lậu hoặc tăng  
Rất xa lậu hoặc diệt”* [11].

Thay vào đó, chúng ta phải cố gắng tu học, ngày đêm dùi mài kinh điển, ra sức công phu thiền quán, chánh niệm tỉnh giác, trở về với nội tâm chơn thật, trau dồi đức hạnh, luôn luôn giữ tâm niệm “*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*” và thế nguyện thành tựu quả vị Phật, như vậy mới gọi là phát tâm đại Bồ đề.

Mùa An cư đã đến, một mùa tu truyền thống được lưu truyền hơn 26 thế kỷ qua từ thời Phật còn tại thế. Chẳng phải một năm chúng ta chỉ tu vào mùa An cư, mà đây chính là mùa để chúng con cố gắng thật nhiều, thật nhiều hơn những ngày thường, chuyên tâm tu học, thúc liễm thân tâm, trau dồi Giới - Định - Tuệ. Thay vì những ngày thường chúng con tu học có còn chưa thật chăm chỉ, lo học nhiều, ít dành thời gian để quay về quán chiếu chính

mình, thì đây là cơ hội để chúng con hòa mình vào Tăng đoàn, nương mình vào Tăng đoàn để được hưởng năng lượng an lành từ đại chúng, có cơ hội quay về quán chiếu ngay nơi thân - thọ - tâm - pháp của chính mình nhiều hơn. Từ đó, tự mình có được lợi ích. Cũng là cơ hội để chúng con suy niệm, tư duy về trách nhiệm và nhiệm vụ của mình, của một người xuất gia là gì. Để rồi xác định hướng đi đúng đắn cho chính mình, đồng thời làm lợi lạc cho tha nhân, để không có phụ đi bốn ơn sáu nặng.

Để thành tựu trên con đường tu tập, tất cả đều được đánh đổi bằng cả mồ hôi và nước mắt, phải trải qua nhiều kiếp hành Bồ tát hạnh. Cho nên, ngay từ bây giờ, việc phát tâm Bồ đề này rất quan trọng, “*Nguyện lập chúng sanh độ, tâm phát Phật đạo thành*” và luôn nhớ đến chí nguyện của mình, có như vậy mới đồng mãnh mà tiến bước, vượt qua mọi khó khăn.

#### **Chú thích:**

\* Thích Nữ Vạn Dung - Cử nhân Phật học Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh

[1] Thượng cầu hạ hóa: Trên cầu Bồ đề, dưới hóa độ chúng sanh, là nội dung của

hành Bồ tát.

Thắng tư duy Phạm Thiên sở vấn kinh luận (Đại 26, 337 hạ): “Lợi mình lợi người, tu hành như thực, tự cầu Bồ đề và hóa độ chúng sanh, giúp họ cùng chứng Bồ đề”. Thượng cầu Bồ đề là lợi mình, hạ hóa chúng sanh là lợi người, muôn hạnh của Bồ tát không ngoài hai điều này. Bồ tát Đại thừa lúc mới phát tâm lập thế nguyện rộng lớn, tự cầu Bồ đề làm cho cõi Phật thanh tịnh, dùng tâm đại bi đi đến những nơi khổ nạn để giáo hóa, dắt dẫn tất cả chúng sanh. [X. Tứ niệm xứ Q.4: Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết Q.5, phần 2; Vãng sinh yếu tập Q. Thượng, phần cuối; Chính tu quán ký Q. Thượng]. (Xt. Bồ đề tâm) Sa môn Thích Quảng Độ dịch, (2014), *Phật Quang Đại Từ Điển*, Nxb. Phương Đông, tr.6705.

[2] Đại sư Tĩnh Am, HT. Tuyên Hóa lược giảng, *Văn khuyến phát Bồ đề tâm*, pdf.

[3] Đại sư Tĩnh Am, HT. Thích Trí Quang dịch, *Khuyến phát Bồ đề tâm văn*, pdf.

[4] HT. Thích Minh Châu dịch, (1999), *kinh Tương Ưng Bộ I, chương 4, phẩm thứ nhất*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.235.

[5] Tỳ kheo Trí Quang, (2010), *Tổng tập Giới pháp xuất gia (tập 1 & 2), Ba - Sáu tiểu phẩm hộ giới, Bốn, Văn khuyến phát Bồ đề tâm*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, tr.2144.

[6] Tỳ kheo Trí Quang, *Sđđ*, tr.2055.

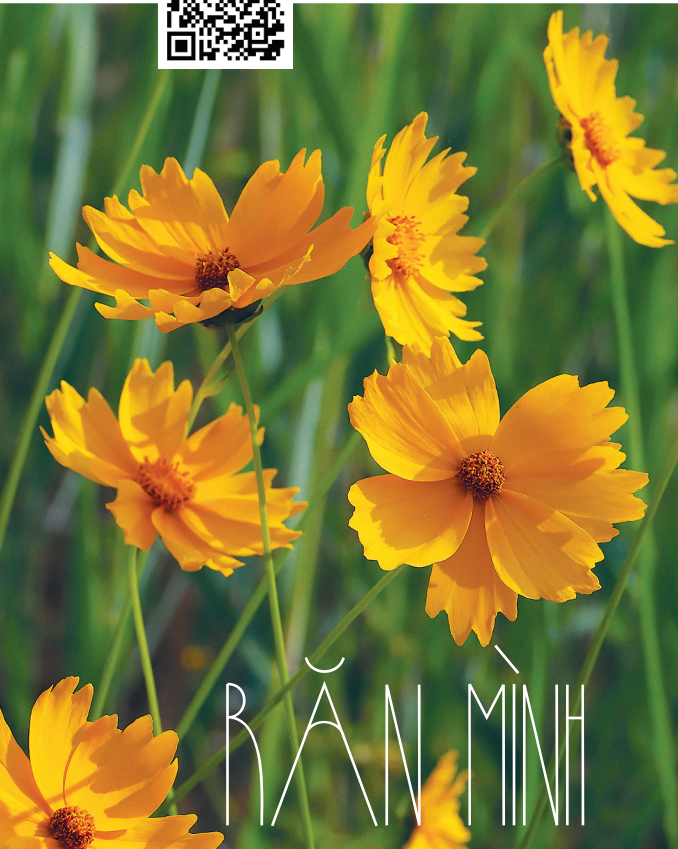
[7] Sa môn Thích Quảng Độ dịch, *Sđđ*, tr.765.

[8] HT Thích Trí Tịnh, (2011), Trí Tịnh toàn tập - tập 2 - *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, phẩm Thập hồi hướng thứ hai mươi lăm*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.90.

[9] Tỳ Kheo Trí Quang, *Sđđ*.

[10] Kinh Pháp Cú, kệ 252.

[11] Kinh Pháp Cú, kệ 253.



RẤN MÌNH

### Nguyễn Thanh Nga

An cư trú tại tâm  
Tâm sáng soi đường tỏ  
Không không rời sắc có  
Những bề bàng khổ đau.

Kiếp người kiếp bể dâu  
Trải qua muôn ngàn khổ  
Biết khổ để tránh khổ  
Ta chẳng còn ưu tư.

Này sân si, chấp giữ,  
Này ghét ganh, sinh tử,  
Này ái biệt, sở cầu,  
Đùng bám vào thân đau,

Ta một lòng buông bỏ.  
Thân ta hạt cát nhỏ,  
Vô lượng kiếp hình thành,  
Một ngày buông lợi danh,  
Thành thoi tâm hướng Phật.



HƯƠNG  
KINH CHIỀU



### Nhật Quang

Chuông chiều gió nhẹ xa đưa  
Hương kinh thoảng quyện ngàn xưa vọng thề  
Tâm an thức tỉnh vườn mê  
Hồn hoang một kiếp quay về chôn đây

Chuông chùa vang vọng chân mây  
Hồn mơ phiêu lãng ngất ngây Niết bàn  
Cõi trần nghiệp chướng nặng mang  
Hương kinh cứu rỗi, đạo tràng thương yêu

Chấp tay khấn Phật huyền siêu  
Xa bờ ảo mộng... về miền tịnh tâm  
Sân si, mê đắm tội trần  
Kinh chiều sám hối, mong ngàn thứ tha

Thơm hương giới hạnh ngát xa  
Thắm hoa đạo đức chan hòa chân như  
Tâm lành thanh khiết dưỡng tu  
Lầu thông Phật pháp kinh thư soi đường.

Hương kinh ngời ánh đạo vàng  
Về nương bóng Phật nhẹ nhàng thân tâm.





# DUỐI TÁN CÂY BỒ ĐỀ

## Tôn Nữ Mỹ Hạnh

Vườn thiền tìm giấc mơ xưa  
Lá bồ đề rụng bao mùa vẫn xanh  
Nhớ Người dẫu bề ngàn năm  
Mỗi bước chân - đóa sen hồng nở hoa.

Long lanh từng hạt sương sa  
Sớm mai chim hót bài ca nhiệm mầu  
Chuông chùa thơm ngát hoa ngâu  
Dòng sông tĩnh thức từ đâu quay về.

Chấp tay dưới cội Bồ đề  
Mới hay cõi tạm bùa mê lạ gì  
Tay Người gieo hạt từ bi  
Thân tâm an lạc, sân si thường tình.

Đọc thầm Bát Nhã Tâm Kinh  
Nghe hương nguyệt quế quanh mình thoảng bay  
Muốn làm ngọn cỏ đêm nay  
Trăng soi bóng nước thơm bài Pháp Hoa.

Thân còn giữa cõi ta bà  
Nén tâm hương có nở hoa một ngày  
Nguyện làm hạt ngọc sương mai  
Theo chân Người suốt dặm dài phong sương.

# SẮC KHÔNG



## Tâm Trung

Hiếu sự đời sắc tức thị không  
Bình thân mắt xanh ngắm cuộc hồng  
Năm uẩn chất chông bao khổ lụy  
Hơi thở tàn tứ đại giai không!

Uống pháp vị thị phi phải bỏ  
Ngắm chữ “Không” thấu lý viên dung  
Bước chân trần qua từng ngõ nhỏ  
Mỗi sớm nhận cho bát cơm đầy...

Giải thoát phục nhuốm vàng nắng hạ  
Gió lộng chéo y hóa chiếc buồm  
Vượt sông mê thuyền về bến giác  
Mái chèo khua sắc sắc không không!



# GIÁ TRỊ NỘI DUNG CỦA THƠ VĂN TRÊN BÁO CHÍ PHẬT GIÁO TRƯỚC 1945

Dương Thụy

## 1. GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO

Ở nước ta, những sáng tác văn học trên báo chí Phật giáo trước 1945 ra đời nhằm mục đích chấn hưng Phật giáo, nên những tác phẩm này có giá trị giáo dục tư tưởng đạo đức Phật giáo rất lớn. Thông qua bài thơ, câu chuyện, tác giả đã gửi gắm những bài học, những lời răn giầu tính nhân văn và tính truyền thống theo tinh thần Phật giáo. Từ cái nhìn con người và muôn vật đều vô thường biến chuyển, không có gì tồn tại vĩnh cửu, tác giả Diệu Không trên Tạp chí Viên Âm số 9 đã đăng bài thơ *Khuyên người học đạo*, nói lên sự thực tồn của muôn loài chỉ là giả huyễn:

*“Cả thế sự như in giấc mộng  
Khuất lặn theo với bóng tà dương  
Chấp chĩ những cái vô thường  
Đem tâm phân biệt mà thương ghét hoài...”*

Nếu Diệu Không chỉ mới nói thế sự như giấc mộng, có rồi lại tan để diễn tả về vô thường, thì Cổ Mai trong Viên Âm số 6 cho chúng ta thấy rõ hơn, chi tiết hơn về triết lý này qua bài thơ *Khuyên người*. Đồng thời tác giả chỉ rõ nguyên nhân tại sao con người

phải gánh chịu khổ đau và qua đó gửi lời nhắc nhở muôn người cần phải thức tỉnh, nương về cửa Phật để thanh tịnh hóa thân tâm:

*“Bể trần chìm nổi thấy mà đau  
Lạc hướng bờ mê dễ biết đâu  
Tham dục lòng gây Nhon ở trước  
Nã phiền lụy để Quả về sau  
Nước không động gió nào nhả mặt  
Núi có phơi sương mới bạc đầu  
Ai nấy sớm nên nhờ cửa Phật  
Trên đường giải thoát dắt dìu nhau”*

Đặc biệt, Lương Duyên Tuệ với bài *Lời khuyên tu đạo Phật* trên *Đuốc Tuệ* số 70, đã nhấn mạnh việc tu hành không phải dành riêng cho người xuất gia, hay đợi khi xuất gia mới tu được, mà bất cứ ai cũng có thể ứng dụng giáo pháp chân chính để tu tập, tránh xa tà đạo:

*“... Khuyên nên theo chính bỏ tà  
Nói con đường giác để mà độ tha  
Cứ gì thế phát xuất gia  
Mới là đắc đạo, mới là pháp thân  
Tinh nghiêm giới hạnh chuyên cần  
Hằng theo Phật giáo rõ ràng chân tu”*



“Cả thế sự như in giấc mộng  
 Khuất lẩn theo với bóng tà dương  
 Chấp chĩ những cái vô thường  
 Dem tâm phân biệt mà thương ghét hoài...”

Ngoài việc giáo dục con người lòng dũng cảm, Nguyễn Thiện Chính trong *Đuốc Tuệ* số 43 còn nhắc nhở tín đồ phải biết thể hiện lòng tri ân và báo ân. Người biết nhớ ơn chính là người biết làm điều lành và sống an vui trong những hành động tốt đẹp mà mình đã tạo:

“*Ăn quả trông cây ấy kẻ khôn  
 Rễ sâu lá tốt quả ra luôn  
 Sinh nơi gốc thiện màu sao đẹp  
 Bọc cái mầm nhân vô cực tròn  
 Tam giới phàm phu theo để được  
 Thập phương chư Phật hãy thường còn  
 Điều lành là báu ta nên chuộng  
 Ném thử mà xem vị ngọt ngon”.*

Đạo hiếu, là triết lý sống đạo đức cao cả mà có lẽ đạo Phật xem đó là quan trọng hàng đầu, vì bằng bạc trong các kinh điển Phật giáo đã đề cập rất nhiều về tinh thần này. Trên *Bồ Đề* Tạp chí số 2, Văn Thị Nga đã góp lời giáo dục con người qua bài *Hiếu dưỡng phụ mẫu điển ca*. Bài thơ chứa đựng những lời khuyên chân tình về đạo hiếu. Dù bất cứ ai, đã tu theo đạo Phật thì không thể quên đạo hiếu, kinh điển Phật truyền lại cho thấy Ngài luôn dạy đệ tử phải lấy chữ hiếu làm đầu:

“... *Làm người thời phải lo âu,  
 Thảo nuôi là trước cạn sâu mọi bề,  
 Quyết lòng giữ đạo Bồ đề  
 Ân cha nghĩa mẹ, chớ hề vợi quên...  
 Phật kinh truyền để xưa nay,  
 Lắm sự tích, dạy thảo ngay làm đầu”.*

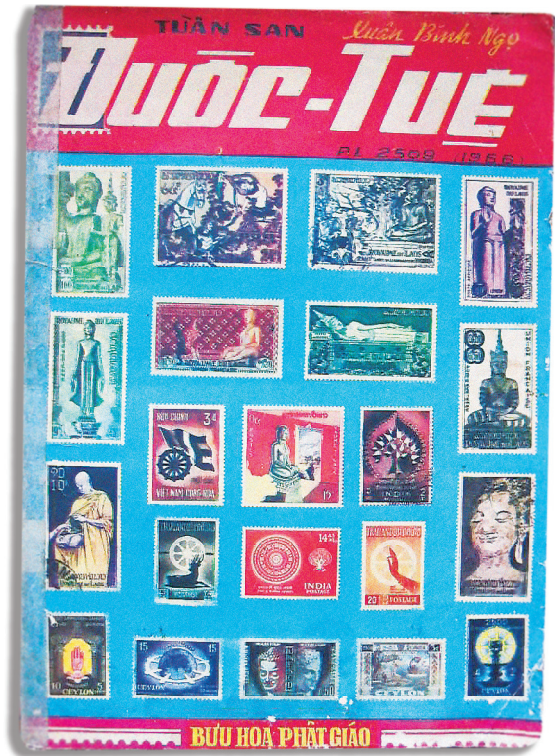
Trần Huy Hân trong *Đuốc Tuệ* số 73 năm 1937 lại cho thấy triết lý giáo dục Phật giáo còn khuyên con người biết thể hiện lòng vị tha trong cuộc sống hiện tại. Bài thơ *Cảm tưởng nạn dân bị lụt*, tác giả đã lên tiếng khuyên con người sống trên đời hãy luôn biết thương yêu, giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn. Có như thế thì cuộc đời mới bớt khổ đau và con người sẽ mãi sống an vui, hạnh phúc:

“*Nước lớn năm nay lớn lạ lùng  
 Đê ba, bốn tỉnh vỡ lung lung  
 Dân thì đói bụng ngồi trên nước  
 Quan phải nhọc lòng nghĩ dưới sông  
 Lúa mất nhà trôi bao nỗi khổ  
 Thóc cao gạo kém lấy gì đong?  
 Ai ơi để của làm chi nhi?  
 Để của làm chi chẳng giúp cùng?”.*

Nội dung giáo dục tư tưởng đạo đức Phật giáo qua thơ ca trên báo chí Phật giáo trước 1945 như đã phân tích tập trung thể hiện các nội dung: Lễ vô thường, nguồn gốc khổ đau, tính thiện, tri ân báo ân... nhằm truyền giảng giáo lý Phật giáo. Những bài thơ được viết giản dị, gần gũi với mọi đối tượng, mọi lứa tuổi để dễ đọc, dễ nhớ. Nhờ thế, những giáo lý cao sâu của nhà Phật dễ dàng đi vào đời sống nhân dân, để bảo lưu, gìn giữ và phát huy những phẩm chất, lối sống cao đẹp của con người Việt Nam. Cho nên nói, việc khơi lại, giữ gìn và phát huy những tư tưởng đạo đức Phật giáo qua thơ ca trên báo chí Phật giáo cũng chính là việc giữ gìn, bảo lưu truyền thống quý báu của con người và dân tộc Việt Nam. Đó cũng là sự đóng góp thiết thực có giá trị của những bài thơ và nhà thơ theo tinh thần Phật giáo.

Văn xuôi trên báo chí Phật giáo giai đoạn này gồm các thể loại: Truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện ký, tùy bút... Đầu thế kỷ XX, nếu các tác phẩm văn học thế tục đã có những cách tân, đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức thì những tác phẩm văn học sáng tác theo tinh thần Phật giáo giai đoạn này cơ bản vẫn có nội dung và hình thức của văn học trung đại. Các tác phẩm văn xuôi trên báo chí Phật giáo thể hiện sâu sắc những tư tưởng, triết lý Phật giáo. Thông qua những câu chuyện kể, triết lý đạo Phật được cụ thể hóa sinh động và thân thuộc, tạo lòng tin cho người đọc rằng: Đạo Phật có thể an định xã hội, tịnh hóa lòng người, khiến cho người ta có đầy đủ tín tâm để sống an vui trong hiện tại và còn mang đến kết quả tốt đẹp ở tương lai, giúp cho con người có được nếp sinh hoạt hợp với đạo lý. Dưới đây, xin lược thuật một số tiểu thuyết tiêu biểu thể hiện nội dung giáo dục tư tưởng đạo đức Phật giáo trên báo chí Phật giáo trước 1945.

Tác phẩm *Tu là cội phúc, tình là dây oan* của Liên Tôn đăng trong *Từ Bi Âm* số 3 là một tiểu thuyết ngắn. Câu chuyện xảy ra vào đời nhà Đường, niên hiệu Nguyên Hòa, xứ Hiệp Hữu, có một người con gái tên Quỳnh Liên, xuân xanh xấp xỉ đến tuổi cập kê, sắc nước hương trời. Các chàng trai nhìn thấy nàng đều ngày đêm mơ tưởng, nhờ người mai mối, mong được kết duyên cùng nàng. Nhưng nàng đã ra điều kiện với các chàng trai rằng, trong một đêm nếu ai học thuộc phẩm Phổ Môn trong kinh *Pháp Hoa* thì nàng đồng ý gửi thân cho chàng trai đó. Sáng hôm sau, đã có hai mươi người học thuộc phẩm Phổ Môn. Nhưng nàng tiếp tục ra điều kiện, nếu



Ngoài việc giáo dục con người lòng dũng cảm, Nguyễn Thiện Chính trong *Đuốc Tuệ* số 43 còn nhắc nhở tin đồ phải biết thể hiện lòng tri ân và báo ân.

ngày mai ai học thuộc bộ kinh *Kim Cang* thì nàng đồng ý làm vợ. Hôm sau lại có được mười người học thuộc. Nàng phải ra điều kiện tiếp rằng, ai thuộc hết bảy quyển kinh *Pháp Hoa* trong ba ngày ba đêm thì người đó sẽ là duyên tiền định của nàng. Tưởng là không có ai, đầu ngõ đã có chàng Mã Sanh học thông suốt kinh *Pháp Hoa*. Thế nên nàng phải đồng ý kết duyên cùng chàng. Nhưng ngay trong đêm tân hôn, nàng đã lia trần, khiến chàng Mã Sanh mê mẩn tinh thần, khổ sâu vô độ, muốn chết cùng nàng. Sau đó có vị Hòa thượng đến gặp Mã Sanh hỏi thăm sự tình và nói cho chàng biết rằng nàng Quỳnh Liên chính là do ngài Quán Thế Âm Bồ tát hóa hiện ra, để cứu độ chúng sinh. Đồng thời, khuyên chàng cùng mọi người hãy hồi tâm hướng thiện, sám hối những tội lỗi trước. Nói xong Hòa thượng biến mất. Từ đó về sau, người dân trong xứ Hiệp Hữu vì thấy được sự linh hiển ấy, nên ai ai cũng thờ Phật ngày càng đông và nơi ấy trở thành đô hội của Phật giáo.

Tiểu thuyết *Duyên trước tình sau* của Chánh Niệm trong Tạp chí *Từ Bi Âm* số 5, nội dung nói về đôi trai tài gái sắc là chàng Vương Hi và nàng Thiệu Hoa, là gái Nam Giang và trai Đông Sàng rất xứng đôi vừa lứa. Họ vừa kết hôn, mừng vui chưa trọn vẹn thì cha mẹ của Thiệu Hoa đều lia trần. Việc tang chế của cha mẹ nàng Thiệu Hoa vừa xong thì mẹ của Vương



Hi cũng tiếp nối ra đi. Trước tình cảnh đau thương đó, Vương Hi mới rõ thấu triết lý vô thường sanh, lão, bệnh, tử của đạo Phật, nên chàng lia bỏ tất cả vào núi ẩn tu. Sau đó Thiều Hoa cũng phát tâm xuất gia. Mỗi người mỗi nơi chuyên lo tu trì và cả hai đều chứng được đạo quả an vui, giải thoát.

Truyện *Đốt đuốc ban ngày* của Viên Quang đăng trên *Đuốc Tuệ* số 169-170, nói về ông Phạm Chí trí tuệ rộng sâu, thông suốt nhiều kinh sách, không có gì là không biết và ông luôn tự khen là không có ai sánh bằng mình. Một hôm giữa ban ngày, ông cầm đuốc đi vào trong thành, đã làm cho mọi người chê bai ông ngu dốt. Từ câu chuyện, tác giả đã nhấn mạnh trên thế gian, cũng có lắm kẻ như anh mù cầm đuốc, tự mình chưa tỏ lại còn dám ngông nghênh với người khác. Chưa hiểu đã nói là hiểu, chưa đáng ngồi cao đã tự tôn, như thế có khác nào một anh mán trong rừng xanh, tưởng mình tài giỏi hơn hết mọi người. Nào có biết đâu, trên đời vẫn còn những bậc siêu phàm xuất chúng mà họ chưa từng gặp. Hiểu như vậy để tự thức tỉnh mình mà dập tắt tính kiêu ngạo và sự tu đạo của ta mới mong có ngày thành tựu. Tác giả kết thúc truyện bằng câu phương ngôn rất ý nghĩa: *“Ở nhà nhất mẹ nhì con Ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta”*.

Nội dung những tác phẩm trên cho thấy công danh, tài sắc, lợi lộc... chỉ là phù du, là vô thường biến đổi. Do đó, nhà Phật khuyên con người không nên tham luyến quá mức, mong cầu quá độ để phải chuốc lấy khổ sầu, mọi hạnh phúc thế gian chỉ là tạm bợ mà thôi. Duy có sự tu phước tu huệ, sống có hiểu nghĩa, đạo đức thì mới có được bình an, hạnh phúc. Hơn thế nữa, là biết tránh xa danh lợi, tình ái mà chọn đời sống thoát tục thì sẽ có được hạnh phúc lâu bền hơn. Với nội dung đơn giản, quen thuộc như truyện cổ tích, các tiêu thuyết Phật giáo trên đã thể hiện sinh động và sâu sắc những tư tưởng đạo đức của giáo lý nhà Phật. Những tác phẩm này là sự kế thừa và kết hợp khá nhuần nhuyễn giữa triết lý dân gian và Phật giáo. Điều này giúp các tác phẩm dễ đi vào lòng quần chúng và gắn kết đời sống nhân dân như những câu ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích. Từ đó, những tư tưởng đạo đức Phật giáo được truyền giảng, tạo nên nếp sống từ tâm trong mỗi người dân Việt. Đồng thời, đóng góp thiết thực của các tác phẩm văn học trên báo chí Phật giáo trước 1945 góp phần phục hưng và lưu giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp.

## 2. THỂ HIỆN TINH THẦN DÂN TỘC

Từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, tinh thần dân tộc, tình yêu quê hương đất nước và lòng từ bi của nhà Phật đã dung hòa với nhau. Đạo Phật đã sử dụng các dữ liệu tích cực của văn hóa và tôn giáo dân gian để góp phần xây dựng và phát huy nền văn hóa dân tộc. Trong đó, thuyết “*Từ ân*” mà báo chí Phật giáo nửa đầu thế kỷ XX nhiều lần nhắc đến đã thể hiện rất ý nghĩa, làm cho tinh thần yêu nước và lòng nhân từ ngày càng gắn kết. Thơ văn trên báo Phật giáo giai đoạn trước 1945 cho ta thấy rõ nét tinh thần gắn kết của Phật giáo với dân tộc. Nhiều tác phẩm thơ, văn xuôi của những nhà văn, nhà thơ có tín tâm với Phật giáo đã chứa đựng tư tưởng yêu quê hương, vì đất nước rất cụ thể và mang tính thiết thực. Tinh thần yêu nước của người phụ nữ Việt Nam được thể hiện phong phú và đa dạng. Có người thì can đảm xông pha nơi trận mạc để chiến đấu với quân thù, có người thì bền chí hy sinh, trợ duyên và khuyên nhủ chồng phải biết sống hết lòng cho Tổ quốc, phải kiên cường chiến đấu, đừng cảm hy sinh để mang lại hòa bình, ấm no cho dân tộc... Những sự hy sinh của người phụ nữ vì Tổ quốc ấy vẫn luôn tỏa sáng trong lòng dân tộc. Trên Tạp chí *Quan Âm* số 26, tác giả Vương Linh đã đăng bài thơ *Vì lý tưởng* để ca ngợi tinh thần yêu nước của người phụ nữ Việt Nam:

*“Vi lý tưởng chàng đi không trở lại  
Thiếp năm chờ tháng đợi biết bao công...  
Chàng hỡi, kẻo anh hùng đừng thói chí,  
Dẫu trăm lần thất bại, nản đừng nên  
Thiếp nguyện xin già làm kẻ vô duyên,  
Nhưng được thấy chàng trở nên “Đại sĩ”*”.

T.B thi bày tỏ cảm xúc của mình về *Cánh đèn Kiếp Bạc* trong *Quan Âm* Tạp chí số 24, vừa mang tính thiêng liêng vừa mang âm hưởng thoát tục. Có lẽ, đây là sự hòa nhịp giữa việc thể hiện lòng tri ân những anh hùng chiến sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc với ân quốc gia của Phật giáo (một trong Tứ ân): *“Trời đất dành riêng một miếu đường  
Đời đời khánh niệm đức Trần Vương  
Chuông Tào, mõ Đẩu khêu hồn tục  
Rừng cấm, giếng rỗng ẩn bóng dương...”*.

Bày tỏ lòng báo ơn bằng việc thực hiện nghi thức cầu siêu độ trong Phật giáo là việc làm rất phổ biến và đầy ý nghĩa. Phật giáo quan niệm con người chết là chỉ mất đi thể xác nhưng nghiệp thức vẫn còn tồn tại và phải chịu luân hồi sanh tử trong nhiều cảnh giới

khác nhau. Vì thế, nhà tu hành phải thể hiện lòng từ bi cứu độ, bằng cách làm lễ kỷ siêu, thuyết pháp để cứu rỗi những vong linh chưa giác ngộ, vẫn còn bơ vơ, lạc lõng trong cảnh giới khổ đau được trở về cảnh giới Cực lạc an vui. Thấm nhuần tư tưởng đó, chi hội Phật giáo Hải Dương đã làm lễ phổ độ cho tướng sĩ Việt Nam trận vong bên Pháp quốc và ở Lạng Sơn, cùng những người dân bị nạn bom Hải Phòng, trong đó, Công Chân có *Bài văn truy triệu Lễ phổ độ chiến sĩ trận vong*, được *Đuốc Tuệ* số 141 chọn đăng:

*“Than ôi, âm dương đôi ngã cách xa  
Thác là thể phách còn là tinh anh  
Nào là tướng sĩ tòng chinh  
Nào là lạc đạn vô tình xảy ra  
Cùng chung một gánh quan hà  
Thác vì việc nước ai mà không thương  
Trời long đất lở khôn lường  
Người ta hai chữ vô thường đó thôi...  
Nay nhân tạo mộ lễ thường  
Phật đài thấp một tuấn hương khấn nguyện  
Anh linh giáng phó đàn tiền  
Chúng sinh công đức vô biên vô lường...”*

Người có tín tâm với Phật giáo là người có lòng từ bi. Người có lòng từ bi là biết nghĩ đến sự an nguy của đất nước và hết lòng nhớ nghĩ về công ơn của cha ông đi trước đã tạo dựng nên đất nước gấm hoa. T.T.T với bài *Thơ mừng Tết* trong *Viên Âm* số 2 đã đưa muôn người về với mùa xuân của cả nước, cùng chúc mừng nhau thêm tuổi mới, nhưng không quên cội nguồn Tổ tiên của dân tộc Việt Nam:

*“Thấm thoát xuân về đã hết đông  
Bắc Nam đâu đó cũng trời chung  
Cỏ cây thấm gội ơn mưa móc  
Hoa gấm tô bồi vẻ núi sông  
Rước tổ Hồng Bàng, hương một nén  
Đuổi ma khủng hoảng, pháo vài phong  
Mừng nay năm mới thêm nhiều tuổi  
Hai chữ từ bi giữ vững lòng”*

Ngôi chùa hiện hữu giữa cuộc đời đã góp phần tô điểm rất nhiều cho nét đẹp đất nước. Nơi đây, chúng ta có thể học Phật, tìm hiểu lịch sử Phật giáo và cả lịch sử dân tộc, là cả một kho tàng đạo đức, đạo lý sống cho những ai có tai để nghe và có tâm hồn để thể nghiệm. Đúng như dân gian đã từng nói: *“Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt”*. Ngôi chùa hiện hữu như là một biểu tượng văn hóa, thể hiện tính chất bao dung của người Việt, của văn hóa Việt Nam. Nguyễn Thiện

Chính với bài *Vịnh chùa Kiến Sơ* đăng trên *Đuốc Tuệ* số 13 đã nói lên đầy đủ giá trị và ý nghĩa cao cả về sự hiện hữu của ngôi chùa giữa quê hương:

*“Dem đạo từ bi để gọi hồn  
Đôi cong làm thẳng, đại làm khôn  
Sử Nam tự tích xưa chưa có  
Đất Bắc sơn môn bấy hãy còn  
Chùa lập cùng làng ngài Đổng Thánh  
Phật truyền vào nước tổ Vô Ngôn  
Tín đồ con cháu rông tiền cả  
Bỏ tát công duyên rạng nước non”*

Tất cả những cảnh trí thiên nhiên, những tình cảm gắn bó sâu đậm với dân tộc qua những trang thơ đã thể hiện trên báo chí Phật giáo trước 1945 càng trở nên tha thiết và gọi cho ta những tình cảm đáng trân trọng. Có thể nói, báo chí Phật giáo thời bấy giờ đã góp phần đưa văn học về với cội nguồn và chứa đựng những giá trị lâu bền trong đời sống văn hóa dân tộc. Những bài thơ trên cũng cho thấy tính thể sự hóa nội dung trong tác phẩm thơ Phật giáo. Nội dung những bài thơ thể hiện được sự gắn bó giữa đạo và đời. Đời sống là sự thể hiện sinh động và phong phú nhất của giáo lý Phật giáo, đồng thời cũng thể hiện được sự thay đổi trong nội dung thơ gắn với tính thời sự, đời thường.

Không ít tác phẩm văn xuôi cũng mang chủ đề yêu nước. Tác giả T.V, trên *Quan Âm* Tạp chí số 23, với tác phẩm *Lạc đường* đã thể hiện rất rõ tinh thần vì dân tộc, muốn khuyên hóa quân chúng, cụ thể là giới học sinh, phải biết ý thức rõ về vai trò của mình, để cùng chuyển hóa xã hội Việt Nam ngày một giàu mạnh: Trong một bài pháp của Lã Phụng Tiên có nói: *“Cái lỗi của mình như cái túi đeo sau lưng..”, khi nào có người quay cái túi ấy ra trước mặt mình mới biết rõ được... Đó, chúng ta đã nghe rõ chưa? Chúng ta đã tỉnh giác chưa? Chúng ta đã trông thấy rõ cái túi trước mặt chúng ta chưa? Chúng ta đã nhận thấy cách ý lại lười biếng của chúng ta chưa? Chúng ta đã nhận thấy quãng đường sai lạc chưa? Vậy, nay chúng ta cần phải đã đảo ngay cái “óc” làm ông tham, ông phán... mà kíp khuynh hướng về kỹ nghệ thương mại, canh nông... thì mới cứu vãn được cái xã hội Việt Nam đương ốm yếu này!*

Trong bài viết *Nhân tài nước Nam* của Trương Vĩnh Ký, được đăng trên *Quan Âm* Tạp chí số 24, ra ngày 03/12/1941, tác giả cũng đã nhấn mạnh rất rõ về ý chí và trách nhiệm của một thanh niên Việt Nam. Ông khẳng định thanh niên thời bấy giờ chính là nhân tài



Báo chí Phật giáo Việt Nam trước 1945 là cơ quan ngôn luận của các tổ chức, hệ phái Phật giáo ở Việt Nam, tuy xuất hiện muộn, nhưng phát triển khá nhanh và phong phú. Qua các trang báo, nội dung kinh điển, tư tưởng văn hóa và văn học Phật giáo được phổ biến đến với đông đảo độc giả và các chức sắc, tín đồ Phật giáo Việt Nam.

của đất Việt, nên phải thấy rõ trọng trách của mình trong việc xây dựng và bảo vệ quê hương.

Nói đến truyện ngắn, tác giả Thiện Minh có lẽ đã rất thâm thúy khi viết *Những lời ấy xa xăm còn vang mãi* đăng trên *Quan Âm* Tạp chí số 26. Hệ thống nhân vật trong truyện ngắn này được xây dựng đơn giản. Ngôn ngữ truyện chủ yếu là lời trần thuật của người kể chuyện. Thỉnh thoảng có những lời đối thoại với ngôn ngữ thường nhật, nhưng đã làm nổi bật nội dung, tư tưởng của câu chuyện là nhằm giáo dục thế hệ trẻ. Tác giả đã tha thiết kêu gọi thanh thiếu niên phải biết yêu non sông đất nước, nơi đã sinh ra mình và phải sống làm sao cho xứng đáng, đem lại lợi ích cho xã hội: “*Này nhé, các con ơi, các con trông xem, sông cong queo chảy, núi sừng sững và oai hùng, đất màu tươi tốt. Biết bao nhiêu khí thiêng sông núi, đất nước chung đúc nên người ta, sinh ra ta, sinh ra các con, sinh ra từng lớp người... Các con ơi, các con nghe lời ta, một người từng trải, bây giờ các con chỉ nên chăm học và yêu hết mọi người, bởi ở đó các con sẽ nên người hữu ích cho mai hậu*”.

*Truyện cũ nước nhà* (Trá Hòa thượng để dò mưu giặc) của Thiện Bảo đăng trên *Đuốc Tuệ* số 40, là tác phẩm được viết lại, dựa vào câu chuyện có thật của lịch sử,

nói về việc Nguyên triều nghe tin vua Thái Tông nhà Trần băng hà, muốn nhân dịp trong nước có tang, gây sự khởi binh, mới sai Lễ bộ Thượng thư Sài Thung sang dụ vua Nhân Tông vào châu. Vua sai người mời Sài Thung vào quán sứ và sai quan Tướng quốc Thái úy Trần Quang Khải ra tiếp. Thung cậy mình là Nguyên triều sứ thân, đến tiêu quốc không coi ai ra gì cả. Khi tướng Quang Khải ra mắt, ông vất vèo nằm trên sập, không thèm đứng dậy mà cũng không đáp lại một lời. Đức Hưng Đạo Vương nghe chuyện, căm tức vô cùng, muốn vào thẳng xem Sài Thung ra sao, nhưng ngại sẽ không được tiếp chuyện. Hưng Đạo Vương vốn giỏi tiếng Hán, bèn khoác áo cà sa, đeo tràng hạt, giả làm Hòa thượng đến xin vào bái kiến. Sài Thung được tin báo, ngỡ có nhà sư từ phương Bắc đến nên cho lính ra rước vào. Thung đứng dậy chào hỏi, tỏ ý vui vẻ, rồi sai pha trà ân cần tiếp đãi. Hai người tiếp chuyện thật vui. Sau khi Hưng Đạo Vương từ biệt đi ra, Sài Thung mới biết nhà Sư đó là Hưng Đạo Vương và cảm thấy hối hận cho sự khờ dại của mình.

Câu chuyện trên cho thấy Phật giáo đã thực sự có được chỗ đứng vững chắc trong cuộc sống và tâm linh của đông đảo người dân, đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc. Cho nên ngay cả Hưng Đạo Vương, vị anh hùng cũng đã biết ứng dụng đạo Phật trong đời để mang lại lợi lạc cho Tổ quốc. Nhìn chung, các tác phẩm văn học trên báo chí Phật giáo đã thể hiện rõ tinh thần đạo Phật vì dân tộc. Qua đó, cho thấy giá trị cao quý của đạo Phật là tư tưởng từ bi, khoan dung, vô ngã, không nghĩ tới cá nhân mà chỉ nghĩ đến những điều lợi ích lớn lao cho muôn người, cụ thể là xây dựng một xã hội an lạc, một đất nước hòa bình. Chính điều đó đã giúp cho con người nhận thức được chân giá trị của mình trong đời sống xã hội, triệt tiêu mâu thuẫn giữa phe này nhóm khác, để rồi cùng nhau đoàn kết bảo vệ cuộc sống bình yên, chống giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước.

### 3. THỂ HIỆN TINH THẦN NHÂN ĐẠO

Tư tưởng vô ngã vị tha, từ bi hỉ xả, bình đẳng... và cả sự khuyến thiện từ triết lý nhân quả trong tư tưởng Phật giáo có khả năng hòa giải, hòa hợp, tác động tích cực và ảnh hưởng sâu rộng trong mọi thành phần và giai tầng xã hội. Vì vậy, báo chí Phật giáo bấy giờ đăng tải rất nhiều tác phẩm truyện thể hiện tư tưởng nhân đạo và triết lý Nhân quả. Truyện ngắn, tiểu thuyết trên báo chí Phật giáo viết về triết lý nhân quả mang âm hưởng nhân đạo tương đối

nhiều, mỗi tác phẩm đều để lại cho người đọc bài học về cách sống ở đời, khuyên con người luôn biết thể hiện cách ứng xử tốt đẹp trong đời sống hằng ngày, không gây ảnh hưởng xấu cho mình và người. Như thế mới có thể gặt hái được kết quả hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội.

*Dưới Chơn Phật* của Kim Xuân viết trong Tạp chí *Từ Bi Âm* số 4 là tiểu thuyết viết về đời sống thực của gia đình quan Phủ Minh Huệ. Quan Phủ lâu ngày làm việc không liêm chính, bà Phủ thấy vậy rất đau lòng và tìm cách khuyên ông Phủ nên tin vào lý nhân quả của đạo Phật mà làm việc chánh trực, để tích đức cho con cháu, bởi hiện tại đứa con của họ tên Minh Thành cũng hư hỏng, không ra gì. Riêng bản thân bà Phủ nhờ thấm nhuần thuyết nhân quả của Phật giáo nên bà sống rất lương thiện, nhân hậu, không đua chen, đua đòi như những người giàu có khác. Từ cách sống của bà Phủ cùng những lời khuyên có lý của bà, lâu ngày đã khiến ông Phủ thấu hiểu và từ đó ông quyết chí làm một vị quan Phủ thanh liêm, thương yêu giúp đỡ mọi người. Về sau được mọi người cảm ơn mến đức, tiếng lành đồn xa. Nhờ đó, con trai Minh Thành của họ cũng cảm phục nhân đức cha mẹ mà hồi tâm chuyển ý, sống làm người tốt.

Tiểu thuyết *Sám hối được sanh về Thiên đường* nói về một câu chuyện có thật trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa. Lương Võ Đế - một vị Hoàng đế sáng lập ra nhà Lương và trị vì Nam triều từ năm 502 đến năm 549. Câu chuyện đã được ghi chép rõ trong kinh *Lương Hoàng sám*, Bích Liên đã kể lại và đăng trên *Từ Bi Âm* số 6, Lương Võ Đế có quen thân với một vị Hòa thượng hiệu là Chí Công. Hoàng hậu Hi Thị rất ghét Hòa thượng và luôn tìm cách can ngăn vua đừng qua lại với Hòa thượng, nhưng vua không nghe. Hoàng hậu liền bày mưu tính kế để hại Hòa thượng. Có lần Hoàng hậu cho mời Hòa thượng và chúng Tăng đến để cúng dường trai tăng và đã làm bánh bao nhân thịt chó để thiết đãi.

Đến ngày cúng dường, bà thấy Hòa thượng và chúng Tăng vẫn ăn bánh bao, nên lấy có đó mà chê bai Hòa thượng, khiến vua đem kiếm đến giết ngài. Khi vua đến gặp, Hòa thượng mới nói rõ hết sự tình và dẫn vua đi xem bánh bao nhân thịt chó đã được Hòa thượng chôn dưới đất. Vua cho người đào lên thì thấy những bánh bao ấy biến thành những con chó. Từ đó, Hòa thượng giải thích chuyện ân oán nhiều kiếp



Nội dung giáo dục tư tưởng đạo đức Phật giáo qua thơ ca trên báo chí Phật giáo trước 1945 như đã phân tích tập trung thể hiện các nội dung: Lễ vô thường, nguồn gốc khổ đau, tính thiện, tri ân báo ân... nhằm truyền giảng giáo lý Phật giáo.

giữa Hòa thượng và Hoàng hậu. Lâu sau, Hoàng hậu lia đời, vì tội ác quá nặng, nên bị quả báo đọa làm con rắn mãng xà sống dưới hầm xí rất khổ sở. Hoàng hậu báo mộng cho vua biết nỗi khổ và nhờ vua cầu cứu Hòa thượng làm lễ sám hối cho bà. Hòa thượng cho thiết đàn tràng để sám hối tội lỗi cho hoàng hậu, nhờ đó bà thoát được kiếp loài vật và sanh về thiên giới. Bài học nhân quả ở đây là nghiêng về hoàng hậu Hi Thị. Vì bà sống với ác tâm, nên phải lãnh chịu quả báo xấu. Nhờ bà biết hối hận, nhận ra lỗi lầm và thành tâm sám hối, cùng với sức chú nguyện của Hòa thượng, nên đã chuyển được nghiệp xấu của bà thành nghiệp tốt. Giá trị nhân đạo của tác phẩm là ở sự bao dung, rộng lượng. Dù con người mê muội, sống với tâm niệm xấu xa, nhưng chỉ cần biết sửa đổi, chuyển tâm ác thành tâm thiện thì quả lành sẽ đến với họ.

Trên Tạp chí *Từ Bi Âm*, tác giả Thiện Dụng đã viết rất nhiều truyện ngắn. Những tác phẩm của Thiện Dụng đa phần nêu lên luật nhân quả ở đời, mỗi câu chuyện đều có nội dung hay, kết cấu hấp dẫn, lôi cuốn người đọc, tiêu biểu như: *Nhờ vợ tu hành mà chồng khỏi đọa* đăng ở số 17, *Một nàng con gái 13 tuổi ngộ đạo* đăng ở số 21, *Lòng từ bi cảm đến loài vật* đăng ở số 35, *Phật hóa độ người có duyên lành* đăng ở số 36...

Còn Tạp chí *Viên Âm* dành riêng cả một mục để đăng những câu chuyện về nhân quả, với tiêu đề *Chuyện về nhân quả*. Như chuyện *Đại vương và khi chúa*, *Người thợ may Bồ thí*, *Lành gặp lành ác gặp ác*, *Hoàng tử A Xà Thế*, *Chết vì ác*... Các truyện tuy nội dung khác nhau, nhưng tựu trung đều xoay quanh vấn đề nhân quả. Những ai sống với tâm hung ác, với hành động xấu phải gánh chịu kết quả xấu, dù đến sớm hay muộn.

Còn ai biết suy nghĩ, nói năng và làm điều lành thì sẽ luôn được kết quả tốt đẹp trong cuộc sống.

Tóm lại, tìm hiểu nội dung chính yếu của một số tác phẩm văn xuôi tiêu biểu trên báo chí Phật giáo trước 1945, cho thấy nội dung mà các nhà văn thể hiện trong tác phẩm mang tính thiết thực và có ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Nhìn chung, nội dung các tác phẩm đã cho ta thấy được sự đóng góp có ý nghĩa của báo chí Phật giáo lúc bấy giờ đối với cuộc chấn hưng nền văn học Việt Nam. Giá trị nổi bật nhất mà các truyện để lại là chỉ rõ con người là chủ nhân chính mình, chỉ cần tự mình phấn đấu nỗ lực và sống lương thiện, nhất định sẽ có ngày vinh quang. Từ đó, có thể hiểu đặc trưng hướng nội của Phật giáo là giúp con người biết sống thân ái, yêu thương nhau và làm cho xã hội yên bình. Những thể hiện trên chứng tỏ những sáng tác văn học trên báo chí Phật giáo trước 1945 có sự gắn kết, gần gũi với cuộc sống đời thường của con người. Có thể nói, nội dung tác phẩm gần gũi với cuộc sống là một trong những đóng góp đưa văn xuôi trung đại chuyển dần sang văn xuôi hiện đại.

## TẠM KẾT

Báo chí Phật giáo Việt Nam trước 1945 là cơ quan ngôn luận của các tổ chức, hệ phái Phật giáo ở Việt Nam, tuy xuất hiện muộn, nhưng phát triển khá nhanh và phong phú. Qua các trang báo, nội dung kinh điển, tư tưởng văn hóa và văn học Phật giáo được phổ biến đến với đông đảo độc giả và các chức sắc, tín đồ Phật giáo Việt Nam. Định hướng cho mọi người, đặc biệt là các thanh niên tân học thấy được đạo Phật là đạo mang tính khoa học, nhân bản, thực tế và thích ứng với từng thời đại. Những tư tưởng, triết lý Phật học chung nhất mà báo chí Phật giáo thể hiện là triết lý nhân quả, đức tin, đạo hiếu, lòng vị tha, tư tưởng vì dân tộc, thuyết vô thường, vô ngã, nhân duyên... Ngoài ra, Phật học trên báo chí Phật giáo còn cho thấy tinh thần Phật giáo vì dân tộc và đại chúng một cách thiết thực, hữu ích qua việc giáo dục đạo đức và tuyên truyền lòng yêu nước, thương dân.

Về phần văn học, việc phiên dịch kinh Phật trên báo chí Phật giáo trước 1945 có thể coi như một loại hình dịch văn học đặc biệt để chuyển tải giá trị tinh hoa của văn học Phật giáo nước ngoài vào Việt Nam. Đây là sự đóng góp to lớn của văn học Phật giáo đối với nền văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Bộ phận sáng tác văn học trên báo chí

Phật giáo trước 1945 cũng là một loại hình sáng tác đặc biệt. Với các thể loại văn thơ truyền thống, văn học trên báo chí Phật giáo đã thể hiện tư duy, tình cảm của Phật tử và những bài học về đạo đức, góp phần phát huy tinh thần Phật giáo cũng như truyền thống văn hóa dân tộc. Xét chung về nội dung và nghệ thuật, các tác phẩm văn học từ thơ ca đến văn xuôi trên báo chí Phật giáo lúc bấy giờ đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển ngôn ngữ Việt Nam.

## Danh mục báo chí Phật giáo Việt Nam trước 1945

(xếp theo năm xuất bản):

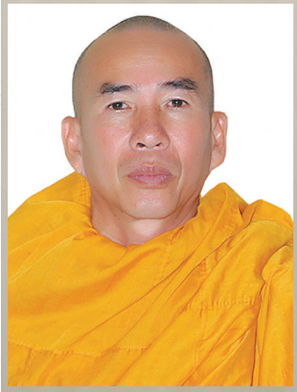
- [A] Tạp chí *Pháp âm* (1929), Chủ nhiệm: Lê Khánh Hòa, Sài Gòn.
- [B] Tạp chí *Phật hóa Tân Thanh niên* (1929), Quản lý: Trương Tân Phát, Sài Gòn.
- [C] Tạp chí *Từ Bi Âm* (1932-1945), Chủ nhiệm: Lê Khánh Hòa, Sài Gòn.
- [D] Tạp chí *Viên Âm* (1933-1945), Tổng biên tập: Lê Đình Thám, Huế.
- [E] Tạp chí *Tiếng chuông sớm* (1935-1936), Chủ nhiệm: Đỗ Văn Hỷ, Quản lý: Đinh Xuân Lạc, Hà Nội.
- [F] Báo *Đức Tuệ* (1935-1945), Tổng biên tập: Nguyễn Năng Quốc, chùa Quán Sứ, Hà Nội.
- [G] Tạp chí *Duy tâm Phật học*, (1935-1943), Tổng biên tập: Nguyễn Văn Ân, Trà Vinh.
- [H] Tạp chí *Bồ Đề* (1936), Tổng biên tập: Lê Phước Chí, Sóc Trăng.
- [I] Tạp chí *Bát nhã âm* (1936-1943), Chủ nhiệm: Đỗ Phước Tâm, Bà Rịa.
- [J] Tạp chí *Pháp âm Phật học* (1937-1938), Chủ nhiệm: Lê Văn Hậu, Chợ Lớn.
- [K] Tạp chí *Tam bảo* (1937-1938), Chủ nhiệm: Trần Văn Uyển, Đà Nẵng.
- [L] Tạp chí *Tiến hóa* (1938-1941), Chánh Hội trưởng: Đỗ Kiệt Triệu, Hội Phật học Kiêm Tế, Rạch Giá.
- [M] Tạp chí *Quan Âm* (1938-1943), Chủ nhiệm kiêm Chủ bút: Lương Văn Tuấn, Hà Nội.
- [N] Tạp chí *Phật pháp chi Niết bàn* (1941), Tổng biên tập: Hồ Ngọc Sung, Sài Gòn.
- [O] Báo *Tinh tiến* (1945), phụ trương của *Đức Tuệ*, Quản lý: Cung Đình Bình, Hà Nội.

## Tài liệu tham khảo:

- [1] Nguyễn Văn Ân (1972), *Báo chí tôn giáo tại Việt Nam* (Khảo luận Ban Báo chí học, Phân khoa VH&KHN), Viện Đại học Vạn Hạnh.
- [2] Thích Thanh Đạt (1994), *Báo chí Phật giáo với phong trào Chấn hưng Phật giáo (1930-1945)* (khóa luận tốt nghiệp đại học), Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- [3] Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo báo chí Phật giáo Việt Nam (1929 -2008)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Đại Đồng (2009), “Tạp chí Viên Âm”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, Số 3, tr. 21-23.
- [6] Nguyễn Đại Đồng (2009), “Tạp chí Đức Tuệ”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, Số 4, tr. 26-28.
- [7] Nguyễn Đại Đồng - Nguyễn Thị Minh (2008), *Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam (Tư liệu báo chí Việt Nam từ 1927-1938)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [8] Đỗ Quang Hưng (chủ biên) (2000), *Lịch sử báo chí Việt Nam 1865-1945*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9] Nguyễn Công Khanh (2006), *Lịch sử báo chí Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1865-1995)*, Nxb. Tổng hợp TP HCM.

# Chùa Thanh Lương

## Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

### Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: [chuathanhluong1@yahoo.com.vn](mailto:chuathanhluong1@yahoo.com.vn)





PHẬT GIÁO

**KHOA HỌC  
& TRIẾT LÝ**



# Những



Bằng việc quán sát sự nguy hiểm và hậu quả của những bất thiện tâm mang lại, lúc ấy nó sẽ được trừ diệt, nội tâm được an tịnh, định tịnh và sáng suốt.



# pháp đối trị

## bất thiện tâm qua bài Kinh An trú tâm (Vitakkasanthāna Sutta)

SC. Thích Nữ Huệ Quang

### DẪN NHẬP

Đức Phật ra đời vì mục đích duy nhất là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Từ khi thành đạo cho đến ngày nhập Niết bàn, suốt 45 năm không mệt mỏi, Ngài chân trần đi du hóa khắp xứ Ấn Độ tùy duyên thuyết pháp, hóa độ chúng sanh bỏ ác, làm lành, trông nhân giải thoát. Những bài pháp của Phật thuyết không có sự huyền hoặc, mơ hồ mà rõ ràng, thực tiễn, khế hợp với căn cơ của đối tượng thính pháp, như một vị lương y giỏi, chẩn bệnh bốc thuốc cho từng loại bệnh, chỉ cần người nghe ứng dụng thực hành lời Phật dạy vào đời sống nhất định sẽ được an ổn, phiền não dần rơi rụng và có được hạnh phúc.

Đối với các vị Tỳ kheo, hàng đệ tử xuất gia, liả bỏ gia đình sống

không gia đình, khép mình trong giới luật với tâm nguyện giải thoát khổ đau, chấm dứt vòng tử sinh luân hồi, đạt đến Niết bàn tịch tịnh, những lời dạy của Đức Phật thường chỉ ra những phương pháp hành trì để làm muội lược và đưa đến đoạn tận tham, sân, si - ba loại căn bản phiền não khó trừ diệt nhất trên lộ trình tu tập của một hành giả. Có rất nhiều bài kinh Đức Phật dạy về phương pháp tu tập, nhân duyên thuyết pháp có lúc là từ sự thưa hỏi của các vị tỳ kheo trong quá trình hành trì, có khi là Phật tự mình gọi các tỳ kheo, hãy lắng nghe lời Phật dạy. Một trong những bài kinh Phật tự thuyết cho các vị tỳ kheo về phương pháp chuyển hóa và diệt trừ phiền não được biên tập trong Trung Bộ kinh là bài số 20, kinh An Trú Tâm, *Vitakkasanthāna Sutta*.

### KHÁI NIỆM TÂM

#### Định nghĩa

Tâm (*P. Vitakka, S. Vitarka*) nghĩa là sự suy tư, nghĩ ngợi [1]. Theo Vi diệu pháp, tâm là một trong sáu tâm sở biệt cảnh: Tâm (*Vitakka*), tứ (*vicāra*), thắng giải (*adhimokkha*), cần (*viriya*), hỷ (*pīti*), dục (*chanda*). Trong đó, *Vitakka* được cấu thành từ tiếp đầu ngữ *Vi* + căn *tak*: Nghĩa là trạng thái tìm kiếm, áp sát, đưa tâm và sở hữu đồng sanh vào cảnh, còn được gọi là tư duy. Đặc tính của tâm là sự bám dính của tâm trên đối tượng (*cetaso abhiniropana*), cũng giống như một vị cận thần thân tín nhất của đức vua, vị ấy đưa một người nào đó đến để ra mắt, giới thiệu với vua, tương tự như thế, tâm mang tâm và những sở hữu câu sanh đến cảnh [2].



Trong đời sống hằng ngày, vi tế hơn là mỗi sát na, trong tâm trí chúng ta khởi lên rất nhiều suy nghĩ, tư tưởng cả thiện và bất thiện đan xen.

### Công năng của tâm

Tâm ngăn chặn và đối trị hôn trầm thù miên (*Thīna-middha*). Khi tâm được phát triển trau dồi đến mạnh mẽ sẽ trở thành chi đầu tiên trong năm chi thiền của thiền thứ nhất gồm có: Tầm (*Vitakka*), tứ (*vicāra*), hỷ (*pīti*), lạc (*sukha*), nhất tâm (*ekaggatā*) như mô tả của tôn giả Sāriputta trong Mahāvedalla Sutta: “*Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, Tỳ kheo thành tựu Thiền thứ nhất, có tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần như vậy*” [3].

### HAI LOẠI TÂM

Tầm (*Vitakka*) cũng được gọi là *saṅkappa*, nghĩa là ý định hay dự định, và được phân biệt thành hai loại gồm: *Micchāsaṅkappa* tức là ý định không chân chánh (còn gọi là tà tư duy) và *sammāsaṅkappa* ý định chân chánh (chánh tư duy), nhánh thứ

hai trong Bát chánh đạo [4].

Trong bài kinh Song Tâm (M.19), bằng kinh nghiệm tu tập của bản thân trước khi giác ngộ, Đức Phật dạy chúng ta cách nhận biết hai loại tầm thiện và bất thiện, từ đó lựa chọn tầm thiện, loại trừ các tầm bất thiện ra khỏi tâm. Đức Phật nói: “*Trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh Giác và còn là Bồ tát, Ta suy nghĩ như sau: “Ta sống suy tư và chia hai suy tầm. Chư Tỳ kheo, phạm có dục tầm nào, sân tầm nào, hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phạm có ly dục tầm nào, vô sân tầm nào, vô hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ hai*” [5].

Qua đoạn kinh, chúng ta thấy trên lộ trình tu tập đến giác ngộ, Đức Phật đã có sự phân loại các tư tưởng, suy nghĩ sinh khởi trong tâm làm hai: Là thiện tầm và bất thiện tầm. Thiện tầm bao gồm ly dục tầm, ly sân tầm, ly hại tầm và

ngược lại dục tầm, sân tầm, hại tầm là ác bất thiện tầm. Đối với các bất thiện tầm khi sanh khởi, Đức Phật tuệ tri: “*Dục tầm này... sân tầm này...hại tầm này khởi lên nơi Ta, và dục tầm này...sân tầm này...hại tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết bàn*” [6]. Khi nhận biết như vậy, Đức Phật trừ bỏ, xả ly và đoạn tận các bất thiện tầm và an trú trong thiện tầm.

Một khi đã nhận diện các ác, bất thiện tầm, hành giả cần có phương pháp đoạn trừ chúng và phương pháp đoạn trừ được Đức Phật chỉ dạy trong bài kinh “An Trú Tâm” (M.20). Bản kinh này được Đức Phật thuyết cho các vị Tỳ kheo khi ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Trong bài kinh, Đức Phật đã dạy cho chúng tỳ kheo



Qua việc học tập và thực hành theo năm phương pháp đối trị ác tâm trong bài kinh An Trú Tâm, theo thời gian các ác tâm hay suy nghĩ bất thiện, làm hại mình hại người dần dần sẽ bị suy yếu và đoạn diệt. Các thiện tâm được tăng trưởng.

năm phương pháp để được an trú trong tâm thiện, đối trị bất thiện tâm sinh khởi trong tâm khi thực hành thiền định.

### THAY THỂ BẤT THIỆN TÂM BẰNG THIỆN TÂM

Kinh văn: “Ở đây, Tỳ kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này các Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia... Chư Tỳ kheo, ví như một người thợ mộc thiện xảo hay đệ tử một người thợ mộc, dùng một cái nêm nhỏ đánh bật ra, đánh tung ra, đánh văng ra một cái nêm khác” [7].

Đây là phương pháp thứ nhất mà Đức Phật dạy các vị Tỳ kheo, trong khi thiền định mà các ác tâm khởi lên, tâm hướng đến các đối tượng có liên hệ với tham dục, sân hận, si mê. Khi hành giả nhận biết được

đó là bất thiện thì không nên trú và bị dẫn dắt bởi nó mà ngay lập tức phải chuyển hướng tác ý đến các pháp thiện khác. Đức Phật đã sử dụng một ví dụ cụ thể để diễn tả một cách dễ hiểu nhất về cách dùng pháp thay thế này bằng hình ảnh quen thuộc của một người thợ mộc giỏi, lấy một cái nêm đóng vào làm văng cái nêm khác ra ngoài, cũng như thế một hành giả tu tập hướng đến tăng thượng tâm, tinh cần quán sát tâm, khi phát hiện các ác tâm liền kịp thời ngăn chặn nó phát triển bằng cách tác ý đến các thiện tâm, dùng thiện tâm để đánh bật ác tâm ra khỏi tâm trí, làm tâm trở nên thanh tịnh và sáng suốt trở lại.

### QUÁN SÁT SỰ NGUY HIỂM CỦA BẤT THIỆN TÂM

Trong trường hợp, nếu như chúng ta đã dùng thiện tâm để thay thế cho các ác tâm nhưng bất thiện tâm vẫn tiếp tục khởi lên, Đức Phật dạy: “Này chư Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy

*cần phải quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy: “Đây là những tâm bất thiện, đây là những tâm có tội, đây là những tâm có khổ báo... Chư Tỳ kheo, ví như một người đàn bà hay người đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang sức, nếu một xác rắn, hay xác chó, hay xác người được quàng vào cổ, người ấy phải lo âu, xấu hổ, ghê tởm” [8].*

Đây là phương pháp thứ hai dùng để đối trị các suy nghĩ bất thiện liên tục sinh khởi trong khi thiền định. Giống như một người trẻ tuổi ưa thích trang sức, thường dùng mọi thứ tốt đẹp để trang sức nơi thân, nếu người đó bị quàng vào cổ một cái xác rắn hay xác chó, người ấy sẽ vô cùng lo lắng, ghê tởm và xấu hổ thì một hành giả tu tập hướng đến tăng thượng tâm khi có những ác tâm liên hệ đến tham, sân, si khởi lên cũng thật đáng xấu hổ, ghê tởm. Bằng việc quán sát sự nguy hiểm và

hậu quả của những bất thiện tâm mang lại, lúc ấy nó sẽ được trừ diệt, nội tâm được an tịnh, định tĩnh và sáng suốt.

### **Làm ngơ đối với các ác bất thiện tâm**

Đức Phật dạy: “Chư Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy cần phải không ức niệm, không tác ý những tâm ấy... Chư Tỳ kheo, ví như một người có mắt, không muốn thấy các sắc pháp nằm trong tâm mắt của mình, người ấy nhắm mắt lại hay ngó qua một bên” [9].

Ở hai phương pháp đầu tiên, Đức Phật dạy là sự chú tâm, quan sát, nhận biết và đối trị các ác bất thiện tâm bằng sự thay thế hoặc nghĩ đến sự nguy hiểm, hậu quả của nó mang đến. Trong trường hợp nó vẫn không ngừng sinh khởi thì sử dụng phương pháp thứ ba, đó là hãy ngó lơ, tâng lờ đờng để ý đến chúng nữa. Phật lấy ví dụ hình ảnh một người vì không muốn nhìn thấy một vật không ưa thích trước mắt, họ sẽ nhắm mắt lại hoặc nhìn chỗ khác để tránh vật đó xuất hiện trong tầm mắt của mình.

### **QUAN SÁT SỰ SINH DIỆT CỦA CÁC BẤT THIỆN TÂM**

Khi đã ngó lơ, không chú ý đến nhưng các ác tâm có liên hệ đến tham, sân, si vẫn khởi lên, Đức Phật dạy chúng ta cách làm giảm dần cường độ sinh khởi của nó cho đến khi được biến mất. “Chư Tỳ kheo, vị Tỳ kheo ấy cần phải tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy... Ví như một người

đang đi mau, suy nghĩ: “Tại sao ta lại đi mau? Ta hãy đi chậm lại”. Trong khi đi chậm, người ấy suy nghĩ: “Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại”. Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ: “Tại sao Ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống”. Trong khi ngồi, người ấy suy nghĩ: “Tại sao ta lại ngồi? Ta hãy nằm xuống”. Chư Tỳ kheo, như vậy người ấy bỏ dần các cử chỉ thô cứng nhất và làm theo các cử chỉ tế nhị nhất” [10].

Đây là phương pháp thứ tư dùng để đối trị bất thiện tâm. Đức Phật dạy chúng ta quan sát hành tướng, sự sinh diệt của các ác tâm một cách chậm rãi từ tốn để nhận biết nó một cách rõ ràng: Ác tâm này từ đâu đến, tại sao nó lại đến, nó đang đến nhanh hay chậm, diễn biến nó như thế nào... Từ đó, dần kiểm soát được sự vận hành của nó từ thô đến tế. Với sự quan sát một cách chậm rãi như vậy, các ác bất thiện tâm dần dần được kiểm soát một cách chủ động, cường độ sinh khởi của nó cũng giảm dần và cho đến bị tiêu diệt, không còn nữa. Giống như một người đang đi nhanh, họ ý thức được việc các bước chân của mình đang nhanh, liền kiểm soát bước đi của mình bằng những tác ý liên quan đến nó: Tại sao ta đi nhanh, hãy dừng lại, hãy ngồi xuống, nằm xuống... Nhờ sự quán sát đó, các ác tâm đang sinh khởi sẽ bị giảm tốc độ, sẽ dần muội lực và biến mất hoàn toàn, bấy giờ nội tâm trở nên an tịnh, sáng suốt, chuyên nhất.

### **QUYẾT TÂM DỪNG TÂM CHẾ NGỰ TÂM**

Đây là phương pháp thứ năm đòi hỏi sự nỗ lực, quyết tâm và sức mạnh nội tại của hành giả

rất nhiều so với bốn cách trước. Đức Phật dạy: “Chư Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm... Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu, hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại... Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh” [11].

Ở đây, Phật sử dụng hình ảnh một người lực sĩ khỏe mạnh lấy tay nắm lấy một kẻ ốm yếu, chế ngự và đánh bại kẻ đó, giành chiến thắng áp đảo. Cũng vậy là một hành giả trên lộ trình hướng đến tầng thượng tâm đối với những bất thiện pháp là những chướng ngại ngăn cản sự tiến tu của mình, chúng ta phải có ý chí kiên cường, dũng mãnh tiến lên, không sợ các chướng ngại, nghiêng răng và dán chặt lưỡi lên nóc họng, dùng ý chế ngự ý, nhiếp phục ý thì dần dần các bất thiện tâm sẽ trở nên muội lực, rồi tiêu biến. tâm trí trở nên sáng suốt, định tĩnh. Nhờ áp dụng năm phương pháp ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, sân, si được trừ diệt, nội tâm được an trú. Tỳ kheo ấy đoạn trừ khát ái, giải thoát các kết sử, chinh phục kiêu mạn, chấm dứt khổ đau.

Trong đời sống hằng ngày, vì tế hơn là mỗi sát na, trong tâm trí chúng ta khởi lên rất nhiều suy nghĩ, tư tưởng cả thiện và bất thiện đan xen. Nhưng phần lớn đều

Niết bàn tịch tịnh, những lời dạy của Đức Phật thường chỉ ra những phương pháp hành trì để làm muội lược và đưa đến đoạn tận tham, sân, si - ba loại căn bản phiền não khó trừ diệt nhất trên lộ trình tu tập của một hành giả.



không ngoài dục tâm, sân tâm, si tâm. Chính vì thế mà suốt cả cuộc đời, đa số mọi người cứ chạy theo đối tượng mình ưa thích và có thái độ bất mãn, chạy trốn cái mình ghét thậm chí còn phản ứng, tấn công đối tượng mình không thích, từ đó sống trong phiền não, khổ đau vì không đạt được điều mình mong muốn. Chính những suy nghĩ, tư tưởng không chân chánh đó là động lực đưa đến các hành động sai trái gây tổn hại đến mình và người, để lại hậu quả nghiêm trọng, phải chịu khổ đau trong hiện tại và vị lai.

Qua việc học tập và thực hành theo năm phương pháp đối trị ác tâm trong bài kinh An Trú Tâm, theo thời gian các ác hại tâm hay suy nghĩ bất thiện, làm hại mình hay người dần dần sẽ bị suy yếu và đoạn diệt. Các thiện tâm được tăng trưởng.

### KẾT LUẬN

Có thể nói, tâm là yếu tố vô cùng quan trọng, là chi phần thứ hai

trong Bát chánh đạo, là yếu tố góp phần quyết định cho những hành nghiệp từ thân, khẩu để dẫn đến quả báo khổ đau hay hạnh phúc cho mỗi người trong đời sống hiện tại và vị lai. Nếu trong đời sống thường ngày, mỗi người biết linh hoạt ứng dụng năm phương pháp an trú tâm này để ngăn chặn và diệt trừ các tư tưởng bất thiện làm ô nhiễm tâm trí thì đời sống sẽ được an vui, hạnh phúc.

Đối với một hành giả tu tập hướng đến sự giác ngộ, giải thoát, an trú thiện tâm và trừ diệt các ác bất thiện tâm là một nhiệm vụ quan trọng, là điều kiện cần và đủ để tiến sâu hơn trên lộ trình giải thoát. Nếu không thể an trú trong thiện tâm tức chúng ta bị sự chi phối của tham, sân, si, đây là ba căn bản phiền não đưa con người đi trong luân hồi sinh tử, chúng ta không thể đạt đến sự giác ngộ giải thoát. Bài kinh An Trú Tâm với năm phương pháp diệt trừ các tư tưởng tham, sân, si như một bí kíp gia truyền để hàng phục tâm,

an trụ tâm mà đức Phật đã đúc kết từ chính lộ trình tu tập của mình từ hạng phàm phu đến quả vị Chánh Đẳng Giác, được truyền cho các đệ tử Phật, những người xuất gia đang đi trên con đường hướng đến quả vị Phật.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Toại Khanh (2020), *Từ điển Pāli từ nguyên và giải tự*, Nxb. Hồng Đức, tr.295.
- [2] Đại trưởng lão Tịnh Sự (2019), *Vô tỷ pháp tập yếu*, Nxb. Hồng Đức, tr.106.
- [3] Thích Minh Châu (dịch) (2012), *Trung Bộ I*, Đại Kinh Phương Quảng, Nxb. Tôn giáo, tr.362.
- [4] Venerable Sayādaw U Sīlananda-Pháp Triều (dịch), (2015), *Cẩm nang nghiên cứu Thắng pháp*, Nxb. Tôn giáo, tr.298-300.
- [5] Thích Minh Châu (dịch) (2012), *Trung Bộ I*, Kinh Song Tâm, Nxb. Tôn giáo, tr.155.
- [6] *Sđđ*, tr.155.
- [7] Thích Minh Châu (dịch) (2012), *Trung Bộ I*, Kinh An Trú Tâm, Nxb. Tôn giáo, tr.159.
- [8] *Sđđ*, tr.160.
- [9] *Sđđ*, tr.160.
- [10] *Sđđ*, tr.160.
- [11] *Sđđ*, tr.161.

Nền tảng  
xây dựng  
quan điểm

# tánh

Không có bất cứ thứ gì tồn tại  
trên thế gian này một cách thường  
hằng bất biến. Cho dù là người tại  
gia, hay người xuất gia, thì thân  
ngũ uẩn vẫn chịu chi phối của  
định luật này.



# Không

của Bồ tát Long Thọ và  
đối tượng phê phán của  
Trung Quán Luận

## ĐD. Thích Tịnh Đạo

### DẪN NHẬP

*Quan điểm về tánh Không là một trong những hòn ngọc báu của triết học Phật giáo. Bài viết góp phần giải thích quan điểm tánh Không của Bồ tát Long Thọ trên cơ sở diễn trình lịch sử tư tưởng Phật giáo và ý nghĩa của tánh Không.*

### NỀN TẢNG XÂY DỰNG QUAN ĐIỂM TÁNH KHÔNG (SŪNYATĀ) CỦA BỒ TÁT LONG THỌ

Trong tác phẩm *Triết học có và không của Phật giáo Ấn Độ*, tác giả Thích Hạnh Bình cho rằng các nhà nghiên cứu về triết học tánh Không (Sūnyatā) của Long Thọ (Nāgārjuna) đa phần chịu

ảnh hưởng của hai hệ tư tưởng là Triết học Lão - Trang và Triết học Tây phương. Họ sử dụng hai hệ tư tưởng đó để phân tích tư tưởng của Long Thọ. Sự phân tích này chắc chắn không đem lại kết quả xác thực với tư tưởng Long Thọ. Bởi lẽ, bối cảnh ra đời của Triết học Long Thọ không hề liên quan đến hai hệ tư tưởng nêu trên.

Trong tác phẩm *Long Thọ thất thập không tính luận*, tác giả Vũ Thế Ngọc cũng nói lên tình trạng lấy ngôn ngữ tư tưởng Lão - Trang để phân tích kinh điển Phật giáo. Đặc biệt là phương pháp *cách nghĩa*, tức lấy các thuật ngữ có sẵn trong văn hóa Trung Hoa (Lão-Trang, Không giáo) để

diễn tả giáo lý nhà Phật. Việc này làm cho người đọc dễ hiểu lầm tư tưởng gắn với văn hóa Trung Hoa hơn là ý nghĩa Phật học uyên nguyên. Như vậy, để phân tích tư tưởng tánh Không (Sūnyatā) của Ngài Long Thọ một cách hợp lý, ta phải đặt tư tưởng đó vào tiến trình lịch sử tư tưởng Phật giáo. Dựa trên tiến trình tư tưởng đó, kết hợp với ý nghĩa trong tác phẩm của Long Thọ để tìm nguồn gốc, tìm nguyên do hình thành tư tưởng, nền tảng của tư tưởng, có như vậy mới giữ được cái cốt lõi của tư tưởng Phật giáo qua các thời kỳ, thể hiện được tầm quan trọng của tư tưởng tánh Không của Long Thọ trong sự hoằng truyền Phật lý.



Trong quá trình phát triển của Phật giáo từ Nguyên thủy đến Bộ phái rồi Phật giáo Đại thừa, mỗi thời kỳ đều nhắc đến khái niệm Không nhưng với mỗi phương diện và cách diễn đạt khác nhau.

Trong quá trình phát triển của Phật giáo từ Nguyên thủy đến Bộ phái rồi Phật giáo Đại thừa, mỗi thời kỳ đều nhắc đến khái niệm Không nhưng với mỗi phương diện và cách diễn đạt khác nhau. Theo TS. Thích Hạnh Bình, thời kỳ Nguyên thủy Phật giáo, tư tưởng Không được nhắc đến ở ba phương diện: Không chỉ cho trạng thái tâm của người xuất gia không còn phiền lụy về cuộc sống gia đình, Không chỉ cho các pháp vốn là sự giả hợp và đẽ nhất nghĩa Không [1].

**THỨ NHẤT, Không thể hiện trạng thái tâm không còn phiền lụy bởi đời sống gia đình của người xuất gia**

Trong Phật giáo Nguyên thủy đã đề cập đến khái niệm Không, ví

dụ như Kinh Tiểu Không trong Kinh Trung Bộ:

*Thuở xưa và nay, này Ānanda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.*

*Ví như, lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí (ekattaṃ) do duyên chúng Tỳ kheo; cũng vậy, này Ānanda, Tỳ kheo không tác ý thôn tưởng, không tác ý nhơn tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí, do duyên lâm tưởng; tâm của vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến lâm tưởng... Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: “Cái kia có, cái này có”. Như vậy, này*

*Ānanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh [2].*

Đoạn kinh vừa dẫn nói lên quan điểm Không trong Phật giáo Nguyên thủy là người xuất gia không còn sự ràng buộc bởi gia đình và những của cải vật chất như voi, bò, ngựa, vàng, bạc... Đây chính là một phần của sự từ bỏ mà Đức Phật đã từng thực hiện. Từ một người ở địa vị cao quý, vật chất đầy đủ, đời sống vui hưởng ngũ dục xa hoa, Ngài đã từ bỏ tất cả và sống đời sống không gia đình. Trong Kinh Trường Bộ 1, các Bà-la-môn nói về việc xuất gia của Đức Phật rằng: *Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ rất nhiều vàng bạc cả loại đang*



chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất. Nay các Hiền giả, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình [3]. Đời sống trong cung vàng điện ngọc sung túc như Ngài, chưa hẳn phải chịu những phiền lụy bởi cơm ăn áo mặc, tiền tài vật chất, nhưng Ngài đã thấy những niềm vui đó là phiền não, là tạm bợ, nên Ngài đã từ bỏ mà đi tìm hạnh phúc giải thoát.

Trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ, chế độ phân biệt giai cấp và đời sống hà khắc đối với những tầng lớp thấp trong xã hội làm cho những người đó bị vùi dập bởi vô vàn nỗi khổ của kiếp người. Khi xuất gia, họ được từ bỏ xuất thân giai cấp của mình, không còn phải chịu những gánh nặng từ vật chất, đời sống gia đình, những bất công trong xã hội, nhất nhất hướng tâm tầm cầu giải thoát. Cho nên, dù xuất thân cao quý như tôn giả A-nan, hay xuất thân từ những giai cấp thấp trong xã hội như người gánh phân Ni-đề, người xuất gia sẽ từ bỏ được tất cả những gánh nặng như trên để sống một đời sống bình đẳng trong Tăng đoàn, với sự cung cấp tứ sự, vật thực từ việc khất thực, sống một đời sống thiếu dục tri túc. Đây chính là ý nghĩa Không mà Phật giáo Nguyên thủy đề cập đến đầu tiên.

**THỨ HAI, Không chỉ cho các pháp vốn là sự giả hợp**  
Khái niệm Không này mang ý nghĩa diễn tả tính vô thường của các pháp, chính vì các pháp là vô thường, giả hợp nên các pháp rồi cũng sẽ trở về không. Trong Kinh Tương Ưng, Đức Phật đã

dùng ví dụ bọt nước để chỉ cho đặc tính này: Ví như, này các Tỳ kheo, sông Hằng này chảy mang theo đồng bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đồng bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đồng bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỳ kheo, lại có lõi cứng trong đồng bọt nước được? Cũng vậy, này các Tỳ kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỳ kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc. Do vị Tỳ kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát sắc, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỳ kheo, lại có lõi cứng trong sắc được? [4].

Đức Phật dùng hình ảnh bọt nước như đoạn kinh dẫn ở trên để diễn tả sự tồn tại của con người cùng mọi sự, mọi vật trên thế gian, có đó rồi không đó. Không có bất cứ thứ gì tồn tại trên thế gian này một cách thường hằng bất biến. Cho dù là người tại gia, hay người xuất gia, thân ngũ uẩn vẫn chịu chi phối của định luật này.

Trong Kinh Tạp A-Hàm có đoạn ghi lại lời cảm thán của Đức Phật với hai vị đại đệ tử là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên khi các Ngài nhập Niết-bàn rằng: Ta nhìn đại chúng, thấy đã trống không, vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng Thanh văn của Ta, chỉ có hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản: tiền tài và pháp tài.

Tiền tài thì tìm cầu từ người thế gian. Pháp tài thì tìm cầu từ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã lìa tiền tài và pháp tài. Các ông chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã Niết-bàn mà sầu ưu khổ não [5].

Thế Tôn cũng cảm thán khi hai vị đại đệ tử tài hoa xuất chúng nhập Niết-bàn, đây là hình ảnh thật đẹp của một vị đạo sư. Người thầy khi chứng kiến cảnh học trò ra đi thì cũng có lòng cảm thán, nhưng là cảm thán trên ý nghĩa của tính Không, vẫn cảm thán vì trái tim không phải gỗ đá mà hoàn toàn vô cảm trước mọi sự. Nhưng Thế Tôn tiếp đó cũng dạy đại chúng không nên vì việc này mà sầu ưu khổ não. Đây là thái độ không tiếc nuối, cố chấp trước sự sinh diệt vô thường của vạn pháp mà Đức Phật nhấn mạnh. Sự tồn tại của các pháp trên thế gian mau chóng như bọt nước tan hợp, chúng sanh phần nhiều không nhìn thấy được việc này, hoặc nhìn thấy phần nào xong lại cố chấp muốn chinh phục thế giới, muốn cho mọi thứ tồn tại theo ý mình, vì vậy mà sinh ra khổ đau. Lời dạy của Phật trong đoạn kinh trích dẫn trên cũng là thái độ sống vô ngã khi đối diện trước cảnh vô thường sinh diệt vậy.

Tư tưởng Không của Phật giáo Đại thừa cũng hình thành và phát triển dựa trên tư tưởng này, như Kinh Kim Cang cũng có đoạn nói các pháp như bọt nước: Nhất thiết hữu vi pháp, Như mộng huyễn bào ảnh, Như lộ diệc như điện. Ứng tác như thị quán [6].

Nội dung và ý nghĩa của bài kệ cũng diễn tả những gì mà đoạn

kinh văn trích dẫn trong *kinh Tap A-hàm* nói trên. Như vậy, có thể kết luận rằng, tư tưởng *Không* của Đại thừa Phật giáo có nguồn gốc từ nền tảng kinh điển A-hàm và Nikāya.

**THỨ BA**, đệ nhất nghĩa *Không* theo tác giả Thích Hạnh Bình là cơ sở để hình thành và phát triển tư tưởng *Không* của Phật giáo đại thừa. Khái niệm *Không* này được đề cập trong *Kinh Tap A-hàm* như sau: *Thế nào là kinh Đệ nhất Nghĩa không? Nay các Tỳ kheo, khi mắt sanh thì nó không có chỗ đến; lúc diệt thì nó không có chỗ đi. Như vậy mắt chẳng thật sanh, sanh rồi diệt mất; có nghiệp báo mà không tác giả. Ám này diệt rồi, ám khác tương tục, trừ pháp tục số. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng nói như vậy, trừ pháp tục số [7].*

Đoạn kinh vừa dẫn diễn tả Đệ nhất nghĩa *Không* là “*mắt sanh thì không có chỗ đến, lúc diệt thì không có chỗ đi*”, ở đây trình bày 4 bất sanh-diệt, đến-đi. Trong bài kệ nêu lên quan điểm lập trường của Trung Luận, Bồ tát Long Thọ cũng nêu ra chủ trương Bất bất của mình:

不生亦不滅  
不常亦不斷  
不一亦不異  
不來亦不出。

*Dịch nghĩa:*

Không sanh cũng không diệt  
Không thường cũng không đoạn,  
Không một cũng không khác  
Không đến cũng không đi [8].

Bốn (sanh, diệt, đến, đi) trong tám (sanh, diệt, thường, đoạn, một, khác, đến, đi) *Không* của ngài Long Thọ đã trùng hợp với

đoạn *kinh A-Hàm* vừa dẫn ở trên. Điều này cho thấy, quan điểm về tánh *Không* của Long Thọ cũng xuất phát từ kinh điển A-hàm và Nikāya. Nếu các pháp không đến không đi, không sanh không diệt, vậy các pháp ở đâu? Các pháp là gì? Long Thọ tiếp tục trình bày quan điểm tánh *Không* thông qua hai bài kệ của “*Trung Quán Luận*” như sau:

1.

眾因緣生法  
我說即是空  
亦為是假名  
亦是中道義。

*Dịch nghĩa:*

Pháp do các duyên sanh, ta nói đó là không, cũng chính là giả danh cũng là nghĩa trung đạo.

2.

未曾有一法  
不從因緣生  
是故一切法  
無不是空者。

*Dịch nghĩa:*

Chưa từng có một pháp, chẳng từ nhân duyên sanh, thế nên tất cả pháp, không gì không phải không [9].


Bồ tát Long Thọ nhấn mạnh không có pháp nào mà không phải do nhân duyên sanh, các pháp do duyên sanh nên tất cả pháp đều *không tánh*. Các pháp vốn do duyên mà thành nên không tồn tại một tướng nào cố định, có rồi không, không rồi có. Cũng do vậy mà cho rằng pháp sanh, diệt, đến, đi hay bất kỳ một định nghĩa gì khác chỉ là danh xưng tạm thời (giả danh). Việc nhìn các pháp là *không tánh*, không có gì cố định, không thiên về không hay có, đến hay đi là cái nhìn “trung đạo”. Định nghĩa pháp là đến đi, sanh diệt chỉ là đang cắt nghĩa pháp ở trong một khoảng không gian,

thời gian nhất định. Nếu xét hệ quy chiếu không gian, thời gian vô cùng tận, ta sẽ thấy các pháp hiện hữu trong một chuỗi sanh diệt vô cùng, không có điểm khởi đầu hay kết thúc. Bởi các pháp do duyên mà có, không tồn tại độc lập, không có thực thể vĩnh hằng cho nên gọi các pháp vốn không (không tánh).

Tư tưởng tánh *Không* của Long Thọ không phải là ý nghĩa như cách dịch từ *Sūnyatā* ra thành *vô (無)* có nghĩa là không có, đối với có hay *không (空)* có nghĩa là hư không, trống rỗng. Mà thật ra ngôn ngữ Trung Hoa hay tiếng Việt không có từ nào diễn tả trọn vẹn từ *Sūnyatā* nên mới mượn từ *không* để diễn tả. Ngay cả khi nói đến *không* thì không cũng chẳng thật là *không*, bởi không ở đây không phải diễn tả sự không tồn tại đối với có tồn tại. Bởi các pháp do duyên sanh nên mới nói các pháp là *Không tánh*. Như vậy, nền tảng tánh *Không* (*Sūnyatā*) của Bồ tát Long Thọ là dựa trên Duyên khởi mà hình thành, hay thuyết của Long Thọ chính là *Duyên khởi tánh Không*.

Các pháp do duyên khởi cho nên là vô thường, không tánh. Để sống với bản chất duyên khởi, vô thường, không tánh của các pháp, chúng ta phải có thái độ vô ngã, tức không chấp các pháp là sinh, diệt, đến, đi. Không bám víu vào bất cứ biểu hiện tạm thời nào của các pháp rồi cho đó chính là pháp, để rồi khi chúng vận động theo vô thường thì bản thân thấy trái ý muốn của mình rồi sanh ra khổ đau.

Duyên khởi chính là giáo lý quan trọng của nhà Phật, dường như



Không sanh cũng không diệt  
Không thường cũng không đoạn,  
Không một cũng không khác  
Không đến cũng không đi.

mọi giáo lý đều đặt trên nền tảng này, chỉ là cách diễn tả có thể khác và nhấn mạnh vào những khía cạnh khác nhau. Nền tảng tư tưởng tánh Không của Long Thọ hình thành cũng dựa trên giáo lý duyên khởi, đây là giáo lý cơ bản của Phật giáo mà Đức Phật giác ngộ dưới cội Bồ đề. Duyên khởi là pháp diễn tả nguyên lý của tất cả pháp bao gồm cả vật lý và tâm lý. Dựa trên ý nghĩa này mà có thêm giáo lý 12 nhân duyên để nói về

nguyên lý dẫn tới tâm lý khổ đau của con người. Phái Nhất thiết hữu cũng dùng duyên khởi để hình thành thuyết 6 nhân 4 duyên, giải thích quy luật hình thành mọi sự vật trên thế gian dựa trên quan điểm cho rằng có một yếu tố cực vi hằng tồn là nguyên nhân hình thành. Trình bày sơ lược như trên để tránh sự nhầm lẫn khi sử dụng Duyên khởi, 12 nhân duyên hay nhân duyên (6 nhân 4 duyên). Ngài Long Thọ sử dụng chính là

Duyên khởi và dùng để đả phá thuyết 6 nhân 4 duyên của Hữu bộ, tránh nhầm lẫn cho rằng Long Thọ đả phá thuyết Duyên khởi.

Tóm lại, tư tưởng *Không* không phải mới xuất hiện ở thời đại của Long Thọ mà từ thời Phật giáo Nguyên thủy đã xuất hiện dưới nhiều ý nghĩa khác nhau. Đến thời đại Phật giáo Đại thừa, tánh Không được sử dụng rộng rãi và xiển dương để phản bác tư tưởng sai lệch giáo pháp của một số bộ phái, đặc biệt là tư tưởng “*Tam thể thực hữu, Pháp thể hằng tồn*” của Nhất Thiết Hữu bộ. So với tư tưởng *nhất thiết giai không của kinh Bát Nhã*, Ngài Long Thọ nhấn mạnh do Duyên khởi nên các pháp mới *không tánh*. Việc nhấn mạnh này cho ra một cách tiếp cận tánh Không mới hơn, đó là trên góc độ *duyên khởi* cũng có thể hiểu được *không tánh*. Thay vì đối với *nhất thiết pháp giai không* của kinh Bát Nhã thì chỉ có thành tựu địa vị Bồ Tát, lấy trí tuệ Bát nhã Ba la mật đa mới nhận biết các pháp là tánh Không.

Sự trùng hợp của tánh Không Long Thọ với ý nghĩa Không trong Phật giáo nguyên thủy cho thấy tư tưởng trên cũng xuất phát từ nền tảng kinh điển Nikāya, A-hàm và nhân duyên xuất hiện trực tiếp nhất chính là phản bác tư tưởng phái Hữu Bộ, xiển dương giáo lý của Phật. Như vậy, tư tưởng tánh Không của ngài Long Thọ ra đời có nền tảng là Duyên khởi, và liên quan mật thiết với kinh điển A-hàm, Nikāya cùng tư tưởng của phái Hữu Bộ.

### ĐỐI TƯỢNG PHÊ PHÁN CỦA TRUNG LUẬN

Như đã trình bày ở trên, muốn

Bồ tát Long Thọ giải thích tất cả các pháp đều do nhân duyên mà thành nên nó vô thường liên tục, không có một tánh nào cố định.



phân tích tư tưởng của Long Thọ phải đặt chúng vào tiến trình phát triển tư tưởng của lịch sử Phật giáo. Khi Phật còn trụ thế, đối với những vấn đề siêu hình, Đức Phật đều từ chối trả lời. Tức từ những giáo lý của Phật giáo nguyên thủy người ta không thể tìm ra câu giải đáp cho những câu hỏi như thân (nhục thể) và mạng (linh hồn) là một hay khác? Vì vậy, cho tới thời kỳ bộ phái đã xuất hiện nhiều hệ tư tưởng nhằm giải thích các vấn đề siêu hình (được nhắc đến trong *Kinh Trung A-hàm, tập 4, Kinh Tiền Dự*). Rồi xuất hiện các vấn đề mà các bộ phái tranh luận với nhau, các bộ luận ra đời nhằm phản bác những gì cho là không phù hợp và trình bày những gì mà

giáo phái mình cho là phù hợp. Cũng giống như Đức Phật ra đời đã phản bác tư tưởng sáng tạo của Phạm Thiên và trình bày giáo lý Duyên khởi. Cứ như vậy, Phật giáo trải qua 3 thời kỳ từ Nguyên thủy, Bộ phái và Đại thừa.

Tư tưởng của Long Thọ ra đời vào thời kỳ phát triển thứ ba của Phật giáo Đại thừa. Và tư tưởng này cũng không nằm ngoài quy luật kể trên, phản bác tư tưởng nào đó và trình bày tư tưởng của Long Thọ (một trong hai tư tưởng chính của Phật giáo Đại thừa). Như vậy, để tìm hiểu Long Thọ phản bác tư tưởng nào, ta cần tìm hiểu qua những tư tưởng trước thời kỳ Long Thọ, tức thời kỳ Bộ

phái; và tìm hiểu tư tưởng chính mà Long Thọ trình bày để đối chiếu so sánh xem chúng phản bác tư tưởng gì trước đó.

Từ những văn bản còn lại thuyết phái *Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* và đối chiếu với *Dị bộ Tông Luận luận*, chúng ta có thể thấy *Nhất Thiết Hữu bộ đề ra quan điểm tất cả pháp đều thật có, trong đó hai pháp (danh: năm, sắc: rupa) thâm nhiếp tất cả, quá khứ hiện tại và vị lai đều thật có* [10].

Thời kỳ Phật giáo bộ phái có tới 18 hay 20 bộ phái. Tư tưởng phái Hữu bộ hình thành do quá trình các nhà Hữu bộ tranh luận phản bác tư tưởng của Hóa Địa bộ và

Độc Tử bộ. Phái Hóa Địa bộ có tư tưởng cho rằng *không có quá khứ và vị lai mà chỉ có hiện tại*. Phái Độc Tử bộ có tư tưởng *ngã (pudgala) hằng hữu*. Để phản bác lại hai tư tưởng này, Nhất Thiết Hữu bộ hình thành tư tưởng *Tam thể thật hữu, pháp thể hằng tồn* [11].

Tư tưởng *Tam thể thật hữu* của các nhà Hữu bộ cho rằng ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) là thật có. Hữu bộ lập luận dựa trên các đoạn kinh điển của A-hàm như: *Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ kheo mong ước vị lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước* [12]. Ở đoạn kinh này có nhắc đến việc mong ước những gì ở vị lai, tức thừa nhận có vị lai. Và nếu không có quá khứ để có những điều đã xảy ra thì không thể có những điều cần mong ước ở tương lai. Như vậy tức xác định có cả quá khứ và vị lai. Hữu bộ còn căn cứ vào kinh điển A-hàm, Nikāya nhắc đến việc Phật khuyên các Tỳ-kheo nếu siêng năng tu tập thì thành tựu quả vị này, nếu không siêng năng thì sẽ không thành tựu. Từ đó cho rằng, nếu không có quá khứ, vị lai thì khái niệm thành tựu hay không thành tựu sẽ không còn ý nghĩa, và nếu không có quá khứ, vị lai thì sẽ không có hiện tại. Như vậy, các nhà Hữu bộ kết luận về mặt thời gian thì cả ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) đều có thật.

Tư tưởng *Pháp thể hằng tồn* của các nhà Hữu bộ cho rằng bản thể các pháp là thật có. Tức sự có mặt của mọi vật trên đời được cấu tạo từ một bản thể luôn tồn tại mà các nhà Hữu bộ gọi nó là *cực vi*, có nghĩa là một đơn vị cực kỳ nhỏ,

không có gì nhỏ hơn. Vậy từ *cực vi* làm sao hình thành mọi thứ? Hữu bộ giải thích vấn đề này dựa trên thuyết *nhân duyên* (sáu nhân, bốn duyên) của mình. Họ cho rằng, sắc mà chúng ta thấy không phải thật có mà do nhân duyên cấu tạo thành, cái thật có, bản thể của các pháp đó chính là *cực vi*.

Tại sao các nhà Hữu bộ không sử dụng thuyết Duyên khởi hay 12 nhân duyên để giải thích mà lại thành lập thuyết 6 nhân 4 duyên? Tác giả Thích Hạnh Bình cho rằng: Các nhà Hữu bộ cũng căn cứ trên lý thuyết Duyên khởi (*cái này có cho nên cái kia có, cái này không cho nên cái kia không* [13]) mà hình thành thuyết nhân duyên của mình. Họ không dùng trực tiếp lý thuyết Duyên khởi vì đây là giáo lý bao quát, quy luật chung hình thành các pháp. Còn thuyết 12 nhân duyên là Đức Phật dựa trên Duyên khởi mà hình thành nhằm giải thích lý do tại sao nổi khổ (yếu tố tâm lý) của con người xuất hiện và biến mất. Các nhà Hữu bộ lại quan tâm đến sự hình thành của thế giới vật chất nên họ thành lập thuyết 6 nhân 4 duyên [14].

Như vậy, thuyết Nhất Thiết Hữu bộ có tư tưởng “Tam thể thực hữu, Pháp thể hằng tồn”, cho rằng ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai là có thực và tồn tại bản thể của các pháp. Hữu bộ thông qua thuyết nhân duyên (6 nhân 4 duyên) để giải thích sự hình thành của các pháp từ bản thể ban đầu là *cực vi*. Sự phân định các pháp có tồn tại luôn gắn liền với khái niệm thời gian, có khái niệm thời gian thì chúng ta mới phân biệt được các pháp là đúng hay sai, có hay không. Về tư tưởng của Long Thọ, thông

qua sự sắp xếp các bài kệ một cách logic của tác phẩm Luận Trung Quán của HT. Ấn Thuận giảng, Huệ Oánh ghi lại và được dịch ra tiếng Việt bởi dịch giả Hạnh Bình và Quán Như sẽ thấy rõ cuộc đối thoại, phản biện đầy sắc bén của Long Thọ. Mở đầu tác phẩm là hai bài kệ nói lên quan điểm lập trường của Long Thọ được trích trong phẩm 1. *Quán Nhân Duyên*. Tư tưởng đó là bát bất: Bất sanh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất lai, bất xuất. Ngài Long Thọ sử dụng bát bất để trình bày Trung Luận chính là trình bày con đường *trung đạo* và trung chính là tướng *không* của các pháp.

Tư tưởng *bát bất* cũng dựa trên Duyên khởi mà thành lập. Chính vì các pháp tồn tại do nhân duyên, nên cũng luôn vô thường, thay đổi liên tục. Lúc các duyên hợp, ta thấy các pháp xuất hiện nên liền gọi đó là sanh, khi các duyên tan, các pháp không còn thì gọi đó là diệt. Ví như một em bé sanh ra đời, có hình tướng tay chân, đi đứng nói cười, ta gọi là sanh, rồi khi già đi bệnh hoạn rồi chết, ta không còn thấy người đó hiện hữu trên đời nên gọi là diệt. Thực chất, trong mỗi khoảng thời gian ngắn nhất, con người luôn có sanh diệt, rõ ràng nhất là sự sanh diệt đổi thay của các tế bào, nhờ đó mà con người lớn lên. Trong từng khoảng thời gian ngắn nhất, đã ẩn chứa cả sự sanh diệt, diệt sanh luôn luân chuyển liên tục. Ta thường thấy sự sanh và diệt, thực chất đó chỉ là sự diễn biến liên tục, thật sự chẳng có cái nào là sanh hay là diệt. Sanh và diệt chỉ là một biểu hiện tức thời của quá trình diễn biến *Duyên khởi*. Hơn nữa, khi nói cái này sanh, cái kia diệt tức

là dựa trên một thời gian nhất định mà nói nó có sanh, có diệt. Nếu cho thời gian đến vô cùng vô tận, ta sẽ thấy quá trình sanh diệt cũng thay đổi vô cùng theo nhân duyên của chúng. Khi định nghĩa pháp này sanh, pháp kia diệt, cũng chỉ cắt nghĩa nó ở một điểm thời gian nhất định mà thôi, thật sự chẳng có gì là thật sanh hay thật diệt.

Sáu bài kệ tiếp theo, Bồ-tát Long Thọ dẫn những lời phản bác của người ngoài về tư tưởng không. Ở đây, xin nhắc lại bài kệ đầu và bài kệ thứ sáu:

“若一切皆空  
無生亦無滅  
如是則無有  
四聖諦之法。

*Phiên âm:*

Nhược nhất thiết giai không, vô sanh diệt vô diệt, như thị tác vô hữu, Tứ Thánh Đế chi pháp.

空法壞因果  
亦壞於罪福  
亦復悉毀壞  
一切世俗法

*Phiên âm:*

Không pháp hoại nhân quả, cũng hoại ư tội phước, được phục tất hủy hoại, nhất thiết thế tục pháp” [15].

Người ngoài ở đây chính là các nhà Hữu bộ, vì họ là người theo chủ trương *có thật tánh*, chỉ có người theo có mới phản bác không. Ví như khi tranh luận, một người nói không có chuyện này xảy ra thì mới tranh luận với người kia cho rằng có chuyện này xảy ra, chẳng ai lại tranh luận nếu cả hai đồng tình có hoặc không có chuyện này xảy ra.

Các nhà Hữu bộ bằng lập luận của mình thông qua sáu bài kệ

[16] đã gán cho người thuyết không một tội rất nặng: Nếu các ông nói tất cả đều không thì ngay cả Tứ Thánh Đế của Phật thuyết cũng là không. Mà Tứ Thánh Đế là không tức không có việc thấy khổ và tu tập cho hết khổ. Không có như vậy nên không có tứ quả và tứ quả hướng, tức không có bát hiện thánh. Vì không có Tứ Đế nên không có Pháp bảo, vì không có tám hiện thánh nên Tăng bảo cũng không. Vì không có Pháp và Tăng nên cũng không có Phật bảo. Như vậy ông thuyết về không là phá hoại Tam Bảo. Không những phá Tam Bảo mà ông còn phá cả nhân quả tội phước của thế gian.

Bị gán một tội rất nặng là thế, nhưng ngài Long Thọ không có chút gì sợ sệt mà còn đem cả sáu bài kệ đó dẫn vào tác phẩm để làm cơ sở lý luận phản biện. Chính vì Long Thọ nắm được sai lầm của các nhà Hữu bộ là hiểu không đúng về nghĩa không rồi cho rằng đó cái không đối với có thường tình. Ngài cũng biết Hữu bộ có quan điểm *Tam thế thực hữu, pháp thế hằng tồn* nên đã đưa vào và đánh phá hai lập trường lý luận này của Hữu bộ. Như vậy, thông qua sáu bài kệ tiếp theo này, Long Thọ đã chỉ thẳng đối tượng mà mình muốn nói trong Trung Luận là tư tưởng của Hữu bộ mà Long Thọ không đồng tình.

Tiếp theo là năm bài kệ mà Long Thọ mở đầu cho sự phân tích và phản biện lại lời gán tội của Hữu bộ. Ngài nói (diễn ý theo năm bài kệ [17]): Chư Phật thuyết pháp là y vào Nhị đế (thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế) các ông không biết phân biệt hai đế này thì làm sao hiểu được ý nghĩa chân thật

của Phật pháp thâm sâu? Nếu người mà không thể hiểu nghĩa chân thật, không thể biết ý nghĩa của không một cách đúng đắn thì giống như người bắt rắn độc mà không biết cách, đi bắt đặng đuôi thì sẽ dẫn đến họa bị rắn cắn chết. Những người như vậy quả thật là những kẻ độn căn. Thế Tôn từ khi thành đạo đã biết pháp không rất là thâm thâm khó hiểu, kẻ độn căn không thể tường tận được nên không muốn nói (“*Thế Tôn tri thị pháp, thậm thâm vi diệu tướng, phi đốn căn sở cập, thị cố bất dục thuyết*” [18]). Nhưng Thế Tôn đã thuyết pháp rồi, nay các ông lại tự biến mình thành kẻ độn căn, không hiểu được ý nghĩa của không rồi đi chất vấn lung tung. Để tôi nói cho các ông nghe về ý nghĩa không chân thật này.

Nghĩa không chân thật mà Long Thọ trình bày đó chính là *duyên khởi tánh không*, thông qua hai bài kệ sau:

“眾因緣生法  
我說即是空  
亦為是假名  
亦是中道義。

*Dịch nghĩa:*

Pháp do các duyên sanh, ta nói đó là không, cũng chính là giả danh cũng là nghĩa trung đạo.

未曾有一法  
不從因緣生  
是故一切法  
無不是空者。

*Dịch nghĩa:*

Chưa từng có một pháp, chẳng từ nhân duyên sanh, thế nên tất cả pháp, không gì không phải không” [19].

Bồ tát Long Thọ giải thích tất cả các pháp đều do *nhân duyên* mà thành nên nó vô thường liên

tục, không có một tánh nào cố định. Vì không có tánh nào cố định để gọi pháp là này, là kia nên các pháp vốn *không tánh*. Cái *không* ở đây là do sự tồn tại các pháp diễn biến vô cùng, không có tướng trạng cố định chứ không phải là *không tồn tại* như các nhà Hữu bộ hiểu nhầm. *Tánh không* này là nguyên nhân mà các pháp có thể hình thành, vì *không* là dựa trên *Duyên khởi* mà thành. Nếu các pháp có tánh cố định như các nhà Hữu bộ nói mà không phải là *không tánh* thì tất cả những gì trên thế gian đều đứng yên, không hủy hoại, không phát triển, điều chưa đắc không thể đắc được, không đoạn được phiền não, cũng không diệt được khổ. Vì vậy mà trong kinh nói, nếu thấy được duyên khởi, thấy được tính không tức là thấy Phật, thấy khổ tập diệt đạo. [20]

Ngài Long Thọ như muốn nói với các nhà Hữu bộ: Cái không của tôi trình bày là cái *không* mà nhờ đó có Tam Bảo, có con đường diệt khổ, chứ không phải là phá hoại Tam Bảo, phá hoại nhân quả như các ông nói.

## KẾT LUẬN

Qua sự phân tích tư tưởng của ngài Long Thọ và các nhà Hữu bộ cho thấy, quan điểm của Long Thọ bất đồng với tư tưởng *Tam thế thực hữu, Pháp thể hằng tồn* của Nhất Thiết Hữu bộ. Sự bất đồng quan điểm của Long Thọ nói riêng và tư tưởng Đại thừa nói chung đối với Hữu bộ và các bộ phái thật ra đã có mầm mống từ lần phân phái đầu tiên. Bởi lẽ, Hữu bộ là phái thuộc Thượng Tọa bộ còn Đại thừa Phật giáo có nguồn gốc xuất phát từ Đại chúng bộ. Nhưng xét về mặt tư tưởng, sự

xuất hiện của Long Thọ và Phật giáo đại thừa là có nguyên nhân từ sự phản bác tư tưởng của Hữu bộ. Sự phản biện này là sự đấu tranh cho chánh pháp, tức gạt bỏ những yếu tố tư tưởng mâu thuẫn với lý thuyết Duyên khởi, Vô thường, Vô ngã của Đức Phật. Và theo TT. Thích Hạnh Bình: “*Cho dù các nhà Hữu bộ phân tích lý giải thế nào, đứng về mặt logic học, tư tưởng ‘thật hữu’ của Hữu bộ ẩn tàng yếu tố mâu thuẫn với lý thuyết Duyên khởi vô thường vô ngã của Đức Phật*” [21]. Vì vậy, tư tưởng *Nhất thiết pháp giai không* của Kinh Bát Nhã ra đời để chấn chỉnh Hữu bộ. Ngài Long Thọ tích cực hoằng dương tư tưởng *không*, nhưng ngài đã dùng duyên khởi - một phương pháp lập luận khác, để giải thích các pháp vốn *không*. Cái *không* của Long Thọ diễn tả cho sự diễn biến không ngừng của sự vật. Vì vậy mà tư tưởng của Long Thọ được gọi là *Duyên khởi tánh không*, phản bác tư tưởng *Tam thế thực hữu, Pháp thể hằng tồn* của Nhất Thiết Hữu bộ.

### Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Thích Hạnh Bình (2008), *Triết học có và không của Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr.87-101.
- [2] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trung Bộ 2*, 121. *Kinh Tiểu Không*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012, tr.433-434.
- [3] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ 1*, 5. *Kinh Kutadanta*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr.234-235.
- [4] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tương Ưng 3 Thiên Uẩn*, *Phẩm Hoa*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr.253.
- [5] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh dịch, *Đại Tập 6 - Bộ A-Hàm VI - Kinh Tạp A-Hàm Số 2, Tạp A- Hàm Quyển 24*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, Taiwan, 2000, tr.335.

- [6] Thích Hạnh Bình (2008), *Triết học có và không của Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr.101.
- [7] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh dịch, *Kinh Tạp A-Hàm Quyển 13 Kinh 304*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, tr.996.
- [8] Hòa thượng Ấn Thuận, Hạnh Bình - Quán Như dịch (2014), *Lược giảng luận Trung Quán*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.05.
- [9] Hòa thượng Ấn Thuận, Hạnh Bình - Quán Như dịch (2014), *Lược giảng luận Trung Quán*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.118.
- [10] Thích Hạnh Bình (2016), *Dịch chú và đối chiếu các bản khác nhau về Di bộ Tông luận luận*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.131.
- [11] Thích Hạnh Bình (2008), *Triết học có và không của Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr.114.
- [12] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, *Đại Tập 4 - Bộ A-Hàm IV - Kinh Trung A-Hàm Số 2*, 165. *Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên*, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, tr.447.
- [13] HT. Thích Thiện Siêu dịch, *Kinh Tạp A-hàm*, *Kinh số 298*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, tr.632.
- [14] Thích Hạnh Bình (2008), *Triết học có và không của Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr. 126.
- [15] Hòa thượng Ấn Thuận, Hạnh Bình - Quán Như dịch (2014), *Lược giảng luận Trung Quán*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.06-08.
- [16] Sáu bài kệ được sắp xếp lại trong tác phẩm *Lược giảng luận Trung Quán*, Hạnh Bình và Quán Như dịch, tr.06-08.
- [17] Năm bài kệ được sắp xếp lại trong tác phẩm *Lược giảng luận Trung Quán*, Hạnh Bình và Quán Như dịch, tr.08-10.
- [18] Hòa thượng Ấn Thuận, Hạnh Bình - Quán Như dịch (2014), *Lược giảng luận Trung Quán*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.10.
- [19] Hòa thượng Ấn Thuận, Hạnh Bình - Quán Như dịch (2014), *Lược giảng luận Trung Quán*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.118.
- [20] Tóm lược ý từ các bài kệ của phẩm Quán Tử Đê được trích lại trong tác phẩm *Lược giảng luận Trung Quán*, Hạnh Bình và Quán Như dịch, tr.10-12.
- [21] Thích Hạnh Bình (2008), *Triết học có và không của Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông, tr.170-171.

# ĐỘC THOẠI

Thạch Đờ Ni

Nửa cuộc đời nợ trần gian chưa sạch  
Tóc phai màu trên nhánh thời gian  
Ngôi chùa xưa hôm nay ta trở lại  
Mây buồn, nắng khóc, gió thổi than

Lật bài kinh cũ ta nguyện lại  
Đường trần đã chạm ngõ hoàng hôn  
Tâm hồn nhem nhuốc bên công chết  
Phân vân đôi ngã vui với buồn

Ta đã cô đơn khắp nẻo đời  
Độc thoại chân trần kiếp mờ cõi  
Chùn chân buông xuôi đêm trừ tịch  
Chẳng kiếm lại được nửa tiếng cười

Thôi đành về lại mái chùa xưa  
Dư hương một thuở theo gió mưa  
Quỳ bên tượng Phật ta thâm nguyện  
Vãng vắng bên tai tiếng gió lùa.



# NIỆM TÌNH MỘT LOÀI HOA

Mạnh Huy



Trắng tinh hoa sứ sân chùa  
Hương bay diu dịu, ngàn xưa vẫn còn.  
Hương hoa vương nhẹ lòng con  
Thơm từ gốc cội, sắt son với đời...

Linh thiêng khí tụ đất trời  
Chất chiu ngày tháng, đầy vơi hai mùa.  
Làn sương đầu tháng như tơ  
Tiếng chuông đồng vọng, tỏ mờ vàng trắng...

Một ngày chim sáo tung tăng  
Dàn đồng ca gọi ánh rằm về đây.  
Cành cao búp trắng bung đầy  
Hương thơm lan tỏa đêm ngày dặm xa...

Lòng con thư thái, an hòa  
Đi trong hương, lắng gần xa nỗi niềm.  
Chân trời ngọn gió cuốn lên  
Cơn mưa mát gọi bốn bên sân chùa...

Chiều nay, hoa rụng lưa thưa  
Gốc cây thao thức, gọi mùa ngày sau.  
Mùi hương nào dễ mất đâu  
Thơm lừng mặt đất, thấm sâu hương đời...



Những chương trình

**Phật Sự**

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẬP CHÍ  
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẮM HOA



CHUYỆN CỬA THIỀN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BỀN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT  
TRẮNG THẮNG TỰ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ **Live** và đăng tin tức  
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802  
Email: PSOMiennam@phatsuonline.com

## HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA



- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:    
- 02** Ấn nút  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03** Ấn nút  hoặc  cài kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

# Phật Sự

[www.phatsuonline.tv.com](http://www.phatsuonline.tv.com)

# Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**

quangminh  
CANDLE



THƯƠNG | ĐƯỢC  
HIỆU | YÊU  
NẾN | THÍCH  
NHẤT



quangminh  
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,  
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715

Hotline CSKH  
**0903 955 018**

[www.quangminhcandle.vn](http://www.quangminhcandle.vn)



# Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

